

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

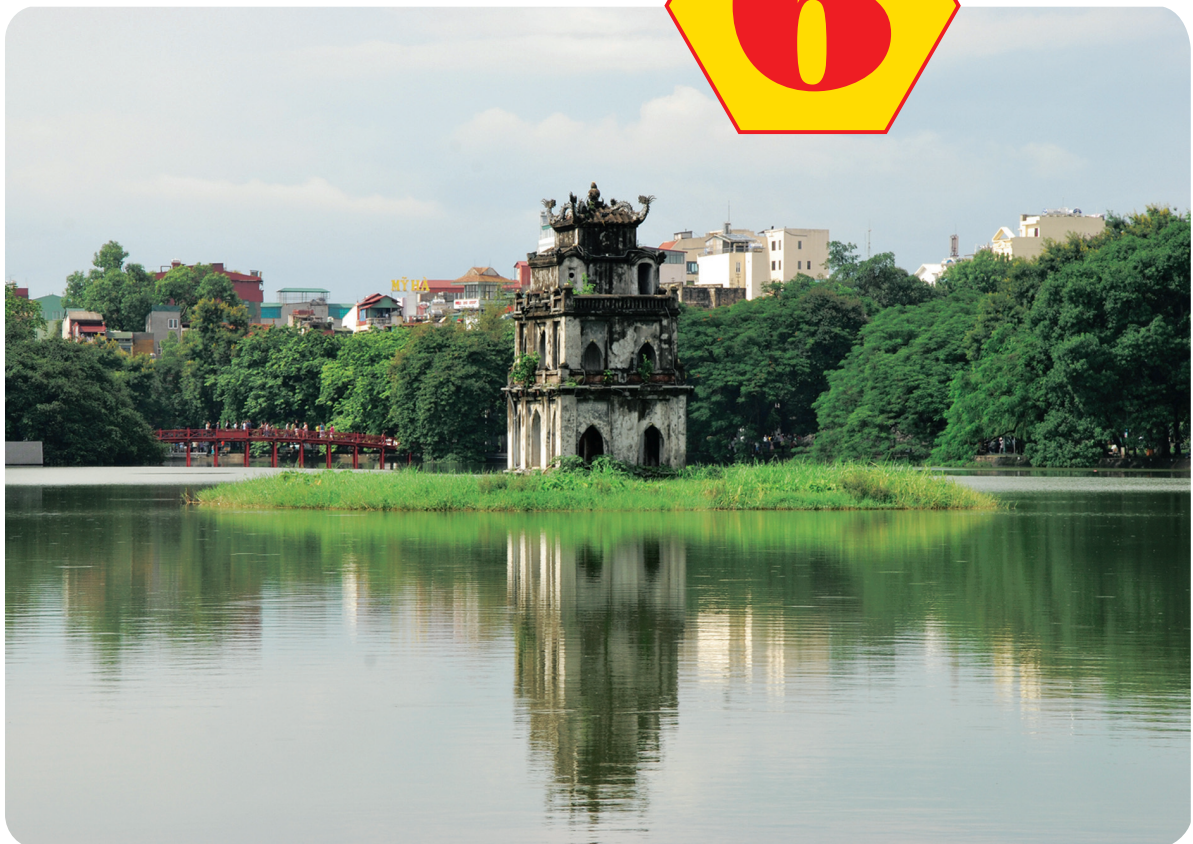
VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH

TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN **MÔN NGỮ VĂN**

LỚP



HÀ NỘI - 2015

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM

I – CƠ SỞ LÝ LUẬN DẠY HỌC

Dựa trên quan điểm của lý thuyết kiến tạo trong quá trình dạy học và giáo dục, quá trình dạy học theo mô hình Trường học mới tại Việt Nam được tổ chức phù hợp với nguyên tắc chung của các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Cụ thể là :

1. Học sinh (HS) là trung tâm của quá trình dạy học ;
 2. HS tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm ;
 3. Chú trọng đến tính tích cực để đảm bảo HS tự tìm tòi, suy nghĩ và chủ động nắm bắt kiến thức mới ; giáo viên (GV) tận dụng khả năng tổ chức các hoạt động để giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống ;
 4. GV duy trì một môi trường tích cực, cởi mở và đóng vai trò là người hướng dẫn học, chú trọng đến tính cạnh tranh đối với việc tiếp thu kiến thức của HS ;
 5. Sự hướng dẫn tự học từng bước được dựa trên sự hướng dẫn học bao gồm các hoạt động và bài tập diễn ra liên tiếp để hỗ trợ quá trình học tập. Phương pháp hướng dẫn tự học từng bước khuyến khích HS có sáng kiến và sáng tạo. Sự linh hoạt cho phép HS tiến bộ trên từng bước học tập của mình ;
 6. Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường với cha mẹ HS và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình tham gia vào quá trình giáo dục và ở đây các dự án cộng đồng là một trụ cột chính của chương trình ;
 7. Giao quyền tự quản cho HS để đảm bảo sự tham gia tích cực của HS trong đời sống dân chủ trong nhà trường, với sự tăng cường các giá trị như sự hợp tác, tôn trọng và làm việc nhóm.
- Với các nguyên tắc trên, các hoạt động học theo mô hình Trường học mới được hướng dẫn theo một tiến trình phù hợp, có thể vận dụng được tất cả các phương pháp dạy học tích cực khác như : dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp "Bàn tay nặn bột", dạy học dựa trên dự án,...

II – YÊU CẦU CHUNG VỀ KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Để đảm bảo các nguyên tắc nói trên, mỗi bài học cần được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề / nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kỹ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của HS trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau :

1. Chuỗi hoạt động học của HS thể hiện rõ tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của HS theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung : huy động những kiến thức, kĩ năng của mình để giải quyết tình huống / câu hỏi / vấn đề / nhiệm vụ học tập ; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kĩ năng của mình ; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng mới ; vận dụng kiến thức, kĩ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống / câu hỏi / vấn đề / nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống / câu hỏi / vấn đề / nhiệm vụ học tập mới...

Ví dụ : Trong dạy học ở trường phổ thông, đối với việc xây dựng một kiến thức cụ thể thì tiến trình hoạt động giải quyết vấn đề được mô tả như sau : "đề xuất vấn đề – suy đoán giải pháp – khảo sát lí thuyết và / hoặc thực nghiệm – kiểm tra, vận dụng kết quả". Chuỗi hoạt động học của HS phù hợp với tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học giải quyết vấn đề như sau :

a) Hoạt động khởi động : Từ nhiệm vụ cần giải quyết, HS huy động kiến thức, kĩ năng đã biết và nảy sinh nhu cầu về kiến thức, kĩ năng còn chưa biết, về một cách giải quyết không có sẵn, nhưng hi vọng có thể tìm tòi, xây dựng được. Diễn đạt nhu cầu đó thành câu hỏi.

b) Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động luyện tập : Để giải quyết vấn đề đặt ra, HS cần phải học lí thuyết hoặc / và thiết kế phương án thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm, thu lượm các dữ liệu cần thiết và xem xét, rút ra kết luận. Kiến thức, kĩ năng mới được hình thành giúp cho việc giải quyết được câu hỏi / vấn đề đặt ra.

c) Hoạt động vận dụng : Trên cơ sở kiến thức, kĩ năng mới được hình thành, HS vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong cuộc sống hằng ngày.

d) Hoạt động tìm tòi, mở rộng : HS tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

2. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho HS, thể hiện rõ : mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành. Quá trình tổ chức mỗi hoạt động học của HS được thực hiện theo các bước như sau :

a) Chuyển giao nhiệm vụ : Việc chuyển giao nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau : lời nói trực tiếp của GV ; thông qua tài liệu, học liệu,... đảm bảo cho tất cả HS quan tâm đến nhiệm vụ đặt ra, sẵn sàng nhận và tự nguyện thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) Thực hiện nhiệm vụ : HS hành động độc lập, tự chủ, trao đổi, tìm tòi, xoay trở để vượt qua khó khăn giải quyết nhiệm vụ. Trong quá trình đó, khi cần phải có sự định hướng của GV.

c) Tranh luận, hợp thức hóa, vận dụng tri thức mới : Dưới sự hướng dẫn của GV, HS trình bày, tranh luận, bảo vệ sản phẩm học tập đã hoàn thành. GV bổ sung, chính xác hóa và hợp thức hóa kiến thức cho HS.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập; thông qua các sản phẩm học tập mà HS đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS.

III – TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC

Nội dung tài liệu Hướng dẫn học gồm: nội dung học tập, các hoạt động học tập phù hợp với nội dung và các biện pháp sư phạm để triển khai các hoạt động học tập; đánh giá năng lực HS thông qua các hoạt động học tập và hợp tác. Tài liệu Hướng dẫn học trang bị cho HS khả năng hiểu biết, sự biểu đạt thông tin, kỹ năng tính toán, đề xuất, năng lực quản lý, năng lực bảo vệ môi trường học tập,... đồng thời phát huy vai trò dân chủ trong học tập và thi đua lành mạnh.

Để đảm bảo những nguyên tắc và yêu cầu trên trong quá trình dạy học, các bài học trong tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo từng chủ đề. Trong mỗi chủ đề, các đơn vị kiến thức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất. Mỗi đơn vị kiến thức đều được hướng dẫn học theo một cấu trúc thống nhất gồm các hoạt động, trong đó có hoạt động cá nhân và / hoặc hoạt động nhóm; hoạt động với GV và gia đình.

1. Hoạt động khởi động: Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

2. Hoạt động hình thành kiến thức: Mục đích của hoạt động này là giúp HS lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân. GV sẽ giúp HS xây dựng kiến thức mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối / sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận / khái niệm / công thức mới,...

3. Hoạt động luyện tập: Mục đích của hoạt động này là giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. GV sẽ yêu cầu HS làm các "bài tập" cụ thể giống như "bài tập" trong bước hình thành kiến thức để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình và áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống / vấn đề trong học tập.

4. Hoạt động vận dụng : Mục đích của hoạt động này là giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống / vấn đề mới, không giống với những tình huống / vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống / vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. GV sẽ hướng dẫn HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết thành công tình huống / vấn đề tương tự tình huống / vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần giúp HS gần gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, HS có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng : Mục đích của hoạt động này là giúp HS không bao giờ dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học, ham mê học tập suốt đời. GV cần khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. HS tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

IV – TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

1. Các hình thức hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động cá nhân : Loại hoạt động này yêu cầu HS thực hiện các bài tập / nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập / nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. GV cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của HS sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kĩ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm : Loại hoạt động này nhằm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập / nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm hai em (ví dụ : kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo),... ; còn hình thức hoạt động nhóm (từ ba em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp : Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông HS, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau : nghe GV hướng dẫn chung ; nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm ; HS luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp,... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) Hoạt động với cộng đồng : Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của HS trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như : nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như : tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương,...

2. Tiến trình hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo mô hình Trường học mới, HS ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào HS cũng hoạt động theo nhóm. HS vẫn làm việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và thiết kế hoạt động của GV.

a) Làm việc cá nhân : Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp HS có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, HS có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ GV hỗ trợ.

b) Làm việc theo cặp (hai HS) : Tuỳ theo hoạt động học tập, có lúc HS sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. GV lưu ý cách chia nhóm sao cho không HS nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, GV phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả HS đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như : kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin ; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp HS tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

c) Làm việc chung cả nhóm : Trong các giờ học của mô hình Trường học mới luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi HS tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó ; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó ; hoặc là HS trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng,... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này dễ phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là HS cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

d) Làm việc cả lớp : Khi HS có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều HS không thể vượt qua, GV có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. Lưu ý rằng những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc nào : cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, GV cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, GV có sự thay đổi, ứng dụng linh động và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho HS.

Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt HS theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng trong khi hầu hết HS đã hiểu và làm được ; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ ; cho HS giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian ; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau ; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt,...

3. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, GV. Cụ thể là :

a) Cá nhân : tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu ; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của GV ; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của GV.

b) Nhóm trưởng : thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác ; bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không ; phân công các bạn giúp đỡ nhau ; tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn ; thay mặt nhóm để liên hệ với GV và xin trợ giúp ; báo cáo tiến trình học tập nhóm ; điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. GV lưu ý phân công HS luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

c) Thư kí của nhóm : thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác ; là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn. GV có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo GV. GV lưu ý phân công HS luân phiên nhau làm thư kí.

4. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhóm

– Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp GV triển khai các hoạt động học tập.

– Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

– Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm HS làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn GV.

– Giúp đỡ HS, gợi mở để HS phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn HS báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, GV có thể gọi HS còn yếu ; khi cần biểu dương khích lệ học tập, GV có thể gọi HS khá giỏi thay mặt nhóm để báo cáo ; giao thêm nhiệm vụ cho những HS hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác,...).

– Vừa hướng dẫn học tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định HS phát biểu, trình bày báo cáo,... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng HS, không tập trung vào một số HS trong lớp, trong nhóm.

– Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. HS hoặc nhóm HS đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ GV giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

– Việc trợ giúp HS cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lý, linh hoạt để trợ giúp cho HS. Cần huy động được sự trợ giúp của HS khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp HS và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

V – ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, GV tiến hành một số việc như sau :

1. Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS / nhóm HS theo tiến trình dạy học ; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các HS ; những HS hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, GV lưu ý đến những HS có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để HS biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

2. Nếu có nhận xét đặc biệt, GV ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập,... của HS về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết,...

3. Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS : GV quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS ; từ đó động viên, khích lệ, giúp HS khắc phục khó khăn ; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng ; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

4. Khuyến khích và hướng dẫn HS tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý cho bạn, nhóm bạn

– HS tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác ; trao đổi với GV để được góp ý, hướng dẫn.

– HS tham gia nhận xét, góp ý cho bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục ; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

4. Khuyến khích và hướng dẫn cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ HS được khuyến khích phối hợp với GV và nhà trường động viên, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện ; được GV hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của HS ; trao đổi với GV bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư,... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ HS.

Lưu ý :

GV không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của HS ; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn HS, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như : những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được ; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS ; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm HS trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ HS, GV cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lí, hoàn cảnh riêng,... của từng HS để có những nhận xét thỏa đáng ; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp HS tự tin vươn lên ; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lí HS.

GV kịp thời trao đổi với cha mẹ HS và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

Hằng tháng, đối với những HS cần được quan tâm, GV ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của GV về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện ; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực ; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những HS chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

VI – VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG TỰ QUẢN HỌC SINH

Hội đồng tự quản HS là một tổ chức của HS, do HS bầu ra ở từng lớp, dưới sự hướng dẫn của GV chủ nhiệm và cha mẹ HS để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính HS ; đồng thời quản lí, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó.

Ví dụ : Hội đồng tự quản HS chuẩn bị và trực tiếp thực hiện các hoạt động sinh hoạt tập thể trong và ngoài giờ lên lớp ở lớp và ở trường ; hỗ trợ GV quản lí lớp học thông qua việc theo dõi, quản lí, sử dụng các công cụ hỗ trợ đang có trong lớp ; truyền đạt ý kiến phản ánh của HS trong lớp,... Các hoạt động của Hội đồng tự quản giúp HS tham gia một cách dân chủ tích cực vào quá trình học tập và giáo dục HS. Hội đồng tự quản HS không làm thay công việc của GV.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

A. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Về cấu trúc chương trình, nội dung sách “*Hướng dẫn học Ngữ văn 6*”

a) Về chương trình

Chương trình (CT) *Ngữ văn 6* theo mô hình Trường học mới gồm 33 tuần trong năm học (dành 2 tuần để các trường xử lý các vấn đề riêng).

Phân bố như sau :

- Học kì I : 16 tuần.
- Học kì II : 17 tuần.

Kiểm tra, đánh giá : các trường tự bố trí theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong quỹ thời gian đã định.

b) Về cấu trúc sách “*Hướng dẫn học Ngữ văn 6*”

Cấu trúc nội dung của sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* dựa trên trực đọc hiểu và tập làm văn. Các kiến thức phần Tiếng Việt được dạy tích hợp với phần Đọc hiểu. Ngoài ra, còn một số nội dung khác như chương trình địa phương, ôn tập.

Cụ thể như sau :

• Kiến thức đọc hiểu

- (1) Truyền thuyết (từ bài 1 đến bài 4)
- (2) Truyện cổ tích (từ bài 5 đến bài 9)
- (3) Truyện ngụ ngôn, truyện cười (bài 10, 13)
- (4) Truyện trung đại (bài 15)
- (5) Truyện, kí hiện đại (từ bài 17 đến bài 21, từ bài 24– 27)
- (6) Thơ hiện đại (bài 22, 23)
- (7) Văn bản nhật dụng (bài 29)

• Kiến thức và kĩ năng tiếng Việt

Phần Tiếng Việt được tích hợp dạy cùng Đọc hiểu và Tập làm văn, bao gồm :

- (1) Từ và cụm từ

Kiến thức về từ và cụm từ được dạy ở học kì I, bao gồm các nội dung chi tiết :

- Từ và các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt. Đây là nội dung ôn tập kiến thức tiếng Việt ở Tiểu học, giúp HS nhận diện từ và các kiểu cấu tạo từ : từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy).

- *Từ mượn* cũng là kiến thức ôn lại từ cấp Tiểu học, nhấn mạnh từ gốc Hán và từ gốc Ấn – Âu.
- Nghĩa của từ ; cách giải nghĩa từ ; từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ; chữa lỗi dùng từ. *Những kiến thức, kỹ năng này cũng được ôn lại từ kiến thức ở Tiểu học.*
- *Danh từ, cụm danh từ* là kiến thức kế tục và nâng cao, thêm phần cấu tạo của cụm danh từ. Theo công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (giảm tải), chọn *danh từ chung* và *danh từ riêng* để dạy.
- *Số từ, lượng từ, chỉ từ* là những từ loại thường gắn liền với danh từ, nằm trong cụm danh từ. Ở Tiểu học chưa học các loại từ này.
- *Động từ và cụm động từ* là những kiến thức củng cố và nâng cao so với Tiểu học. Phần nâng cao nằm ở cấu tạo của cụm động từ.
- *Phó từ* là từ loại gắn liền với động từ, nằm trong cụm động từ, chưa học ở Tiểu học.

(2) Các phép tu từ

Các phép tu từ được dạy ở học kì II.

Ở cấp Tiểu học, các phép tu từ mới học đến phép so sánh, nhân hoá. Ở lớp 6, học tiếp *ẩn dụ* và *hoán dụ*. Theo hướng dẫn giảm tải, *ẩn dụ* và *hoán dụ* chỉ dạy ở mức nhận diện và bước đầu phân tích tác dụng.

(3) Câu và dấu câu

Câu và dấu câu cũng được dạy ở học kì II. Đó là các kiến thức ngữ pháp, bao gồm :

- Các thành phần chính của câu
- Chữa lỗi chủ ngữ và vị ngữ
- Câu trần thuật đơn
- Câu trần thuật đơn có từ *là*
- Câu trần thuật đơn không có từ *là*.

Gắn liền với các bài ngữ pháp này là những bài ôn tập về dấu câu : dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy.

• Tập làm văn

Tập làm văn cũng được dạy tích hợp với Đọc hiểu và Tiếng Việt. Ở lớp 6, nội dung chính của phần Tập làm văn là văn tự sự và văn miêu tả, bên cạnh đó còn có văn hành chính – công vụ. Các kiến thức và kỹ năng cụ thể bao gồm :

- (1) Giao tiếp, văn bản, các kiểu văn bản (học kì I)
- (2) Văn tự sự (học kì I), gồm có :
 - Sự việc và nhân vật trong bài văn tự sự
 - Ngôi kể, thứ tự kể trong bài văn tự sự
 - Luyện tập kể chuyện đời thường
 - Kể chuyện tưởng tượng.

(3) Văn miêu tả (học kì II), gồm có :

- Đặc điểm chung
- Quan sát, tưởng tượng, nhận xét và so sánh trong bài văn miêu tả
- Văn tả cảnh
- Văn tả người.

(4) Văn hành chính – công vụ : viết đơn.

• *Chương trình địa phương*

Nội dung này được dạy cả ở học kì I và học kì II.

– Học kì I : bài 15 (tìm hiểu truyện kể dân gian địa phương ; chữa lỗi chính tả do phát âm tiếng địa phương).

– Học kì II : bài 32 (tìm hiểu văn hoá, môi trường địa phương).

• *Ôn tập và hệ thống hoá kiến thức*

Đây là nội dung chiếm thời lượng đáng kể, gồm các bài 13, 16 (học kì I) và 27, 30, 31, 33 (học kì II). Nội dung ôn tập và hệ thống hoá kiến thức bao gồm :

- Ôn tập các thể loại : truyện dân gian, truyện trung đại,...
- Ôn tập phần Tiếng Việt
- Ôn tập phần Tập làm văn
- Ôn tập tổng hợp.

2. Những điểm kế thừa và đổi mới trong Chương trình và sách "Hướng dẫn học Ngữ văn 6"

a) *Những điểm kế thừa CT, SGK Ngữ văn 6 hiện hành*

(1) Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng, đồng thời dựa trên CT và SGK *Ngữ văn 6* hiện hành.

Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* đã bám sát từng đơn vị kiến thức, kĩ năng, sử dụng nhiều ví dụ, bài tập đã có trong SGK *Ngữ văn 6*,... trên cơ sở đó, cấu trúc lại bài học theo mô hình Trường học mới.

Nhìn chung, các đơn vị kiến thức, kĩ năng trong các phân môn Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn vẫn đảm bảo như trong CT và SGK *Ngữ văn 6* hiện hành.

Một số bài học và nội dung giảm tải (theo công văn số 5842/ BGDDT–VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) cũng đã được sách này lưu ý thực hiện nghiêm túc.

(2) Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* vẫn đảm bảo tích hợp kiến thức giữa các phân môn Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn. Sự tích hợp này dựa trên hai trục năng lực cơ bản là *đọc hiểu* (tiếp nhận văn bản) và *tập làm văn* (tạo lập văn bản).

Tuy trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tính tích hợp thể hiện cao hơn, nhưng về cơ bản, nó cũng đã dựa trên CT và SGK hiện hành.

b) Những điểm mới của sách "Hướng dẫn học Ngữ văn 6"

Được biên soạn theo tinh thần đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, dựa trên những định hướng đã được nêu trong *Đề án đổi mới chương trình giáo dục phổ thông*, do vậy, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* có một số điểm mới như sau :

(1) Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* tổ chức thiết kế các bài học theo hệ thống, cấu trúc mới

Dựa theo CT và SGK hiện hành, sách này thiết kế mỗi bài học dạy trong 4 tiết, thường gồm các nội dung : Đọc hiểu, Tiếng Việt và Tập làm văn.

Do CT giảm tải, nên cấu trúc mỗi bài học như trên cũng không hoàn toàn nhất quán : có một số ít bài không có Đọc hiểu, và một số bài thuộc loại ôn tập, chương trình địa phương cũng không theo cấu trúc này.

Tên của văn bản trong bài đọc hiểu được sử dụng làm tên chung của bài học. Một số bài học không có đọc hiểu sẽ lựa chọn một tên gọi phù hợp theo nội dung chính của bài học.

So với SGK hiện hành, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* có một số điều chỉnh :

- Các khái niệm ngôn ngữ học được giảm tải ;
- Mục *Ghi nhớ* bị giản lược hoặc chuyển thành bài tập củng cố ;
- Một số kiến thức trùng lặp với cấp Tiểu học hoặc ít tính thiết thực cũng được giản lược ;
- Các câu hỏi, bài tập trong SGK hiện hành được sử dụng lại và cố nhiên trong nhiều trường hợp được tạo lập mới để phù hợp với sách *Hướng dẫn học* theo mô hình Trường học mới.

(2) Bài học trong *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* được thiết kế theo quy trình 5 hoạt động

Tiến trình bài học theo mô hình Trường học mới có điểm giống và khác so với tiến trình dạy học truyền thống. So sánh :

Tiến trình dạy học truyền thống	Tiến trình dạy học theo mô hình trường học mới
Bước 1 : Ổn định, kiểm tra	1) Hoạt động khởi động
Bước 2 : Dạy bài mới	2) Hoạt động hình thành kiến thức :
– Lời vào bài	HS tự làm các bài tập / nhiệm vụ (có hướng dẫn, chỉ dẫn) nhằm tìm ra kiến thức và kỹ năng.
– Nội dung 1 (Lí thuyết) (Với bài lí thuyết)	3) Hoạt động luyện tập
– Nội dung 2 (Thực hành)	4) Hoạt động vận dụng
Bước 3 : Củng cố, dặn dò (giao bài tập về nhà, trong đó có bài tập vận dụng)	5) Hoạt động tìm tòi, mở rộng
(Xem phần thứ nhất)	

Ưu điểm của tiến trình dạy học của mô hình Trường học mới là :

- Tạo cơ chế để HS hoạt động, tự tìm kiếm kiến thức và rèn luyện kỹ năng giảm thiểu tối đa phương pháp thuyết giảng hay vấn đáp ; tạo cơ hội để vận dụng các phương pháp dạy học tích cực.

- Tạo điều kiện để GV cân đối thời lượng giữa lí thuyết và thực hành ;
- Tăng các hoạt động vận dụng, mở rộng kiến thức, đảm bảo sự gắn kết giữa bài học với thực tiễn và định hướng mở rộng kiến thức sau bài học.
- Tạo cơ chế để gia đình tham gia giáo dục HS, gắn liền bài học tập với xã hội rộng lớn ; tạo cơ chế để HS sử dụng công nghệ thông tin (internet).
- Thuận lợi cho kiểm soát, đánh giá kết quả học tập của HS.

(3) Thiết kế các hoạt động cho HS

Dựa theo các bước trong tiến trình bài học của mô hình Trường học mới, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* thiết kế các hoạt động dành cho HS (do vậy gọi là “Hướng dẫn học”).

Điều này nghĩa là GV không thể dựa trên sách này để tiến hành giảng dạy như theo mô hình truyền thống, mặc dù, cả GV và phụ huynh đều có thể sử dụng sách để giúp đỡ HS tự học.

(4) Tổ chức các bài học theo định hướng phát triển năng lực cho HS

Điều này thể hiện ở khâu xác định mục tiêu, tiến trình bài học và kiểm tra đánh giá.

Riêng về cách ghi mục tiêu được xác định ở đầu bài học : Mỗi ý trong phần mục tiêu tương ứng với từng nội dung Đọc hiểu, Tiếng Việt và Tập làm văn. Trong mỗi ý nhỏ, mục tiêu sẽ được xác định lần lượt theo thứ tự : nhận biết, thông hiểu, vận dụng (thấp và cao). Các động từ được sử dụng trong cả ba cấp độ (như : *trình bày, tóm tắt, kể lại, phân tích, vận dụng,...*) là những động từ có tính lượng hóa, nhằm tạo thuận lợi cho kiểm soát, đánh giá.

(5) Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo quan điểm đánh giá năng lực và đánh giá quá trình

– *Đánh giá năng lực* là cách đánh giá dựa trên mức độ hình thành và phát triển năng lực của HS. Quan điểm đánh giá theo mô hình Trường học mới là xem xét quá trình hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất của HS trong từng giai đoạn. Các năng lực và phẩm chất cần hình thành, phát triển cho HS qua mỗi bài học đã được xác định trong mục tiêu và triển khai trong toàn bộ nội dung bài học. *Đánh giá năng lực* là công việc nhằm xác định mức độ hoàn thành của các mục tiêu đó.

– *Đánh giá quá trình* là quan điểm đánh giá dựa trên toàn bộ quá trình học tập. Trong đánh giá quá trình, GV quan tâm đến sự tiến bộ của từng HS trong học tập bằng các phương pháp và hình thức đánh giá đa dạng như đã nói ở trên. Đặc biệt cần phối hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, tạo nhiều cơ hội để HS đánh giá chính mình và phản hồi kết quả của mình để đạt tới các giá trị như tự tin, độc lập, có khả năng phê phán và thái độ tiếp nhận phê phán,... Điểm mới trong đánh giá theo mô hình Trường học mới chính là tạo điều kiện tốt hơn để HS tự đánh giá (cá nhân tự đánh giá, đánh giá nhóm, đánh giá lẫn nhau) và đưa các thành viên trong gia đình vào quá trình đánh giá.

3. Về cách tổ chức thực hiện Chương trình và sách "Hướng dẫn Ngữ văn 6"

a) Chuẩn bị bài học của GV, HS

(1) Nghiên cứu kĩ mục tiêu bài học

Mục tiêu thể hiện trong phần đầu của mỗi bài học, được biên soạn dựa trên các tiêu chí năng lực. Khác với SGK hiện hành, các mục tiêu trong *Hướng dẫn học Ngữ văn THCS* theo mô hình Trường học mới không hướng đến kiến thức, kĩ năng, thái độ mà hướng tới phát triển năng lực HS, trong đó thiết lập ba mức : nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

(2) Tìm hiểu mục đích, nội dung, cách thức tổ chức các hoạt động (bài tập / nhiệm vụ) cho HS

– Mỗi bài tập / nhiệm vụ đều có mục đích riêng, tùy theo ý tưởng của người biên soạn. GV nên tìm hiểu ý tưởng đó. Thông thường, mỗi bài tập hướng đến việc giúp HS nhận biết một đơn vị tri thức hoặc rèn luyện một kĩ năng.

– Mỗi bài tập / nhiệm vụ cũng có một nội dung tương thích với mục tiêu, nêu rõ các yêu cầu và nội dung cần thực hiện.

– Cách thức tiến hành cũng được xác định rõ trong mỗi bài tập / nhiệm vụ : Nhìn chung, nội dung và cách thức tiến hành mỗi bài tập / nhiệm vụ đều đã được thiết kế theo mục tiêu xác định. GV cần nghiên cứu để nắm vững, và nếu có thể, tham gia vào việc sáng tạo các hoạt động (bài tập / nhiệm vụ) sao cho hấp dẫn hơn, phù hợp hơn với đối tượng HS của mình.

(3) Chuẩn bị đồ dùng và thiết bị dạy học

Trước mỗi bài học, GV ngoài việc phải kiểm tra các thiết bị, đảm bảo hoạt động tốt, cần phải thực hiện các công việc chuyên môn như sau :

– Chuẩn bị hệ thống hình ảnh, băng hình : Mỗi bài học đều có hệ thống hình ảnh và băng hình riêng. GV có thể sử dụng hình ảnh trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn THCS* và sưu tầm thêm một số hình ảnh khác phù hợp.

– Chuẩn bị bảng phụ, *Phiếu học tập* và các đồ dùng thủ công khác : Một số bài học nêu yêu cầu sử dụng bảng phụ, *Phiếu học tập*, các dụng cụ cắt dán,... GV và HS cũng có thể cùng sáng tạo thêm đồ dùng theo nhu cầu của thực tế dạy học.

b) *Hướng dẫn học sinh học tập*

(1) Sắp xếp vị trí ngồi của HS

Có nhiều cách sắp xếp vị trí ngồi cho HS trên nguyên tắc tạo sự thoải mái, tự do, thuận tiện và hứng thú.

Trong lớp học theo mô hình Trường học mới, không nên sắp xếp chỗ ngồi theo hướng một chiều nhìn lên bảng (như cách sắp xếp đang phổ biến hiện nay) vì như vậy chỉ thuận tiện cho cách dạy học “thầy giảng – trò nghe”. Mô hình Trường học mới khuyến khích các hình thức học tập, làm việc khác nhau, trong đó nhấn mạnh hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân. Do vậy, cách sắp xếp ngay từ đầu buổi học là kê bàn theo nhóm từ 4 đến 6 em, tạo thành các cặp quay mặt vào nhau và cùng hướng lên bảng.

(2) Hướng dẫn các hoạt động của học sinh

Trong tiến trình bài học Ngữ văn theo mô hình Trường học mới, nổi bật hơn cả là các hoạt động của HS. Tuy vậy, GV bao giờ cũng giữ vai trò rất quan trọng. GV vừa là cố vấn, người trọng tài, nhưng đồng thời cũng là “người đồng hành” cùng với HS.

Nói chung, trong giờ học, với mỗi nhiệm vụ / bài tập, GV cần làm tốt những công việc sau đây :

- Giao nhiệm vụ / bài tập cho cá nhân / nhóm HS ; nêu rõ nhiệm vụ, yêu cầu và thời gian thực hiện. Nếu cần có thể hướng dẫn, giải thích, nhưng không nên lạm dụng thao tác này.

- Tổ chức cho HS thực hiện bài tập / nhiệm vụ. Trong thời gian HS làm bài tập hay thực hiện nhiệm vụ, GV cần quan sát từng nhóm, từng cá nhân HS để có thể động viên, giúp đỡ khi cần thiết.

- Tổ chức cho HS báo cáo và đánh giá kết quả làm được. Việc báo cáo kết quả và đánh giá có thể được tiến hành tại các nhóm riêng rẽ, cũng có thể được tiến hành chung cả lớp, tùy thuộc từng nhiệm vụ / bài tập cụ thể.

- Tạo được không khí nghiêm túc nhưng sôi nổi, hứng thú.

Lưu ý :

- Khi hướng dẫn HS hoạt động theo 5 bước, ngoài việc nắm vững kĩ thuật thực hiện các bước, GV vẫn có thể linh hoạt chuyển đổi các bài tập nếu thấy phù hợp và cần thiết.

- Khi hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập (hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm,...), tùy theo đối tượng HS, GV vẫn có thể điều chỉnh lôgô nếu thấy cách đó phù hợp hơn.

(3) Trao đổi, nhận xét về kết quả hoạt động của học sinh

Việc trao đổi, nhận xét được tiến hành cụ thể và trực tiếp, với từng nhóm và từng cá nhân HS. GV cần tạo điều kiện sao cho mỗi HS đều được trả lời và lắng nghe sự trả lời của từng HS. Tránh việc lấy kết quả hoạt động của một vài cá nhân HS để đại diện cho cả lớp.

Trong một số trường hợp, GV vẫn có thể tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm chung khi thấy đa số HS có chung một ưu điểm hay một loại khuyết điểm.

c) Hướng dẫn tổ chức hoạt động của học sinh

• Tổ chức các hoạt động học tập

(1) *Hoạt động cá nhân* là hoạt động yêu cầu HS thực hiện các bài tập / nhiệm vụ một cách độc lập. Loại hoạt động này nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập / nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. GV cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân để HS rèn luyện kĩ năng một cách tập trung.

Trong thực tế, cách tổ chức các hoạt động cá nhân trong mô hình Trường học mới tương tự như cách tổ chức làm bài tập ngữ văn theo SGK hiện hành. Tuy nhiên, vẫn có chỗ khác là : trong mô hình Trường học mới, GV quan tâm đến hoạt động cá nhân ở phương diện hình thành năng lực hơn là phương diện lĩnh hội kiến thức ; ngoài ra, GV quan tâm đến từng cá nhân HS chứ không phải đến số đông như cách dạy hiện hành.

(2) *Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm* là những hoạt động nhằm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng.

Khi tổ chức *hoạt động cặp đôi* và *hoạt động nhóm*, GV cần lưu ý xác định rõ mục đích, nội dung bài tập / nhiệm vụ có phù hợp với hoạt động cặp đôi hay hoạt động nhóm hay không.

Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập / nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm hai em (ví dụ : kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...) ; còn hình thức hoạt động nhóm (từ ba em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn THCS* theo mô hình Trường học mới rất quan tâm đến hình thức hoạt động nhóm vì đó là một trong những hình thức có nhiều lợi thế để phát triển năng lực hợp tác, một trong những năng lực được nhấn mạnh trong mục tiêu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo mô hình Trường học mới.

Khi tổ chức hoạt động nhóm, GV cần :

- Chia lớp thành các nhóm, với số lượng HS thích hợp ; kê bàn theo vị trí phù hợp với không gian lớp học.

- Giao bài tập / nhiệm vụ cho mỗi nhóm. Nêu yêu cầu rõ ràng.

- Nhóm trưởng chỉ huy, quản lý hoạt động của cả nhóm theo hướng dẫn :

- + Mỗi cá nhân thực hiện nhiệm vụ riêng biệt.

- + Cá nhân trao đổi với bạn trong nhóm, yêu cầu hợp tác (nếu cần).

- + Lần lượt từng cá nhân trình bày sản phẩm.

- + Nhóm góp ý kiến với từng cá nhân.

- Làm việc với GV : Nhóm trưởng trình bày ý kiến chung của cả nhóm. GV lắng nghe, tổ chức để nhóm tự đánh giá và đề xuất ý kiến tổng kết hoặc điều chỉnh.

(3) *Hoạt động chung cả lớp* là hình thức hoạt động phù hợp với số đông HS. Đây là hình thức nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Trong môn học Ngữ văn, hoạt động chung cả lớp được thực hiện khi HS cần có sự thống nhất chung hoặc rút ra những kết luận cần thiết cho một nội dung học tập.

Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau :

- Nghe GV hướng dẫn chung.

- Nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm.

- HS luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp.

Lưu ý : Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

(4) *Hoạt động với cộng đồng* là hình thức hoạt động của HS trong mối tương tác với xã hội.

Hoạt động với cộng đồng bao gồm các hình thức, từ đơn giản như : kể cho bé nghe, nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như : tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương,...

Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn THCS* theo mô hình Trường học mới, phần lớn các hình thức hoạt động với cộng đồng được áp dụng cho hoạt động bổ sung, làm việc ở nhà.

• *Tổ chức các hoạt động bổ trợ*

Bên cạnh đó, GV có thể tổ chức một số hoạt động bổ trợ nhằm tăng hứng thú và hiệu quả học tập cho HS. Đó là các hoạt động sau :

(1) *Hoạt động hội thi, câu lạc bộ*

– Các hoạt động này bao gồm : thi đọc thơ, ngâm thơ, hát ; thi tìm hiểu kiến thức, thi thể hiện kĩ năng, thi ứng xử tình huống,...

– Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, các hoạt động này được thiết kế khá thường xuyên.

– Khi tổ chức các hoạt động này, GV cũng cần chú ý các bước sao cho phù hợp với nội dung bài học và gây được hứng thú cho HS.

Những cuộc thi có quy mô lớn hơn và trong thời gian dài hơn được gọi là hội thi. Câu lạc bộ cũng là hình thức tổ chức học tập có phạm vi rộng.

(2) *Tổ chức trò chơi học tập*

– Trò chơi trong học tập là hình thức hoạt động được thiết kế nhằm làm giảm căng thẳng, tăng hứng thú cho HS.

– Về nguyên tắc, trò chơi có thể được thiết kế trong tất cả các công đoạn của quá trình dạy học, tùy theo nội dung cụ thể của mỗi bài học. Tuy nhiên, trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* theo mô hình Trường học mới, trò chơi học tập thường được tổ chức trong phần Hoạt động khởi động (phần đầu) và đôi khi trong phần Hoạt động thực hành.

– Cách thức tổ chức trò chơi cũng tương tự như tổ chức các cuộc thi, hội thi. Tùy theo nội dung, số lượng người tham gia để quyết định có hay không có ban giám khảo và người dẫn chương trình.

(3) *Tổ chức tham quan, học tại hiện trường*

– Các hoạt động tham quan, ngoại khoá từ lâu vẫn rất được quan tâm. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khác nhau, các hoạt động này trong những năm gần đây đã bị giảm thiểu. Với mô hình Trường học mới, các hoạt động này cần được coi trọng. Đặc biệt, không có sự phân biệt nội khoá hay ngoại khoá. Các nội dung dạy học chính thức vẫn có thể được dạy tại hiện trường, thậm chí, học tại hiện trường là hình thức tổ chức cần được khuyến khích ; bên cạnh đó, việc mở rộng, bổ sung kiến thức không còn nằm ngoài CT (ngoại khoá) mà trở thành yêu cầu bắt buộc đối với mỗi bài học.

– Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* theo mô hình Trường học mới, một số nội dung được thiết kế dạy tại hiện trường, chẳng hạn tìm hiểu văn hoá dân gian, tiếng nói, môi trường địa phương,... (phần chương trình địa phương).

II – CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

1. Tên bài, thời lượng, nội dung

Bài/ Tuần	Tên bài	Thời lượng	Nội dung
1	<i>Thánh Gióng</i>	4	Đọc hiểu <i>Thánh Gióng</i> . Đặc điểm truyền thuyết. Hiểu thế nào là <i>giao tiếp</i> , <i>mục đích giao tiếp</i> và các dạng thức của <i>văn bản</i> . Đọc thêm : <i>Con Rồng cháu Tiên</i> , <i>Bánh chưng bánh giầy</i>
2	Tìm hiểu chung về văn tự sự	4	Tìm hiểu chung về văn tự sự. <i>Từ</i> và các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt. Từ mượn.
3	<i>Sơn Tinh– Thủy Tinh</i>	4	Đọc hiểu <i>Sơn Tinh– Thủy Tinh</i> ; Hiểu được thế nào là <i>nghĩa của từ</i> ; nắm vững một số cách giải thích nghĩa của từ ; vận dụng giải nghĩa từ. Xác định được <i>sự việc</i> và <i>nhân vật</i> trong truyện ; kể lại một câu chuyện có <i>sự việc</i> và <i>nhân vật</i> . Đọc thêm : <i>Sự tích Hồ Gươm</i>
4	Cách làm văn bản tự sự	4	Chủ đề, dàn bài văn tự sự : Tìm hiểu đề và cách làm văn tự sự. Làm bài số 1 : Văn kể chuyện.
5	Từ nhiều nghĩa, hiện tượng chuyển nghĩa của từ	4	Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ; Lời văn, đoạn văn tự sự.
6	<i>Thạch Sanh</i>	4	Đọc hiểu <i>Thạch Sanh</i> Đặc điểm truyện cổ tích. Chữa lỗi dùng từ. Trả bài số 1. Đọc thêm : <i>Sọ Dừa</i>

7	<i>Em bé thông minh</i>	4	Đọc hiểu <i>Em bé thông minh</i> Chữa lỗi dùng từ (tiếp theo) Luyện nói kể chuyện Đọc thêm : <i>Cây bút thần</i>
8	Danh từ	4	Danh từ Ngôi kể trong văn tự sự
9	Thứ tự kể trong văn kể chuyện	4	Hiểu thứ tự kể trong bài văn kể chuyện. Viết bài văn số 2 : Văn kể chuyện Đọc thêm : <i>Ông lão đánh cá và con cá vàng.</i>
10	<i>Ếch ngồi đáy giếng</i>	4	Đọc hiểu <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> , Danh từ (tiếp) Luyện nói Kể chuyện Đọc thêm : <i>Đeo nhạc cho mèo</i> Đọc thêm : <i>Chân, tay, tai, mắt, miệng</i>
11	Cụm danh từ	4	Cụm danh từ Trả bài số 2 Luyện tập xây dựng bài văn tự sự– Kể chuyện đời thường
12	<i>Treo biển</i>	4	Đọc hiểu <i>Treo biển</i> ; Số từ và lượng từ Kể chuyện tưởng tượng Viết bài làm văn số 3 Đọc thêm : <i>Lợn cưới áo mới.</i>
13	Ôn tập truyện dân gian	4	Ôn tập truyện dân gian Chỉ từ Luyện tập kể chuyện tưởng tượng
14	Động từ và cụm động từ	4	Động từ và cụm động từ Trả bài TLV số 3
15	<i>Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.</i>	4	Đọc hiểu : <i>Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.</i> Tính từ và cụm tính từ Chương trình địa phương (Phần TV, Văn và TLV) Đọc thêm : <i>Con hổ có nghĩa</i> Đọc thêm : <i>Mẹ hiền dạy con</i>

16	Luyện tập tổng hợp	4	Ôn tập Tiếng Việt Kiểm tra tiếng Việt Làm bài kiểm tra tổng hợp kì 1
17	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>	4	Đọc hiểu : <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> Phó từ. Tìm hiểu chung về văn miêu tả
18	<i>Sông nước Cà Mau</i>	4	Đọc hiểu <i>Sông nước Cà Mau</i> So sánh Quan sát, tưởng tượng, nhận xét và so sánh trong văn miêu tả. Đọc thêm : <i>Lao xao</i>
19	<i>Bức tranh của em gái tôi</i>	4	Đọc hiểu <i>Bức tranh của em gái tôi</i> Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả
20	<i>Vượt thác</i>	4	Vượt thác So sánh (tiếp) CT địa phương phần TV : Rèn chính tả Phương pháp tả cảnh Làm bài số 5 : Văn tả cảnh
21	<i>Buổi học cuối cùng</i>	4	Đọc hiểu <i>Buổi học cuối cùng</i> Nhân hóa Phương pháp tả người
22	<i>Đêm nay Bác không ngủ</i>	4	Đọc hiểu : <i>Đêm nay Bác không ngủ</i> Ẩn dụ Luyện nói về văn miêu tả
23	<i>Lượm</i>	4	Đọc hiểu : <i>Lượm</i> Hoán dụ Tập làm thơ 4 chữ. Trả bài làm văn số 5 Đọc thêm : <i>Mưa</i>
24	<i>Cô Tô</i>	4	Đọc hiểu : <i>Cô Tô</i> Các thành phần chính của câu Viết bài số 6 : Văn tả người

25	<i>Cây tre Việt Nam</i>	4	Đọc hiểu : <i>Cây tre Việt Nam</i> Câu trần thuật đơn Hoạt động ngữ văn : Thi làm thơ 5 chữ. Đọc thêm : <i>Lòng yêu nước</i>
26	Câu trần thuật đơn có từ là	4	Câu trần thuật đơn có từ là. Trả bài làm văn số 6.
27	Ôn tập truyện và kí	4	Ôn tập truyện và kí Câu trần thuật đơn không có từ là Ôn tập văn miêu tả Làm bài số 7 : Văn miêu tả sáng tạo
28	Chữa lỗi chủ ngữ, vị ngữ	4	Chữa lỗi chủ ngữ và vị ngữ Viết đơn
29	<i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</i>	4	Đọc hiểu : <i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</i> Đặc điểm văn bản nhật dụng Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi Chữa lỗi chủ ngữ và vị ngữ (tiếp) Đọc thêm : <i>Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử</i> Đọc thêm : <i>Động Phong Nha.</i>
30	Ôn tập dấu câu	4	Ôn tập dấu câu (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, chấm than). Kiểm tra Tiếng Việt Trả bài số 7
31	Ôn tập phần văn, tập làm văn	4	Tổng kết phần Văn Tổng kết phần TLV Ôn tập về dấu câu (dấu phẩy)
32	Chương trình địa phương	4	CT địa phương phần Văn và Tập làm văn Ôn tập tổng hợp
33	Ôn tập cuối năm	4	Tổng kết phần Tiếng Việt Viết bài kiểm tra tổng hợp cuối năm

2. Một số lưu ý khi thực hiện chương trình

Như trên đã nói, mỗi bài học trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* được biên soạn theo tinh thần tích hợp nội dung học tập của ba phân môn Đọc hiểu, Tiếng Việt, Tập làm văn, với các hoạt động học tập đã được hướng dẫn cụ thể. Hướng đến mục tiêu hình thành và phát triển năng lực người học, GV vừa phải quan tâm đến các nội dung cụ thể trong từng bài học, đồng thời cần kết nối các nội dung học tập trong từng chủ đề để thấy được mối liên hệ giữa mục tiêu và nội dung của các bài học trong chủ đề, thể hiện tốt nhất việc hình thành và phát triển năng lực của HS. Do vậy, phần hướng dẫn cụ thể của tài liệu này tập trung vào việc hướng dẫn GV tổ chức tốt các nội dung học tập theo chủ đề trong CT *Ngữ văn* lớp 6, liên quan đến ba phân môn Văn học (Đọc hiểu), Tiếng Việt, Tập làm văn. Khi GV đã nắm vững những yêu cầu và cách thức tổ chức dạy học theo chủ đề thì sẽ thực hiện tốt việc dạy học theo từng bài học cụ thể theo tinh thần tích hợp. Với mỗi chủ đề, tài liệu mong muốn cung cấp thêm cho GV nội dung kiến thức liên quan đến từng bài học cụ thể (kiến thức về thể loại, về tác giả, về nội dung, nghệ thuật của văn bản ; kiến thức về từ ngữ, ngữ pháp, biện pháp tu từ của các bài học Tiếng Việt ; kiến thức về các kiểu văn bản). Các nội dung dạy học đọc hiểu sẽ được chia tách thành các chủ đề tương ứng với từng thể loại (văn bản văn học) và những vấn đề thời sự được đề cập (văn bản nhật dụng) ; các nội dung dạy học Tiếng Việt và Tập làm văn, do có những điểm chung trong việc hướng dẫn thực hiện các nội dung dạy học của phân môn nên mỗi phân môn được triển khai thành một chủ đề.

Những nội dung được giới thiệu trong tài liệu này để GV tham khảo thêm trong quá trình dạy học, giúp GV có thêm những kiến thức, kĩ năng cần thiết liên quan đến chủ đề, không nhất thiết phải dạy cho HS. Tùy từng đối tượng HS, GV có thể lựa chọn để việc dạy học tiến hành phù hợp. Mặt khác, GV không nên quá cứng nhắc, lệ thuộc hoàn toàn vào từng hoạt động mà có thể chủ động trong việc xây dựng kịch bản cho mỗi bài học, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và năng lực của GV.

B – HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC

I – PHÂN ĐỌC HIỂU

1. TRUYỀN THUYẾT

1.1. Mục tiêu

a) Hình thành và phát triển một số kiến thức, kĩ năng và năng lực đặc thù

(1) Về kiến thức, kĩ năng cơ bản

– Nắm được cốt truyện, kể lại / tóm tắt nội dung của các văn bản : *Thánh Gióng* ; *Sơn Tinh, Thủy Tinh* ;

– Nêu và lí giải được nội dung ý nghĩa của các truyện : *Thánh Gióng* (thể hiện quan niệm và mơ ước của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm) ; *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng) ;

– Chỉ ra và phân tích được đặc trưng nghệ thuật của các truyện này : yếu tố lí tưởng hóa và tưởng tượng kì ảo, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với sự thực lịch sử.

(2) Về vận dụng

– Vận dụng hiểu biết về truyền thuyết để đọc hiểu các truyền thuyết khác trong kho tàng văn học của Việt Nam và thế giới.

– Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học vào giải quyết những tình huống trong thực tiễn đời sống và học tập của bản thân.

b) Phát triển một số phẩm chất cho HS

Chủ đề Truyền thuyết góp phần giáo dục HS :

– Sống yêu thương

– Sống tự chủ

– Sống có trách nhiệm.

1.2. Nội dung chính

a) Kiến thức chung về thể loại

(1) Truyền thuyết là truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ. Chính vì vậy mà truyền thuyết có cơ sở lịch sử, cốt lõi sự thật lịch sử đậm hơn, rõ hơn so với các thể loại truyện dân gian khác.

Khái niệm “cơ sở lịch sử” được hiểu theo nghĩa rộng. Đó là những sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến tác phẩm. Còn “cốt lõi sự thật lịch sử” là những sự kiện, nhân vật lịch sử quan trọng nhất, chủ yếu nhất mà tác phẩm phản ánh hoặc làm cơ sở cho sự ra đời của tác phẩm. Nhưng cơ sở lịch sử, cốt lõi sự thật lịch sử trong các truyền thuyết chỉ là cái nền, cái “phông” cho tác phẩm. Lịch sử ở đây đã được nhào nặn lại, được kì ảo hóa để khái quát hóa, lí tưởng hóa nhân vật và sự kiện, làm tăng “chất thơ” cho các câu chuyện.

Tuy vậy, truyền thuyết không phải là lịch sử, bởi đây là *truyện*, là *tác phẩm nghệ thuật dân gian*. Nó thường có yếu tố “lí tưởng hóa” và yếu tố “tưởng tượng kì ảo”. Trong đó, yếu tố “lí tưởng hóa” được hiểu là nhân dân bao giờ cũng nhớ ơn những người đã có công với đất nước, dân tộc nên những con người đó khi mất đi đều được thờ cúng và nhân dân không ngừng kể mãi chuyện về những con người đó với giọng điệu tôn kính, ngợi ca ; “tưởng tượng kì ảo” có nhiều nghĩa nhưng ở đây được hiểu là chi tiết không có thật, được tác giả dân gian sáng tạo nhằm mục đích nhất định (để chỉ chi tiết này, có khi người ta dùng những khái niệm như *chi tiết* (hoặc *yếu tố*) *thần kì*, *lạ thường*, *hư cấu*, *hoang đường*,...). Chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện cổ dân gian gắn với quan niệm, tín ngưỡng của người xưa về thế giới. Chẳng hạn, quan niệm về các thế giới (trần gian, thiên phủ, âm phủ, thủy phủ), về sự đan xen giữa thế giới thần và thế giới người, quan niệm “vạn vật hữu linh” (vạn vật đều có linh hồn) ; tín ngưỡng vật tổ (mỗi tộc người sinh ra từ một loại thảo mộc hay động vật nào đó),...

– Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.

– Truyền thuyết Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ với thần thoại. Chất thần thoại thể hiện, chẳng hạn, ở nhận thức hư ảo về con người, tự nhiên (trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*). Nhưng những yếu tố thần thoại ấy đã được lịch sử hóa. Tính chất lịch sử hóa thể hiện ở một số điểm sau :

+ Gắn tác phẩm với một thời đại lịch sử cụ thể là thời đại các vua Hùng và các tác phẩm đều có “cốt lõi” sự thật lịch sử.

+ Tác phẩm thể hiện rõ ý thức về tăng cường sức mạnh cộng đồng của người Việt trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên và giặc ngoại xâm.

(2) Những truyền thuyết về thời đại các vua Hùng tuy tồn tại riêng rẽ nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Có thể coi đây là một chuỗi truyền thuyết. Tuy nhiên, *Thánh Gióng*, *Sơn Tinh*, *Thủy Tinh* là những truyện tiêu biểu nhất trong chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng.

b) Kiến thức cụ thể về các bài đọc

(1) *Thánh Gióng*

– Nội dung :

+ Truyện kể về ý thức và sức mạnh đánh giặc ngoại xâm đã có từ rất sớm của người Việt cổ.

+ Truyện cho thấy Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. Trong văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian nói riêng, đây là hình tượng người anh hùng đánh giặc đầu tiên, tiêu biểu cho lòng yêu nước của nhân dân ta. Gióng là người anh hùng mang trong mình sức mạnh của cả cộng đồng ở buổi đầu dựng nước : sức mạnh của tổ tiên thần thánh (sự ra đời thần kì) ; sức mạnh của tập thể cộng đồng (bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng) ; sức mạnh của thiên nhiên, văn hóa, kĩ thuật (núi non, tre và sắt).

– Nghệ thuật : Truyện sử dụng nhiều chi tiết đặc sắc để xây dựng nhân vật Thánh Gióng, như :

+ Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đánh giặc ;

+ Gióng đòi ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt để đánh giặc ;

+ Bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng ;

+ Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ ;

+ Gậy sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc ;

+ Đánh giặc xong, Gióng cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng về trời.

(2) *Sơn Tinh, Thủy Tinh*

– Nội dung :

+ Truyện giải thích nguyên nhân của hiện tượng lũ lụt hằng năm ;

+ Truyện thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự bão lũ của người Việt cổ ;

+ Truyện suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng. Thần núi Tản Viên trở thành con rể vua Hùng, điều này có ý nghĩa đề cao quyền lực của các vua Hùng và chiến công dựng nước của người Việt cổ.

– Nghệ thuật : Truyện sử dụng những hình tượng nghệ thuật kì ảo mang tính tượng trưng và khái quát cao :

+ Thủy Tinh là hiện tượng mưa to, bão lụt ghê gớm hằng năm được hình tượng hóa. Tư duy thần thoại đã hình tượng hóa sức nước và hiện tượng bão lụt thành kẻ thù hung dữ, truyền kiếp của Sơn Tinh.

+ Sơn Tinh là lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lũ lụt, là ước mơ chiến thắng thiên tai của người xưa được hình tượng hóa. Tầm vóc vũ trụ, tài năng và khí phách của Sơn Tinh là biểu tượng sinh động cho chiến công của người Việt cổ trong cuộc đấu tranh chống lũ lụt ở vùng lưu vực sông Đà và sông Hồng. Đây cũng là kì tích dựng nước của thời đại các vua Hùng và kì tích ấy tiếp tục được phát huy mạnh mẽ về sau.

1.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Về dạy học đọc hiểu thể loại truyền thuyết

(1) Dạy học đọc hiểu truyền thuyết phải bám sát vào đặc trưng thể loại

– Truyền thuyết là một thể loại tự sự dân gian :

+ Tự sự : có cốt truyện và hệ thống nhân vật. Cốt truyện được triển khai, nhân vật được khắc họa nhờ một hệ thống chi tiết nghệ thuật phong phú đa dạng, bao gồm chi tiết sự kiện xung đột, chi tiết nội tâm, ngoại hình của nhân vật, chi tiết tính cách,... và cả những chi tiết liên tưởng, tưởng tượng, hoang đường.

+ Tự sự dân gian : mang những đặc trưng của tác phẩm tự sự (có cốt truyện, có thể kể lại hoặc tóm tắt được ; nhân vật được xây dựng theo bút pháp lãng mạn, lí tưởng hóa) và đặc trưng của văn học dân gian (là những sáng tác truyền miệng, là kết quả của quá trình sáng tác tập thể, có tính diễn xướng – gắn với các lễ hội, phong tục thờ cúng dân gian).

– Đặc trưng riêng của truyền thuyết :

+ Nhân vật : có liên quan đến lịch sử thời quá khứ của đất nước, dân tộc.

+ Chi tiết : có nhiều chi tiết kì ảo hoang đường.

+ Ý nghĩa : phản ánh quan điểm đánh giá, thái độ và tình cảm của nhân dân về các sự kiện lịch sử và các nhân vật lịch sử.

(2) Dạy học đọc hiểu truyền thuyết phải chú ý đến mức độ đọc hiểu giữa các bài trong cụm bài để phát triển năng lực đọc hiểu truyền thuyết

* *Thánh Gióng* : Đây là bài học đầu tiên trong cụm bài về truyền thuyết. Vì vậy, GV cần hướng dẫn HS bước đầu nắm được những đặc trưng cơ bản của thể loại truyền thuyết bằng việc tổ chức các hoạt động để giúp HS nắm được cốt truyện ; nhận diện sự kiện lịch sử được đề cập đến ; xác định nhân vật chính và những chi tiết kì ảo mà tác giả dân gian sử dụng để xây dựng hình tượng nhân vật đó ; giải thích ý nghĩa của một số chi tiết để khái quát được đặc điểm của nhân vật ; làm rõ cơ sở sự thật lịch sử của truyện và phát biểu suy nghĩ cá nhân về nhân vật ; khái quát ý nghĩa của tác phẩm.

Về cơ sở sự thật lịch sử của truyện *Thánh Gióng*, GV cần giúp HS nhận rõ :

– Vào thời đại Hùng Vương, chiến tranh tự vệ ngày càng trở nên ác liệt, đòi hỏi phải huy động sức mạnh của cả cộng đồng. Thời kì này, cư dân Việt cổ tuy nhỏ nhưng đã kiên quyết chống lại mọi đạo quân xâm lược lớn mạnh để bảo vệ cộng đồng.

– Số lượng và kiểu loại vũ khí của người Việt cổ tăng lên từ giai đoạn Phùng Nguyên đến giai đoạn Đông Sơn.

* *Sơn Tinh, Thủy Tinh* : Đây là bài thứ hai trong cụm bài truyền thuyết, là một thần thoại cổ đã được lịch sử hóa, trở thành một truyền thuyết tiêu biểu, nổi tiếng trong chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng, gắn với thời đại Hùng Vương. *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là một câu chuyện tưởng tượng, hoang đường nhưng có cơ sở thực tế. Truyện kể vào thời “Hùng Vương thứ mười tám”, tuy nhiên, GV cần lưu ý HS không nên hiểu chi tiết này một cách máy móc, như thật. Đây là thời gian ước lệ để nói về thời đại các vua Hùng.

Tương tự như bài *Thánh Gióng*, GV cần giúp HS làm sáng tỏ những đặc trưng của thể loại truyền thuyết ở các khía cạnh : cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ý nghĩa.

(2) Dạy đọc hiểu truyền thuyết phải chú ý đến mối quan hệ với dạy học phần Tiếng Việt và Tập làm văn

Các bài trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* được thiết kế tích hợp giữa các phần Đọc hiểu – Tiếng Việt – Tập làm văn. Đây là một yêu cầu quan trọng của chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông. Các văn bản truyện truyền thuyết được sử dụng trong hoạt động đọc hiểu sẽ trở thành nguồn ngữ liệu để hướng dẫn HS tiếp thu các tri thức cơ bản về tiếng Việt và cách sử dụng tiếng Việt, cách tạo lập các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt (ở đây là các văn bản tự sự). Tuy nhiên, mỗi mạch kiến thức đều có tính độc lập và lô gích riêng của nó. Vì thế, khi hướng dẫn HS đọc hiểu, GV cần đảm bảo cho HS tiếp nhận được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của mỗi tác phẩm, tránh tình trạng lạm dụng việc “tích hợp” để biến giờ đọc hiểu thành giờ học tiếng Việt, tập làm văn, dẫn đến phá vỡ việc tiếp nhận chính thể văn bản nghệ thuật dân gian.

b) *Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động của HS*

(1) Tổ chức bài học theo năm loại hoạt động :

Mỗi bài học trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* nói chung, cụm bài truyền thuyết đều được tổ chức thành loại hoạt động : *Khởi động, Hình thành kiến thức, Luyện tập, Vận dụng, Tìm tòi, mở rộng* (như đã trình bày ở *Phần thứ nhất – Một số vấn đề chung về mô hình Trường học mới tại Việt Nam*). Ở mỗi bước, HS thực hiện một số hoạt động cụ thể trong số những hoạt động sau : *hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm, hoạt động chung với cả lớp và hoạt động với cộng đồng*.

• Hoạt động khởi động

Các bài học ở cụm bài truyện truyền thuyết đều bắt đầu từ những hiểu biết, kinh nghiệm của HS có liên quan đến chủ đề của bài học. Những hiểu biết ấy vừa là tiền đề dẫn nhập vào hoạt động tìm hiểu bài mới diễn ra sau đó vừa là kiến thức để GV có thể khai thác để phục vụ cho hoạt động đọc hiểu.

Ví dụ : Bài *Thánh Gióng*, HS khởi động bằng hoạt động sau :



Quan sát hai hình ảnh về Thánh Gióng dưới đây :



Hãy miêu tả hành động của Thánh Gióng trong hai bức tranh trên. Từ đó nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng ?

Trong hoạt động trên, HS sẽ quan sát tranh và trao đổi với nhau về nội dung của các bức tranh ấy. Trong những nội dung mà HS trao đổi sẽ có những vấn đề nào đó có liên quan đến bài học. Đây là cách thức huy động vốn kiến thức và kĩ năng để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kĩ năng mới ; đồng thời tạo ra hứng thú để HS bước vào bài học mới.

- Hoạt động hình thành kiến thức

Đây là hoạt động rất quan trọng. Mục đích của hoạt động này giúp HS tự chiếm lĩnh kiến thức mới thông qua hệ thống các bài tập / nhiệm vụ.

Có hai nhóm hoạt động được thực hiện ở đây, đó là *đọc văn bản* và *tìm hiểu văn bản*. Với hoạt động đọc văn bản (gồm cả đọc *Chú thích*), HS có thể thực hiện trước ở nhà, đến lớp chỉ đọc một đoạn hoặc bài ngắn và một vài lưu ý trong chú thích. Với hoạt động tìm hiểu văn bản, HS sẽ trả lời một số câu hỏi, làm một số bài tập trắc nghiệm kết hợp tự luận,... để đọc hiểu văn bản theo đặc trưng của thể loại truyền thuyết như đã nói ở trên.

Ví dụ, bài *Thánh Gióng*, HS sẽ hình thành kiến thức mới thông qua các hoạt động sau :



1. Tìm hiểu văn bản.

a) Trao đổi với bạn về những chi tiết gây ấn tượng nhất với bản thân khi đọc truyện *Thánh Gióng*.

b) Đọc và đánh số thứ tự vào từng ô trước các chi tiết dưới đây theo đúng trình tự xuất hiện trong truyện *Thánh Gióng* (HS làm vào vở bài tập) :

- ☐ Vào đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão sống phúc đức nhưng lại muộn con.
- ☐ Đứa bé cất tiếng nói đầu tiên, đòi đi đánh giặc.
- ☐ Đứa trẻ lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng không biết đi, đặt đâu nằm đấy.
- ☐ Giặc Ân xâm lược nước ta. Thế giặc rất mạnh.
- ☐ Đứa bé lớn nhanh như thổi. Bà con làng xóm góp gạo nuôi chú bé, mong chú giết giặc cứu nước.
- ☐ Một hôm bà lão ra đồng thấy một vết chân to, ướm thử, về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh ra một đứa bé rất khôi ngô.
- ☐ Đứa bé đòi ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt để đánh giặc.
- ☐ Đánh giặc xong, tráng sĩ cởi giáp sắt để lại và bay thẳng về trời.
- ☐ Đứa bé vươn vai một cái bỗng biến thành tráng sĩ, phi ngựa đến nơi có giặc, giết hết lớp giặc này đến lớp giặc khác.



c) Truyện *Thánh Gióng* có những nhân vật nào ? Theo em, ai là nhân vật chính của truyện? Trong truyện, nhân vật chính được xây dựng bằng nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo. Hãy tìm và liệt kê ra những chi tiết đó.

d) Đọc kĩ đoạn văn thứ hai của truyện (từ “Bấy giờ...” đến “... chú bé dậy”) và cho biết : Trong câu nói đầu tiên, Gióng nói về điều gì ? Câu nói ấy gợi cho em suy nghĩ gì về Thánh Gióng ? Những hình ảnh *ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt* cho em biết gì về vũ khí đánh giặc của nhân dân ta lúc bấy giờ ?

g) Đọc kĩ đoạn văn thứ ba trong văn bản (từ “Càng lạ hơn nữa...” đến “... cứu nước”) và nêu cảm nhận của em về chi tiết : *Bà con làng xóm vui lòng góp gạo nuôi cậu bé*.

(Gợi ý : Vì sao bà con làng xóm lại vui lòng góp gạo nuôi cậu bé ? Mong muốn, khát vọng của bà con làng xóm qua sự việc này là gì ?)

h) Đọc kĩ các đoạn văn còn lại và cùng nhau nêu suy nghĩ về ý nghĩa của các chi tiết sau :

- *Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.*
- *Gậy sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.*
- *Gióng đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng về trời.*

(Gợi ý : Với mỗi chi tiết, em hãy cho biết : Chi tiết đó có thật không ? Chi tiết đó cho em biết điều gì về Thánh Gióng ?)

h) Truyền thuyết thường liên quan đến sự thật lịch sử. Hãy cho biết : Truyện *Thánh Gióng* có liên quan đến sự thật lịch sử nào ?

i) Đọc xong truyện, em thấy hành động nào của Thánh Gióng là đẹp nhất ? Qua câu chuyện về Thánh Gióng, nhân dân ta muốn gửi gắm những suy nghĩ và ước mơ gì ?

- Hoạt động luyện tập

Hoạt động này giúp HS củng cố và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu thể loại truyền thuyết thông qua văn bản cụ thể, hình thành những kỹ năng mới thông qua hệ thống các bài tập / nhiệm vụ. HS sẽ thực hiện các bài tập / nhiệm vụ để củng cố các tri thức vừa học và rèn luyện các kỹ năng liên quan.

Ví dụ, bài *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, HS sẽ thực hành đọc hiểu qua các hoạt động sau :



1. Thi kể diễn cảm truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* tại lớp.

Mỗi nhóm chọn 1-2 bạn để dự thi.

Yêu cầu : Người kể nhớ được các đoạn, các tình tiết của truyện ; ngôn ngữ kể chuyện phải lưu loát, phù hợp với thể loại truyền thuyết ; phân biệt giọng người kể với giọng nhân vật.

- Hoạt động vận dụng

Hoạt động này giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ trong thực tế đời sống và học tập của HS.

Ví dụ : Bài *Thánh Gióng*, HS sẽ làm bài tập vận dụng như sau :



1. Tìm trên mạng in-tơ-nét các thông tin về Hội Gióng và trao đổi với người thân bằng việc trả lời các câu hỏi sau :

– *Hội Gióng được tổ chức ở đâu ? Vào thời gian nào ?*

– *Mục đích của Hội Gióng là gì ?*

– *Giá trị nổi bật của Hội Gióng ?*

2. Suy tầm và kể lại cho người thân hoặc bạn bè nghe truyền thuyết về một nhân vật lịch sử có gắn với các di tích ở địa phương em (nếu có).

- Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Hoạt động này giúp HS tiếp tục mở rộng kiến thức, kĩ năng. HS sẽ đọc thêm các đoạn trích, văn bản có liên quan hoặc trao đổi với người thân về nội dung bài học, như : kể cho người thân nghe về câu chuyện vừa học, hỏi về ý nghĩa của câu chuyện,... HS cũng có thể tìm đọc trên in-tơ-nét một số nội dung theo yêu cầu,...

Ví dụ : Bài *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, HS sẽ thực hiện hoạt động tìm tòi mở rộng như sau :



1. Tìm đọc trên thư viện hoặc in-tơ-nét ba câu chuyện về thần núi, thần sông, thần biển. Ghi lại vắn tắt nội dung của ba câu chuyện đó.

2. Tìm đọc bài thơ *Sơn Tinh, Thủy Tinh* của Nguyễn Nhược Pháp để thấy cách cảm nhận độc đáo của nhà thơ về truyền thuyết này.

(2) Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động học tập của HS

– Trong hoạt động đọc hiểu, bên cạnh cách thức tổ chức truyền thống (thông qua các câu hỏi dạng tái hiện thông thường và tự luận), GV sẽ tổ chức HS thực hiện hệ thống các bài tập đọc hiểu dưới các dạng thức và mức độ khác nhau : bài tập trắc nghiệm, hoàn thành sơ đồ, phát biểu cảm nhận, suy nghĩ theo những gợi dẫn...

– Bên cạnh các hoạt động đọc hiểu thông thường, HS còn tham gia vào các hoạt động khác : thi kể chuyện, vẽ tranh, sưu tầm, viết cảm nhận... GV nên để HS tiến hành các hoạt động này một cách nhẹ nhàng, phát huy tối đa sự sáng tạo của các em trên cơ sở chủ đề của bài học.

– Ngoài văn bản HS được đọc chính, HS sẽ mở rộng phạm vi đọc của mình bằng việc đọc các văn bản khác cùng đề tài / chủ đề và thể loại do sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* cung cấp ở phần Đọc thêm hoặc HS tự sưu tầm để củng cố kiến thức và kĩ năng đã học.

1.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Các nội dung cần đánh giá

Trong quá trình hướng dẫn HS đọc hiểu các văn bản truyền thuyết, GV cần chú ý đánh giá sự tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng, hình thành năng lực, phẩm chất của HS. Cụ thể, cần đánh giá một số nội dung chính sau :

– Nhận diện thể loại.

– Nhận biết cốt truyện, tóm tắt truyện.

– Nhận diện và phân tích nhân vật trong truyện.

– Nhận diện, phân tích và đánh giá được những nét đặc sắc về nghệ thuật của các truyện (qua việc sử dụng hình ảnh, chi tiết,...).

– Rút ra ý nghĩa của truyện và những bài học mà nhân dân gửi gắm trong truyện ; đánh giá ý nghĩa và những bài học ấy.

– Rút ra những bài học và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống của bản thân.

Tiêu chí đánh giá được xác định ở 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.

– Nhận biết (tóm tắt cốt truyện ; xác định nhân vật ; chỉ ra được các chi tiết kì ảo hoang đường,...).

– Thông hiểu (lí giải được ý nghĩa của các chi tiết kì ảo ; khái quát được đặc điểm của nhân vật ; nhận ra được bài học lịch sử mà nhân dân gửi gắm trong truyện,...).

– Vận dụng (đánh giá nội dung và nghệ thuật của truyện, nêu quan điểm / suy nghĩ riêng về nội dung, ý nghĩa của truyện,...).

– Vận dụng ở mức cao (kể lại một cách sáng tạo một truyện truyền thuyết đã học hoặc đã đọc ; viết bài giới thiệu về những câu chuyện tương tự ; vẽ tranh, sáng tác thơ,... theo chủ đề của truyện).

Ngữ liệu để ra đề kiểm tra nên là những văn bản đọc thêm trong tài liệu hướng dẫn học hoặc những bài không có trong tài liệu nhưng có cùng thể loại thể loại với các văn bản đã học. Với những ngữ liệu này, GV có thể kiểm tra được khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học của HS.

b) Các hình thức đánh giá

GV có thể đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản của HS đối với thể loại truyện thuyết qua các hình thức đọc, nói, viết với các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, bài thực hành,... như đã gợi ý trong tài liệu hướng dẫn học cho HS. Cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như : *đánh giá trước bài học* (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), *đánh giá trong bài học* (đánh giá sau mỗi bài tập / nhiệm vụ), *đánh giá sau bài học* (sau mỗi chủ đề, học kì),... Cần kết hợp quan sát quá trình hoạt động nhóm, xem xét việc thực hiện nhiệm vụ của từng HS và khả năng phối hợp trong nhóm, nhận xét và đánh giá sản phẩm của nhóm để đánh giá khả năng suy nghĩ sáng tạo của HS trong việc đọc hiểu truyện từ một góc nhìn khác.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH

2.1. Mục tiêu

a) Hình thành và phát triển một số kiến thức, kỹ năng và năng lực đặc thù

(1) Về kiến thức, kỹ năng cơ bản

– Tóm tắt truyện : Xác định các sự việc chính và trật tự kể trong mỗi truyện, từ đó biết tóm tắt để nhận diện cốt truyện.

– Kể lại truyện : Trên cơ sở cốt truyện và quá trình tìm hiểu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của mỗi truyện cổ tích, HS biết sử dụng ngôn ngữ kể diễn cảm, kết hợp với các yếu tố biểu đạt phụ trợ như nét mặt, cử chỉ, ánh mắt,... để kể lại truyện.

– Hiểu được nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của các truyện cổ tích.

– Nêu được đặc điểm của truyện cổ tích.

(2) Về vận dụng

- Vận dụng những hiểu biết chung về truyện cổ tích để nhận diện, phát hiện các chi tiết thần kì và đọc hiểu nội dung, ý nghĩa của từng truyện.
- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu truyện cổ tích để bước đầu mở rộng phạm vi đọc của bản thân.
- Vận dụng các bài học từ truyện cổ tích vào việc ứng xử, giải quyết đúng đắn, thông minh các tình huống trong cuộc sống hằng ngày.

b) *Phát triển một số phẩm chất cho HS*

Từ việc đọc hiểu truyện cổ tích, hình thành và phát triển các phẩm chất như lòng nhân hậu, thái độ trọng ân nghĩa, đề cao giá trị đích thực của con người, biết đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, tinh thần yêu chuộng hoà bình, có ước mơ và niềm tin biến ước mơ trở thành hiện thực, biết trân trọng tài năng và sử dụng tài năng vào những mục đích tốt đẹp, hướng thiện.

2.2. *Nội dung chính*

a) *Kiến thức chung về thể loại*

“Truyện cổ tích là những sáng tác dân gian thuộc loại hình tự sự, chủ yếu sử dụng yếu tố nghệ thuật kì ảo để thể hiện cái nhìn hiện thực của nhân dân với đời sống, bộc lộ quan niệm về đạo đức cũng như công lí xã hội và ước mơ một cuộc sống tốt đẹp hơn của nhân dân lao động”⁽¹⁾. Ba đặc trưng tiêu biểu nhất của truyện cổ tích, đó là : tính chất hoàn toàn hư cấu, kì ảo trong việc xây dựng thế giới nghệ thuật ; sự hoàn tất, “xong xuôi”, trọn vẹn về mặt cốt truyện và độ mở nhất định ở cấp độ chi tiết, mô-típ ; tính giáo huấn, triết lí về đạo đức, ứng xử, về lẽ công bằng và sự thưởng phạt phân minh.

Hư cấu nghệ thuật là bản chất mang tính thẩm mĩ của truyện cổ tích. Thế giới nghệ thuật trong truyện cổ tích luôn mang vẻ đẹp lung linh, bay bổng, vốn không có trong đời thực, là “bịa đặt”, “không thể bịa đặt thêm được nữa”, song lại là cái cần có và nên có, là hiện thực trong mơ ước, khát vọng và niềm tin của con người. Các tình huống, cốt truyện của truyện cổ tích không diễn ra trong thực tế, song là sự khái quát cái nhìn về hiện thực của nhân dân. Truyện cổ tích sáng tạo ra các yếu tố, các nhân vật kì ảo như ông Bụt, cô tiên, tấm thảm biết bay, cây gậy rút đất, khăn thần, ngọc ước, đàn thần, những câu thần chú màu nhiệm,... để đưa con người từ thế giới thực đầy những bất công, oan trái, hướng về một thế giới khác, ở đó những người nghèo khổ, bất hạnh được đổi đời ; những nhân vật xấu xí, bị hắt hủi trở thành các chàng trai, cô gái đẹp đẽ, tài giỏi, khéo léo ; những người bị đè nén, bóc lột, nghèo hèn bỗng chốc có cuộc sống giàu sang, phú quý ;... Thế giới hư cấu, kì ảo trong truyện cổ tích cả người kể, người nghe đều ý thức rõ, song nó vẫn đủ sức đem lại “khoái cảm đặc biệt” trong mỗi lần kể. M. Go-rơ-ki đã từng bộc lộ cảm nhận của ông về đôi cánh diệu kì này của truyện cổ tích : “Tôi càng lớn càng thấy sự khác nhau rõ rệt giữa truyện cổ tích và cuộc sống tẻ nhạt, nghèo nàn, đầy tiếng thở than của những người tham lam không cùng và đầy lòng ghen tị đến thành bản năng. Trong truyện cổ

(1) Vũ Anh Tuấn (Chủ biên), *Giáo trình Văn học dân gian*, NXB Giáo dục, 2012, tr.116.

tích, người ta bay trên không trung, ngồi trên tấm thảm biết bay, đi hải bầy dậm, phục sinh những người chết,... nói chung truyện cổ tích đã mở ra trước mắt tôi cánh cửa sổ để bước vào cuộc sống khác – trong đó các lực lượng tự do không biết sợ nào đó đang tồn tại và hoạt động, mơ tưởng đến cuộc đời tốt đẹp hơn”⁽¹⁾.

Truyện cổ tích cũng là những sáng tác dân gian đã hoàn tất, trồn vẹn trong cái quá khứ “ngày xưa ngày xưa”. Mỗi truyện đều đã “xong xuôi” với kết thúc có hậu, gửi gắm triết lí sống “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”. Người nghèo khổ, bất hạnh được đền bù, những bất công ngang trái được san bằng, ai có công thì được hưởng, kẻ có tội phải bị trừng phạt. Một cốt truyện như thế đã ổn định, được kế thừa, truyền trao trong tâm thức dân gian từ đời này sang đời khác. Độ mở của các dị bản qua mỗi lần tái sáng tạo trong cách kể của nghệ nhân dân gian phải tuân thủ nguyên tắc không được phá vỡ tính chỉnh thể hoặc làm biến dạng nội dung, chủ đề của tác phẩm. Có những chi tiết, mô-típ có thể thay đổi và có những mô-típ không thể đổi thay. Vì vậy, việc bàn khoăn về cách kết thúc của một số truyện cổ tích (như *Tám Cám* chẳng hạn) cần được lí giải dưới góc độ đặc trưng thể loại để có thể khắc phục độ chênh trong “khoảng cách tiếp nhận” của bạn đọc HS, thay vì nghĩ đến giải pháp sửa chữa văn bản truyện cổ tích, “không nên bằng cách bình luận văn học và thậm chí bằng cả cách “sửa chữa” truyện cổ tích theo hướng hợp lí hoá cho phù hợp với tư duy lô gích của con người hiện nay mà làm mất đi cái vô lí ấy của truyện cổ tích. Vấn đề là giải thích được cái vô lí ấy, phát hiện ra cái hợp lí của bản thân truyện cổ tích”⁽²⁾.

Truyện cổ tích cũng đậm chất giáo huấn, triết lí. Mỗi câu chuyện đều gửi gắm bài học về cách ứng xử, về đạo lí, lẽ công bằng,... Tác giả dân gian gửi gắm mong ước, lí tưởng thẩm mĩ của mình vào việc xây dựng các nhân vật lí tưởng trong truyện. Họ phải trải qua các thử thách của lực lượng thần kì để khẳng định tài năng, phẩm chất của bản thân : lòng trung thực, nhân hậu,... Chỉ có những người thực sự thể hiện quan niệm đạo đức theo lí tưởng của nhân dân mới có thể vượt qua các thử thách ấy. Và phần thưởng chỉ dành cho người xứng đáng. Vào tay kẻ tham lam, độc ác, những vật thần kì cũng trở thành phản tác dụng, quay trở lại trừng phạt chính kẻ đã tìm cách cướp đoạt chúng. Truyện cổ tích xây dựng nhân vật thành hai tuyến đối lập nhau : thiện – ác, tốt – xấu. Kết thúc truyện bao giờ cũng là hạnh phúc cho người tốt, sự trả giá đích đáng của kẻ xấu. Nhờ sự trợ giúp đắc lực của các yếu tố thần kì, công lí, đạo đức của nhân dân đã được thực thi. Truyện cổ tích đã gieo những “niềm tin rất thật” hướng về đạo lí chính nghĩa từ thế giới được sáng tạo bằng hư cấu, tưởng tượng kì ảo, để bao thế hệ đã được nuôi dưỡng bằng nguồn sữa tinh thần ấy cảm nhận : “Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật – Biết bao nhiêu hạnh phúc có trên đời – Dầu phải khi cay đắng dập vùi – Rằng cô Tấm cũng về làm hoàng hậu – Cây khế chưa có đại bàng đến đậu – Chim ăn rồi trả ngon ngọt cho ta” (Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước*).

(1) Bùi Mạnh Nhị, *Văn học dân gian, những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, 2012, tr.201.

(2) Chu Xuân Diên, *Văn hoá dân gian - mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, NXB Giáo dục, 1989, tr.344.

b) Kiến thức cụ thể về các bài đọc

(1) Thạch Sanh

Thạch Sanh là truyện kể về kiểu nhân vật dũng sĩ trong cổ tích thần kì. Sự ra đời của nhân vật vừa có yếu tố bình thường, giản dị như những con người lao động ngoài đời, vừa có những yếu tố đặc biệt, khác thường mang màu sắc thần kì nhằm mục đích tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ của nhân vật lí tưởng, tạo sức hấp dẫn cho câu chuyện và niềm tin tưởng nhân vật sẽ lập được những chiến công. Thạch Sanh đã phải trải qua nhiều thử thách, khó khăn sau lớn hơn khó khăn trước. Nhưng bằng phẩm chất thật thà, chất phác, dũng cảm, bằng tài năng và sự hỗ trợ của các lực lượng thần kì, Thạch Sanh đã chặt đầu chằn tinh, giết chết đại bàng, cứu được công chúa, lại bắn tan cũi sắt cứu thái tử con vua Thủy Tề bị đại bàng giam giữ. Nhờ tiếng đàn vắng đến hoàng cung, lọt vào tai công chúa, Thạch Sanh đã tự giải oan cho mình và vạch trần tội ác của mẹ con Lí Thông. Đám cưới với công chúa là phần thưởng xứng đáng dành cho người dũng sĩ trong truyện cổ tích. Cũng nhờ tiếng đàn thần kì, quân sĩ mười tám nước chư hầu bần rùn chân tay, không còn nghĩ đến chuyện đánh nhau nữa, cời giáp xin hàng, kéo nhau về nước sau khi đã được Thạch Sanh thết đãi một bữa cơm được nấu bằng niêu thần. Kết thúc truyện, chàng đã được nhà vua nhường ngôi cho. Những thử thách và sự vượt qua thử thách trên đã chứng tỏ phẩm chất của người dũng sĩ chất phác, dũng cảm, có lòng nhân đạo, khoan dung đối với kẻ thù và tinh thần yêu chuộng hoà bình. Thắng lợi của Thạch Sanh ngoài việc nhờ vào phẩm chất tốt đẹp mà chàng có, còn có vai trò hỗ trợ rất quan trọng của các yếu tố thần kì như cây đàn thần, niêu cơm thần. Tiếng đàn là âm thanh thuyết phục mạnh mẽ của công lí, chính nghĩa. Tiếng đàn giúp công chúa khỏi cảm, nhận ra ân nhân đã cứu mạng và giải thoát cho Thạch Sanh. Và tội ác của mẹ con Lí Thông đã bị vạch trần. Bằng âm thanh thần kì đó, nhân dân đã thực hiện công lí theo nguyên tắc đạo đức muôn đời : khẳng định, đề cao cái thiện, diệt trừ cái ác. Tiếng đàn là đại diện cho tinh thần yêu chuộng hoà bình của nhân dân, là “vũ khí” đặc biệt có thể cảm hoá kẻ thù. “Tiếng đàn là bằng chứng của hai tấm lòng cảm thông. Tiếng đàn khơi gợi tình yêu chân thành say đắm. Tiếng đàn làm cho người cảm biết nói. Tiếng đàn làm rõ được trắng đen. Tiếng đàn là tiếng tơ lòng mà cũng là tiếng nói của chân lí. Tiếng đàn lại có sức mạnh thần kì hơn nữa khi quân ngoại xâm kéo đến, Thạch Sanh đã dạo lên tiếng đàn làm cho giặc khủng khiếp, thấy được sự đánh nhau là vô ích. Chúng xin đầu hàng. Tiếng đàn hoá thành một lợi khí dẹp yên mọi nguy nan, đó là tiếng đàn địch vận. Thạch Sanh biết dùng âm nhạc để chinh phục lòng người”⁽¹⁾.

Ngoài ra, tác giả dân gian còn sử dụng mô-típ niêu cơm thần ăn mãi không hết khiến quân mười tám nước gây binh phải kinh ngạc, khâm phục. Mô-típ này thêm một lần nữa tô đậm sự tài giỏi, kì lạ, khác thường của người dũng sĩ, đồng thời mang ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng nhân đạo, khoan dung, tư tưởng yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta. Truyện kết thúc theo đúng tính thần có hậu của cổ tích. Thạch Sanh có được phần thưởng lớn lao nhất là lên làm vua. Đó cũng là niềm tin, giấc mơ về sự đổi đời của người lao động. Mẹ con Lí Thông dù được Thạch Sanh tha tội chết nhưng không thoát khỏi sự trừng phạt đích đáng tội vong ân bội nghĩa, tráo trở, lọc lừa. Lưỡi tầm sét của Thiên Lôi bắt mẹ con chúng phải đền tội, đồng thời hoá kiếp chúng thành bộ hung đời đời chui rúc trong nơ bần.

(1) Vũ Ngọc Khánh, *Bình giảng thơ ca – Truyện dân gian*, NXB Giáo dục, 2012.

(2) Em bé thông minh

Em bé thông minh thuộc loại truyện cổ tích sinh hoạt kể về nhân vật thông minh. Truyện gồm một chuỗi các thách đố dành cho nhân vật, qua đó thử thách sự thông minh, tài trí hơn người, đồng thời tạo tình huống cho cốt truyện phát triển, gây hứng thú, hồi hộp cho người đọc. Mỗi tình huống đưa ra tưởng khó khăn, bế tắc, rồi cuộc được em bé giải đố rất thú vị, bất ngờ bằng trí tuệ dân gian được tích lũy và cọ xát trong đời sống thực tiễn. Kết thúc truyện, em bé được phong làm trạng nguyên, được vua xây một dinh thự bên cạnh hoàng cung để tiện hỏi han, đó cũng là phần thưởng xứng đáng với ý nghĩa đề cao trí thông minh, đề cao kinh nghiệm đời sống của tác giả dân gian. Ngoài ra, truyện còn có ý nghĩa hài hước, tạo tiếng cười vui vẻ, sáng khoái.

2.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Những lưu ý về loại hình và thể loại

(1) Hướng dẫn HS đọc hiểu truyện cổ tích theo đặc điểm loại hình

Hướng dẫn HS đọc hiểu truyện cổ tích trước hết là hướng dẫn HS tiếp nhận một thể loại thuộc loại hình tự sự dân gian.

– Đọc hiểu một tác phẩm tự sự dân gian trước hết đòi hỏi HS phải nắm được cốt truyện với các sự việc chính và hệ thống nhân vật, chi tiết tiêu biểu trong mỗi tác phẩm. Đó là lí do vì sao trong hệ thống các hoạt động hướng dẫn HS hình thành kiến thức mới, ngay sau phần đọc và tìm hiểu các chú thích của văn bản, người biên soạn thường quan tâm đến việc hướng dẫn HS xác định cốt truyện, đến việc nhận diện các nhân vật hoặc hệ thống các chi tiết miêu tả về nhân vật được thể hiện trong văn bản. Việc tái hiện các chi tiết là cơ sở để tái hiện, làm sống dậy thế giới nghệ thuật của văn bản, đưa thế giới ấy từ tồn tại khách quan bên ngoài trở thành hiện hữu, cảm tính bên trong mỗi HS. Tuy nhiên, đọc văn bản văn học không bao giờ chỉ dừng lại ở việc giải mã, nghĩa là chuyển hoá các kí hiệu chữ viết thành các tín hiệu âm thanh và hiểu nghĩa, thu nhận các thông tin bề mặt, hiển ngôn. Bước tiếp theo là suy luận, cắt nghĩa, lí giải, tìm ra ý nghĩa của mỗi sự việc, chi tiết, từ đó rút ra thông điệp nghệ thuật tổng thể của tác phẩm, kết nối thông điệp ấy với trải nghiệm cá nhân và thực tiễn đời sống, thực tiễn đọc của mỗi độc giả.

– Đọc hiểu truyện cổ tích là đọc hiểu một loại hình tự sự dân gian. Tự sự dân gian khác với tự sự hiện đại bởi “cổ tích là chuyện của ước mơ muôn thuở được hư cấu không định lượng [...], còn đời sống thì không ngừng vận động, ngày càng phức tạp và đa dạng cả trên hai chiều chính – tà, thiện – ác đan xen giữa những mảng tối sáng. Vấn đề thân phận cá nhân được văn học viết định danh, định lượng, định tính trong các điển hình mang đậm cá tính sáng tạo nghệ sĩ và đến với công chúng qua sinh hoạt văn hoá đọc”⁽¹⁾. Tự sự dân gian mang đặc trưng nguyên hợp, tính truyền miệng, tính tập thể và tính dị bản. Nhân vật trong tự sự dân gian là nhân vật chức năng chứ không phải nhân vật tính cách. Vì vậy, nó cần được quan tâm chủ yếu từ phương diện hành động chứ không phải suy nghĩ, tâm trạng như loại hình tự sự của văn học viết. Thời gian nghệ

(1) Vũ Anh Tuấn (Chủ biên), *Giáo trình Văn học dân gian*, Sđd, tr. 10.

thuật trong tự sự dân gian là thời gian quá khứ, một chiều chứ không phải thời gian đồng hiện, thời gian tâm lí. Không gian cũng mang đặc điểm của tâm thức dân gian với những quan niệm và giới hạn khu biệt với văn học viết,... Văn bản của văn học viết là xác định (ngoại trừ những trường hợp còn nghi vấn do vấn đề về văn bản học), trong khi đó, đọc hiểu văn bản tự sự dân gian là tiếp cận với một văn bản cụ thể, được cố định hoá trong hệ thống “liên văn bản” của nó với tính chất mở, không có bản kể cuối cùng, có những yếu tố bất biến và yếu tố khả biến, gắn với phong cách nghệ thuật tập thể – ở đây được định danh là phong cách tự sự dân gian.

(2) Hướng dẫn HS đọc hiểu truyện cổ tích theo đặc trưng thi pháp thể loại

– Như đã nêu, các đặc trưng nổi bật của truyện cổ tích là tính chất hư cấu kì ảo của thể giới nghệ thuật trong tác phẩm, tính hoàn tất về cốt truyện với kết thúc có hậu theo quan điểm của nhân dân : on đền oán trả, thưởng phạt phân minh và tính chất giáo huấn, triết lí sâu sắc bằng phương thức trình bày của cổ tích. Cổ tích hướng cái nhìn về hiện thực đời sống nhưng dùng các yếu tố kì ảo để miêu tả, xây dựng một hiện thực cần có và nên có trong mơ ước của con người. Đặc trưng thi pháp thể loại quy định cách tiếp cận, phân tích các tác phẩm, để vừa đảm bảo phát huy quá trình đồng sáng tạo của bạn đọc HS vừa không “bội ước” với truyện cổ tích vì thiếu tri thức công cụ về thể loại dẫn đường. Đặc trưng thể loại định hướng cho GV nên tập trung vào mối quan hệ đối lập giữa các tuyến nhân vật, chỉ ra nhân vật chính diện với những đặc điểm cụ thể, tiêu biểu cho quan niệm về đạo đức của nhân dân, nhân vật phản diện với những thói xấu cụ thể cần lên án ; tính chất mâu thuẫn, xung đột giữa các tuyến nhân vật này được thể hiện theo chiều hướng tăng tiến như thế nào trong tác phẩm. Truyện cổ tích bao giờ cũng có một kết cục rõ ràng theo đạo lí của dân gian. Vì vậy, hướng dẫn HS xác định cụ thể đâu là phần thưởng dành cho nhân vật chính diện, đâu là sự trừng phạt thích đáng tội ác mà nhân vật phản diện gây ra là cơ sở để nhận thấy thông điệp đạo đức rõ ràng, rành mạch, nhất quán của tác giả dân gian, cũng như niềm tin, ước mơ, khát vọng về một thế giới tốt đẹp trong đó cái thiện luôn luôn chiến thắng cái ác, người tốt được đền bù, kẻ xấu phải đền tội, con người được toả sáng tài năng, những số phận thiệt thòi được bù đắp phần thua thiệt, bất hạnh trong đời sống thực,... Nhưng đó là những gì “cần có” và “nên có” chứ không phải đã có và chắc chắn sẽ có. Cuộc sống thực vốn đầy những bi kịch, ngang trái, bất công, những cảnh áp bức, đè nén, những số phận thiệt thòi. Để thoả mãn ước mơ về thế giới công bằng, tốt đẹp đó, tác giả dân gian đã sử dụng các yếu tố thần kì, hoang đường như một phương tiện nghệ thuật đặc lực. Vì vậy, trong khi đọc hiểu truyện cổ tích, HS cần nhận diện các yếu tố thần kì này, tác dụng cũng như ý nghĩa của nó (nó giúp nhân vật chính diệt trừ cái ác ra sao, mở đường cho nhân vật chính đổi đời như thế nào,...).

Môi trường tồn tại thực sự của văn học dân gian là trong phương thức diễn xướng (kể, hát, ngâm, nói, diễn,...) của nó. “Thế giới nghệ thuật cổ tích chỉ thực sự đẹp lung linh trong ngữ cảnh văn hoá kể. Thế giới nghệ thuật ca dao chỉ thật sự sống động và lay động lòng người trong ngữ cảnh văn hoá hát. Câu ca dao “Yêu nhau đứng ở đằng xa – Con mắt liếc lại bằng ba đứng gần” chỉ thật sự được cảm nhận trọn vẹn cái hay, cái đẹp trong con mắt biết đưa tình với ai của người

diễn xướng”⁽¹⁾. Dung hoà như thế nào đặc điểm này với hình thức đọc hiểu văn bản cố định trong nhà trường phổ thông cũng là điều GV cần lưu ý. Các bài soạn trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* đều quan tâm đến việc tổ chức hoạt động kể ở phần thực hành hoặc hoạt động bổ sung. GV nên chú ý tạo không gian cổ tích để tiến hành các hoạt động, đồng thời cũng lưu ý HS được quyền sáng tạo những gì và bảo lưu những gì để tuân thủ đặc trưng vừa hoàn tất, xong xuôi của cốt truyện vừa có độ mở, không có bản kể cuối cùng của các tác phẩm tự sự dân gian.

(3) Phát triển năng lực đọc hiểu cho HS THCS qua dạy học truyện cổ tích

Mục tiêu phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích cho HS cần được thể hiện qua từng văn bản để dẫn đến khả năng bước đầu biết đọc truyện cổ tích. Văn bản đọc sau kế thừa cách đọc từ văn bản đọc trước, đồng thời phát triển thêm một bước, hướng sang nhận diện, tiếp cận một tiểu loại mới.

Kết thúc việc đọc hiểu truyện cổ tích, HS không chỉ nắm vững nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của từng tác phẩm mà còn có khả năng đọc các tác phẩm khác cùng thể loại một cách độc lập ở mức độ của bạn đọc lớp 6. Phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích cũng gắn liền với việc mở rộng phạm vi đọc của HS. Đây là điều sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* quan tâm. Trong các hoạt động thực hành và bổ sung, người biên soạn thường yêu cầu HS tự tìm đọc thêm các truyện cổ tích khác cùng tiểu loại và hình thành nhật kí đọc sách với các yêu cầu rất cơ bản. Có bài học còn chủ động đưa văn bản mở rộng phạm vi đọc vào hoạt động thực hành và gợi ý cho HS từng bước độc lập đọc hiểu văn bản đó trong mối tương quan so sánh với truyện cổ tích được học (ví dụ trong hoạt động thực hành tiếp nối sau bài học *Em bé thông minh*, HS được yêu cầu đọc văn bản *Chuyện Lương Thế Vinh* và trả lời *Phiếu học tập* để nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản).

Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản của HS cũng cần quan tâm đến việc kết nối văn học với đời sống, truyện cổ tích với thế giới thực tại. Bạn đọc chỉ thiết tha với truyện cổ tích khi nhìn thấy mối dây liên hệ này. Nhiều hoạt động bổ sung trong các bài học đã chú ý đến việc đưa cổ tích vào trải nghiệm đời sống hằng ngày của bạn đọc HS. Chẳng hạn, từ việc đọc hiểu truyện *Em bé thông minh*, ở hoạt động ứng dụng, HS được hỏi về những tình huống thể hiện cách ứng xử thông minh của con người.

(4) Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản truyện cổ tích trong mối quan hệ với năng lực tạo lập văn bản

Tích hợp là một yêu cầu quan trọng của CT Ngữ văn trong nhà trường phổ thông. Các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết vừa có tính chất độc lập vừa tồn tại trong chính thể hình thành năng lực ngữ văn của một cá nhân. Các văn bản truyện cổ tích được sử dụng trong hoạt động đọc hiểu sẽ trở thành nguồn ngữ liệu để hướng dẫn HS các tri thức cơ bản về tiếng Việt và cách sử dụng tiếng Việt, cách tạo lập các kiểu văn bản theo phương thức biểu đạt. Tuy vậy, như đã nói, mỗi mạch kiến thức đều có tính độc lập và lô gích riêng của nó. Vì thế, trong sách *Hướng dẫn học*

(1) Vũ Anh Tuấn (Chủ biên), *Giáo trình Văn học dân gian*, Sđd, tr. 10.

Ngữ văn 6, tập một về cơ bản nội dung đọc hiểu văn bản truyện cổ tích khá đầy đủ, trọn vẹn, đảm bảo cho HS tiếp nhận được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của mỗi tác phẩm đồng thời tránh tình trạng “xé lẻ” các phần Tiếng Việt, Tập làm văn, dẫn đến phá vỡ việc tiếp nhận chỉnh thể văn bản nghệ thuật dân gian.

b) *Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động cho HS*

(1) Đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động đọc hiểu truyện cổ tích để tạo thành một “cộng đồng lí giải” trong tiếp nhận văn học

Tiếp nhận văn học là một quá trình chứ không phải kết quả có ngay, tĩnh tại, không có ngộ nhận, sai lầm hoặc lạc hướng. Quá trình tiếp nhận văn học một mặt phụ thuộc vào văn bản, mặt khác phụ thuộc vào vốn sống, thị hiếu, hứng thú,... của bạn đọc.

“Cộng đồng lí giải” là một tham số đáng tin cậy trong tiếp nhận. Theo các nhà nghiên cứu lí thuyết về đọc hiểu văn bản văn học, tiếp nhận của HS ngoài đặc điểm chung của bạn đọc, còn có yếu tố riêng rất đáng lưu ý là tính chất tập thể. Nói như Probst trong *Hồi ứng và phân tích*, không ở đâu bạn đọc có môi trường thuận lợi trong tiếp nhận như ở lớp học, xét về góc độ “cộng đồng lí giải”. Cùng một lúc chúng ta có mấy chục bạn đọc cùng đến với một tác phẩm, cùng bày tỏ mối quan tâm, cùng tạo ra hiệu ứng “cộng hưởng” cho hiệu quả tiếp nhận. Mỗi bạn đọc HS tuy cùng mặt bằng chung, xét về mặt phổ quát, nhưng vẫn là những chủ thể độc lập, có khả năng, sự phát hiện riêng, tạo ra tiềm năng phong phú, mở ngõ của việc tiếp nhận văn bản trong lớp học. Phát huy đặc điểm này sẽ tạo điều kiện để gia tăng hiệu quả của việc đọc hiểu văn bản nói chung, đọc hiểu truyện cổ tích trong nhà trường nói riêng. Trong cái nhìn này, tính chất dân chủ của việc tiếp nhận văn học thể hiện ở chỗ chính bản thân GV cũng chỉ là một bạn đọc – tất nhiên là bạn đọc tinh hoa, bạn đọc có kinh nghiệm – thuộc “cộng đồng lí giải” là môi trường lớp học trong giờ dạy học tác phẩm văn chương.

Trong dạy học truyện cổ tích, “cộng đồng lí giải” được tổ chức theo hướng phối hợp các hình thức tổ chức hoạt động chung cả lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, hoạt động cá nhân và hoạt động với cộng đồng, trong đó hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi được nhấn mạnh không chỉ vì ưu điểm về mặt cộng tác học tập mà còn tạo môi trường để HS được chia sẻ kết quả tiếp nhận của mình, được định hướng, nảy sinh ý tưởng từ những phát hiện mới mẻ hay sai lầm trong tiếp nhận của bạn đọc khác. Cộng đồng này không đóng khép trong môi trường lớp học mà được phát triển theo định hướng mở ở các hoạt động bổ sung. Tiếp nhận văn học đã từ cánh cửa nhà trường để bước vào cuộc sống, trước hết là đến với gia đình, sau là các thành viên khác trong xã hội. Đây cũng là cơ hội để HS hiểu rằng kiến thức có thể đến từ nhiều nguồn, ngoài học tập trong nhà trường, việc tự học và mở rộng nguồn tìm kiếm, trao đổi kiến thức cũng quan trọng không kém.

Tuy vậy, tiếp nhận tập thể cũng có những hạn chế cần phải lường trước để có thể tổ chức tốt các hoạt động. HS có thể thụ động, phụ thuộc vào kết quả làm việc của người khác. Vì vậy, GV cần chú ý quan tâm đến những kĩ thuật cụ thể cho từng hoạt động để đảm bảo thành viên nào cũng có đóng góp cho kết quả chung. Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập một có trường

hợp nói rõ nhiệm vụ của từng HS trong nhóm và cách thức thực hiện nhiệm vụ đó nhưng trong nhiều trường hợp chỉ nêu nhiệm vụ dưới các dạng thức khác nhau, vì thế GV cần chủ động xác định xem mình sẽ sử dụng kỹ thuật gì để kiểm soát sự làm việc và đóng góp của từng cá nhân HS trong nhóm (sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn chẳng hạn,...). Làm việc nhóm không có nghĩa là không có thời gian cho từng cá nhân HS suy nghĩ. Tùy vào nhiệm vụ cụ thể, GV quyết định có cần dành thời gian để từng cá nhân HS suy nghĩ, đưa ra ý kiến về vấn đề hay ngay lập tức phát biểu, trao đổi để đi đến thống nhất kết quả làm việc nhóm. Thông thường, với hoạt động khởi động, tính chất động não tức thời được nhấn mạnh hơn, còn trong hoạt động hình thành kiến thức mới, có thể phải cần đến “khoảng lặng” cá nhân trước khi bắt đầu “ồn ào tích cực” của hoạt động nhóm.

Các hoạt động đan xen vào nhau. Lôgô thường chỉ ra hình thức tổ chức hoạt động nổi bật. Điều đó không có nghĩa là GV không được phép linh hoạt trong việc tổ chức. Sau khi làm việc nhóm, nếu xét thấy các nhóm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc một nhóm nào đó chưa hoàn thành nhưng đã được GV “trợ giúp”, có thể chuyển sang thực hiện nhiệm vụ khác. Nhưng cũng có trường hợp phần lớn các nhóm có những sai sót tiêu biểu, có những khám phá bất ngờ hoặc có những đơn vị kiến thức cần phải “chuẩn” lại để trở thành tri thức công cụ cho HS tiếp tục sử dụng thì GV có thể sử dụng nhanh gọn hình thức hoạt động chung cả lớp để thực hiện mục tiêu đó.

(2) Đa dạng hoá các hình thức thực hiện nhiệm vụ của mỗi hoạt động để phát huy tính tích cực ở bạn đọc HS trong đọc hiểu truyện cổ tích

Khái niệm chủ thể bao giờ cũng đi liền với khái niệm về đối tượng. HS chỉ thực sự phát huy tính tích cực trong quá trình hoạt động khi gắn với một nhiệm vụ học tập nhất định. Các nghiên cứu cũng chỉ ra hình thức hoạt động cần phải đa dạng để tránh cảm giác đơn điệu, nhàm chán ; tăng các “kênh”, các hình thức “vật chất hoá” hoạt động cảm thụ, tư duy văn học vốn tồn tại bên trong HS ra bên ngoài để có thể quan sát, điều khiển, điều chỉnh, hỗ trợ, khích lệ kịp thời. Với phần dạy học đọc hiểu truyện cổ tích, các tác giả biên soạn sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập một đã rất chú ý đến việc tăng cường, phối hợp các hình thức làm việc của HS trong mỗi hoạt động để bạn đọc tự làm ra tác phẩm cho chính bản thân mình. Cụ thể :

Đây là hình thức quen thuộc nhưng cách thức thực hiện có những điểm khác biệt. Câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập một thường có tính chất gợi mở, bóc tách nhiệm vụ cụ thể hơn, gợi tìm từng thành tố, từng phần của các đơn vị kiến thức trong bài học để HS dễ thực hiện. Người sử dụng câu hỏi không phải chỉ là GV (trong các hoạt động chung cả lớp) mà là chính bản thân HS (trong các hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, hoạt động cá nhân,...). Trưởng nhóm hoặc các thành viên trong nhóm sẽ đọc câu hỏi để xác định nhiệm vụ cho mình và cho cả nhóm trước khi bắt tay vào thực hiện để báo cáo kết quả.

Hình thức này thường được dùng để hướng dẫn HS tái hiện các nội dung có sẵn hoặc nhận diện một số đặc điểm về mặt hình thức của văn bản, làm cơ sở cho việc tái tạo, cảm nhận, cắt nghĩa,... trong quá trình tiếp nhận truyện cổ tích, cũng có thể dùng để tổng kết kết quả đọc hiểu. Ví dụ, sử dụng trắc nghiệm khách quan để hướng dẫn HS đọc truyện *Em bé thông minh* :



b) Để thể hiện trí thông minh của em bé, tác giả dân gian đã dùng hình thức nghệ thuật nào trong các hình thức dưới đây? Tác dụng của nó là gì? Chọn phương án đúng.

- A. Tạo tình huống mâu thuẫn B. Giải những câu đố, thách đố
C. Tạo tình huống hài hước D. Cả ba cách trên

- Sử dụng bảng biểu, sơ đồ

Các sơ đồ, bảng biểu thường được sử dụng nhiều nhất trong quá trình hướng dẫn HS hình thành kiến thức mới của bài học. Cơ sở để xây dựng các sơ đồ là những thành tố, bộ phận nội dung của kiến thức trong bài đọc ; quy luật tiếp nhận văn học của bạn đọc (từ tri giác đến tái tạo, lí giải, đánh giá,...) ; những sáng tạo trong việc cảm nhận chiều sâu của thông điệp nghệ thuật trong tác phẩm và khả năng hiện thị hoá cảm nhận đó bằng các yếu tố hình vẽ, đồ hoạ để biểu đạt ý tưởng sáng tạo của bản thân (nhất là đối với việc xây dựng các sơ đồ hướng dẫn HS tiếp nhận tác phẩm văn chương). Vì vậy, điều cần đặc biệt lưu ý khi sử dụng sơ đồ, bảng biểu là : sự tái hiện nội dung trong sơ đồ phải là cơ sở để đi tiếp trong quá trình tiếp nhận văn bản ; tránh cách hiểu đồng nhất việc hoàn thành sơ đồ, bảng biểu với hoàn thành việc phân tích, cảm nhận về đơn vị kiến thức trong nội dung bài đọc. Sơ đồ về nhân vật không phải là nhân vật, sơ đồ về tình huống truyện không phải là tình huống truyện,... Chúng chỉ là những “giá đỡ vật chất” để trên cơ sở đó, HS tiếp cận tác phẩm, sống cùng với nhân vật, tình huống,... trong tác phẩm.

- Sử dụng trò chơi nhận thức

Hình thức “học mà chơi, chơi mà học” này thường được sử dụng trong các hoạt động khởi động và thực hành, tạo ra sự hứng thú, tâm thế tiếp nhận tích cực truyện cổ tích cho HS. Ví dụ :



1. Trò chơi : *Đóng vai các nhân vật để tái hiện lại chiến công của Thạch Sanh.*

Cách thực hiện : Mỗi nhóm chọn một lá thăm trong đó có ghi lại một trong những chiến công của Thạch Sanh (*giết chằn tinh ; bắn đại bàng bị thương ; đuổi giặc chur hầu bằng tiếng đàn*).

Yêu cầu : Không dùng ngôn ngữ, hãy đóng vai các nhân vật để tái hiện lại chiến công đó. Cả lớp bình chọn nhóm đóng vai và tái hiện tốt nhất.

2.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

– Đánh giá năng lực đọc hiểu truyện cổ tích của HS (theo các mức độ : nhận biết, thông hiểu, vận dụng mức độ thấp và vận dụng mức độ cao)

– Đánh giá phẩm chất của HS được bồi đắp và phát triển qua hoạt động đọc hiểu truyện cổ tích.

b) Hình thức đánh giá

(1) GV thường sử dụng ba nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá sau đây nhằm mục đích thu thập thông tin (định tính, định lượng) về quá trình và kết quả học tập của HS để ra quyết định phục vụ cho hoạt động dạy học : nhóm phương pháp kiểm tra viết ; nhóm phương pháp quan sát ; nhóm phương pháp đặt câu hỏi vấn đáp. Ứng với các nhóm phương pháp trên, GV có thể sử dụng tất cả các hình thức (biện pháp) để kiểm tra, đánh giá như : trắc nghiệm khách quan, tự luận (ngắn, dài), ghi chép các sự kiện trong quá trình học tập của HS, thang đo / *Phiếu quan sát*, trình bày miệng, *Hồ sơ học tập*, *Phiếu đánh giá quá trình học tập* theo tiêu chí,...

Việc đánh giá cần tiến hành ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như :

– Đánh giá trước bài học (đánh giá chẩn đoán – đánh giá vốn kiến thức, kinh nghiệm đã có của HS). Với mô hình học tập theo mô hình Trường học mới, đánh giá trước bài học có thể dùng phương pháp quan sát với hình thức ghi chép hoặc vấn đáp – lắng nghe phần trình bày miệng của HS,... trong quá trình khởi động bài học. Ví dụ bài khởi động về truyện cổ tích *Thạch Sanh*.

Điểm khác biệt với dạy học theo hình thức truyền thống ở đây là HS làm việc theo nhóm, vì vậy sự quan sát của GV sẽ tập trung vào các nhóm chứ không phải câu trả lời của một vài HS trong lớp khi sử dụng hình thức vấn đáp chung.

– Đánh giá trong bài học : đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. Bài học về truyện cổ tích có nhiều nhiệm vụ được thực hiện bằng hình thức cá nhân, nhóm, cặp,... Để đánh giá trong bài học GV nên phối hợp giữa đánh giá của mình và tự đánh giá của HS bằng cách cung cấp mẫu phiếu đánh giá cho các nhóm / cặp sau các nhiệm vụ (có thể dành thời gian suy ngẫm cuối mỗi nội dung kiến thức trong bài học để HS nhìn lại quá trình làm việc của chính mình và các bạn). Nên hướng dẫn HS tập trung vào hai tiêu chí đánh giá : thái độ (tích cực, khá tích cực, chưa tích cực,...) và mức độ đóng góp, hoàn thành nhiệm vụ (tốt, khá, trung bình,...). Dưới đây là ví dụ về một mẫu phiếu, GV hoàn toàn có thể tự sáng tạo các mẫu phiếu để đo được những nội dung mình muốn đo lường :

PHIẾU ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP						
<i>Họ và tên HS : Lớp :</i>						
Nhiệm vụ	Tự đánh giá		Đánh giá của nhóm		Đánh giá của GV	
	Thái độ	Kết quả làm việc	Thái độ	Kết quả làm việc	Thái độ	Kết quả làm việc
NV1 :						
...../						
Tổng hợp :						

Để đánh giá quá trình, GV cũng có thể sử dụng *Hồ sơ học tập* gồm các tài liệu được tập hợp trong toàn bộ quá trình học bài học hoặc các chủ đề của bài học như : *Phiếu đánh giá quá trình học tập*, các sản phẩm, kết quả bài làm ứng với từng nhiệm vụ,... Sau một quá trình học tập, việc nhìn lại toàn bộ hồ sơ sẽ cho thấy mức độ tiến bộ, phát triển của từng HS trong một giai đoạn nhất định.

– Đánh giá kết quả học tập của HS : Đây là hình thức đánh giá rất quen thuộc với GV. Thông thường, GV sử dụng phương pháp kiểm tra viết với hai hình thức là trắc nghiệm và tự luận. Các kĩ thuật đề ra đề và đo lường kết quả cho các hình thức kiểm tra này cũng đã phổ cập với GV. Ngoài ra, GV còn có thể sử dụng các phương pháp khác nhau như vấn đáp, quan sát (ví dụ : quan sát và đánh giá sản phẩm dự án của HS).

(2) Ví dụ về các hình thức đánh giá

- Đánh giá thường xuyên (15 phút)

– Mục đích, yêu cầu : Đánh giá khả năng tiếp thu bài học đang diễn ra và những nội dung học tập có liên quan đến bài học để giúp GV nắm bắt tình hình học tập, trình độ nhận thức của HS, từ đó có nhận định bước đầu về mức độ kiến thức, kĩ năng, thái độ của người học để tiến hành những điều chỉnh cần thiết cho việc giảng dạy tiếp theo.

– Nội dung :

- + Năng lực đọc hiểu văn bản truyện cổ tích của HS (theo 4 mức độ) ;
- + Những phẩm chất cần được bồi dưỡng qua hoạt động đọc hiểu truyện cổ tích.

– Dưới đây là 2 ví dụ về đề kiểm tra 15 phút, GV có thể xây dựng để kiểm tra năng lực đọc hiểu truyện *Thạch Sanh*.

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGỮ VĂN	
(Thời gian làm bài : 15 phút)	
ĐỀ 1	
1. <i>Thạch Sanh</i> là truyện cổ tích về :	
A. người con riêng	B. người đội lốt vật
C. người dũng sĩ	D. người ngốc nghếch

2. Em hãy liệt kê các chiến công của nhân vật Thạch Sanh.

3. Qua những lần thử thách, Thạch Sanh đã bộc lộ phẩm chất gì?

Phẩm chất của Thạch Sanh	Đúng	Sai
1. Thật thà, chất phác		
2. Thông minh khác thường		
3. Dũng cảm, tài năng		
4. Tài dự đoán		
5. Lòng nhân đạo và yêu hoà bình		

4. Viết đoạn văn (từ 5 đến 7 câu) trình bày ý nghĩa của chi tiết thần kì mà em thích nhất trong truyện *Thạch Sanh*.

ĐỀ 2

Em hãy quan sát các bức tranh sau và trả lời câu hỏi.



(1)



(2)



(3)

1. Các bức tranh gợi cho em nhớ đến truyện cổ tích nào? Hãy gọi tên sự việc gắn với mỗi bức tranh đó.

2. Em hãy sắp xếp các sự việc mà bức tranh thể hiện theo trình tự diễn biến của câu chuyện.

3. Lựa chọn một bức tranh, em hãy nhập vai nhân vật chính để kể lại bằng một đoạn văn (từ 5 đến 7 câu).

• Đánh giá định kì (40 phút)

– Mục đích, yêu cầu : Việc đánh giá định kì được thực hiện sau khi học xong chủ đề truyện cổ tích, giúp GV và HS nhìn lại kết quả dạy học, so sánh với mục tiêu của chủ đề. Từ đó, người dạy, người học tiến hành điều chỉnh để có kế hoạch dạy học các chủ đề tiếp theo hiệu quả hơn.

– Nội dung :

+ Năng lực đọc hiểu truyện cổ tích của HS (theo bốn mức độ) ;

+ Những phẩm chất cần được bồi dưỡng, phát triển qua chủ đề đọc hiểu truyện cổ tích.

– Dưới đây là hai ví dụ về đề kiểm tra 40 phút, GV có thể xây dựng đề kiểm tra năng lực đọc hiểu truyện cổ tích của HS sau khi kết thúc chủ đề.

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGŨ VĂN

(Thời gian làm bài : 40 phút)

1. Đánh dấu đúng (Đ), sai (S) vào các ô phân loại để xác định những truyện dưới đây thuộc cổ tích thần kì hay cổ tích sinh hoạt.

Tên truyện	Phân loại	
	Cổ tích thần kì	Cổ tích sinh hoạt
<i>Thạch Sanh</i>		
<i>Em bé thông minh</i>		

2. Hãy lí giải vì sao em xác định như vậy.

3. Mục đích sử dụng chi tiết thần kì trong truyện cổ tích khác với truyện thuyết như thế nào ?

4. Chọn một trong hai câu hỏi sau :

a) Nếu được sống trong thế giới cổ tích, em mong muốn mình sẽ được ban thưởng điều gì? Vì sao em lại mong muốn như vậy?

b) Hãy giới thiệu ngắn gọn về một truyện cổ tích em đã đọc thêm ngoài các tác phẩm trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập một theo các gợi ý sau :

– Nêu tên truyện.

– Truyện thuộc loại cổ tích thần kì hay cổ tích sinh hoạt, cổ tích loài vật ?

– Tóm tắt ngắn gọn cốt truyện.

– Truyện ca ngợi và phê phán nhân vật nào ?

– Truyện nhắn nhủ em bài học gì ?

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGŨ VĂN

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi.

CÂY TRE TRĂM ĐÓT

Ngày xưa, có một anh nông phu nhà rất nghèo, phải đi ở cho một phú ông. Phú ông tính rất keo kiệt. Đối với kẻ ăn người ở, hắn có rất nhiều mẹo khoé để bòn công mà không phải trả thêm tiền. Trong nhà hắn có một cô con gái chưa gả chồng. Thấy anh đầy tớ tuổi đã lớn mà chưa có vợ, hắn vờ vịt :

– Cứ cố làm việc đi con ạ ! Lão sẽ gả con gái cho !

Vốn tính thật thà nên khi nghe lời đường mật của chủ, anh chàng bỗng nuôi hi vọng làm rể phú ông. Từ đó, anh đổ sức ra làm việc không biết mệt. Trời chưa sáng anh đã lội bì bõm ở ngoài đồng ; cho đến tận khuya vẫn còn trần lực xay lúa, giã gạo, kéo trục, bện thùng.... bao nhiêu công việc của chủ giao, dù khó khăn nặng nhọc thế nào, anh cũng không từ chối.

Phú ông thấy mưu mình đắt thì mừng lắm. Đứa con gái của lão đòi nào lão lại chịu gả cho hạng người như anh. Lão đã nhận lời gả cho con một nhà giàu ở làng bên cạnh vừa mang trâu cau đến chạp ngõ. Song, để giấu anh, lão bắt mọi người phải giấu kín. Còn anh, anh vẫn không nghi ngờ gì cả, vẫn quần quật làm việc và gửi gắm hi vọng vào ông chủ.

Ngày cưới của cô gái đã đến. Hôm ấy trong nhà phú ông người ta bày bàn dọn ghế, giết lợn mổ gà tấp nập. Để cho anh đầy tớ khỏi sinh sự lôi thôi làm lỡ cuộc vui của con mình, phú ông gọi anh đến và bảo :

– Con làm việc khá lắm, lão rất ưng ý. Hôm nay lão đã sửa soạn cỗ bàn rồi đấy. Nhưng mà con cũng phải có gì làm sính lễ mới được. Ta không đòi tiền bạc ruộng vườn gì cả. Cứ lên rừng chọn cây tre nào mà có một trăm đốt chặt mang về đây, lão sẽ cho làm lễ thành hôn. Nếu không có thì lão gả cho người khác đấy.

Anh chàng đứng ngẩn người ra một lúc, nhưng sau đó người ta thấy anh cầm rựa cầm cuốc ra đi. Lên rừng, anh cố tìm những bụi tre cao rồi lách vào mà chặt. Nhưng mỗi một cây tre ngã xuống là một lần anh thất vọng. Tre trông cao ngất ngưỡng là thế nhưng nhiều lắm cũng chỉ bốn mươi đốt là cùng. Tuy vậy, anh vẫn không chịu nản. Anh lại luồn vào những nơi hiểm hóc có những bụi tre già, và mặc cho gai tre tua tua cào rách cả áo, toạc cả da, anh vẫn không bận tâm, chỉ mong có một cây tre trăm đốt để mang về làm lễ dâng lên bố vợ. Anh giờ cao rựa chặt lách chặt đề. Nhưng tất cả những cây ngã xuống, đếm đi đếm lại cũng chỉ hơn những cây trước chừng năm bảy đốt là cùng. Buồn rầu quá đỗi, anh quẳng rựa xuống đất, ngồi khóc nức nở.

Tiếng khóc của anh vang động cả núi rừng. Nghe tiếng khóc, Bụt hiện ra trước mặt, hỏi :

– Con là ai ? Có sao lại ngồi đây mà khóc ?

Anh gạt nước mắt kể lễ sự tình cho Bụt nghe. Nghe đoạn, Bụt bảo :

– Con đừng khóc nữa. Hãy đi chặt lấy một trăm đốt tre mang về đây cho ta.

Anh nông phu lập tức làm theo lời Bụt dặn. Nhưng khi mang đủ một trăm đốt tre về, thì anh lại khóc.

– Sao con lại khóc ?

Anh trả lời Bụt :

– Phú ông bảo con chặt một cây tre có một trăm đốt, chứ không phải chặt một trăm đốt tre !

Bụt an ủi, rồi bày cho anh sắp một trăm đốt tre lại thành một hàng và hô mấy tiếng : “Khắc nhập! Khắc nhập! ”. Anh làm theo lời thì màu nhiệm thay, khi mấy tiếng hô vừa phát ra, anh đã thấy tất cả các đốt tre dính vào nhau như là từ một cây sinh ra vậy. Hết sức mừng rỡ, anh chạy vội lại định mang tre về, nhưng dù lấy hết gân sức, cũng không tài nào đỡ lên vai và quay về được. Loay hoay mãi, cuối cùng anh buông ra rồi ngồi phịch xuống đất khóc. Bụt lại hỏi :

– Làm sao con lại khóc nữa ?

– Cây tre dài quá – anh đáp. Con không làm sao mà đưa về nổi.

Bụt lại bảo anh hô lên mấy tiếng : “Khắc xuất ! Khắc xuất !”. Anh vừa hô xong thì cũng màu nhiệm không kém gì lần trước, những đốt tre tự nhiên rời ra ngay. Anh mừng quá, hết lời cảm tạ Bụt, rồi xếp tre thành hai bó, quảy ra khỏi cửa rừng.

Anh về đến nhà giữa lúc hai họ đang cỗ bàn linh đình, cô dâu chú rể sắp bước vào lễ cưới. Anh lẳng lặng đặt gánh tre giữa sân rồi gọi phú ông ra nhận sính lễ. Thấy các đốt tre, phú ông vội quát :

– Tao bảo mày chặt cho được một cây tre trăm đốt, chứ có phải chặt một trăm đốt tre đâu ! Rõ ngớ ngẩn !

Chẳng nói chẳng rằng, anh nông phu luôn miệng hô : “Khắc nhập ! Khắc nhập !”. Các đốt tre lần lượt chạy ra khỏi bó rồi dính vào nhau thành một cây tre cao ngất ngể. Phú ông tức mình chạy lại định lay cây tre cho nó rời ra, nhưng những tiếng “Khắc nhập” từ miệng anh hô có phép làm cả người phú ông bỗng dính liền vào cây tre như là một đốt nối thêm vào vậy. Phú ông kêu la ầm ĩ. Tiếng kêu oai oái làm cho hai họ hốt hoảng đổ ra sân. Chàng rể là người đầu tiên chạy đến định gỡ cho bố vợ, nhưng hai tiếng “Khắc nhập” của anh nông phu lại làm cho người hấn dính liền vào cây và đội phú ông lên đầu. Đến lượt ông thông gia đến gỡ con ra cũng bị dính vào nốt. Tiếp đó, họ nhà trai, nhà gái cứ mỗi người xông vào gỡ là một lần bị dính cứng vào tre. Trong khi mọi người sợ xanh cả mặt thì anh đầy tớ vẫn bình thản đứng ở góc sân để đội phú ông trả lời. Cuối cùng, phú ông đành phải lạy xin được thả ra và hứa sẽ gả con gái cho anh, không dám nuốt lời nữa.

Bấy giờ anh chàng bèn hô lên mấy tiếng : “Khắc xuất ! Khắc xuất !”. Lập tức, phú ông và mọi người rời khỏi cây tre. Sau đó chàng rể cùng họ nhà trai cấp gói ra về. Còn anh nông phu từ đó được vợ như mong ước.

(Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 3,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010)

Câu hỏi :

1. Lão phú ông đã lừa anh nông phu như thế nào ?

2. Anh nông phu trong truyện là người ra sao ?

3. Em hãy chỉ ra chi tiết thần kì trong truyện cổ tích trên.

4. Tác giả dân gian muốn gửi đến chúng ta lời nhắn nhủ gì từ câu chuyện cổ tích em vừa đọc ?

5. Trong cuộc sống hằng ngày, có nhiều điều kì diệu đến với chúng ta không phải từ sự giúp đỡ của ông Bụt, bà tiên,... như trong truyện cổ tích, mà từ tấm lòng nhân hậu, vị tha của nhiều cá nhân, tổ chức trong xã hội. Họ đã làm nên những câu chuyện cổ tích giữa đời thường.

Trong khoảng từ 5 đến 7 câu, em hãy kể ngắn gọn một câu chuyện cổ tích giữa đời thường mà em được chứng kiến, nghe kể hoặc đọc được qua sách báo.

(2) Ví dụ về hình thức đánh giá sản phẩm dự án của HS

Để đánh giá quá trình và kết quả học tập của HS, GV cũng có thể sử dụng hình thức làm việc theo dự án. GV hướng dẫn HS trong lớp lựa chọn dự án đọc truyện cổ tích với tên dự án là “Bước vào thế giới cổ tích”. Các nhóm HS sẽ lựa chọn dự án bộ phận gắn với các tiểu loại của truyện cổ tích. Mục tiêu của dự án là giới thiệu cho cả lớp một truyện cổ tích (có thể trong hoặc ngoài CT) hoặc một tác phẩm sáng tạo theo lối cổ tích (cổ tích hiện đại). Sản phẩm của dự án có thể là bản thuyết trình và trình chiếu powerpoint ; một vở kịch chuyển thể từ tác phẩm được diễn trên sân khấu lớp học (nếu có thời gian) hoặc HS sẽ diễn trong hoạt động ngoài giờ và ghi hình, nộp sản phẩm ; một tập san ; một bài thơ tự sự kể lại câu chuyện ;... GV cùng HS xác định các tiêu chí đánh giá sản phẩm, công bố các tiêu chí này ngay khi bắt đầu dự án. Dự án được tiến hành ngoài giờ song song với quá trình đọc hiểu truyện cổ tích trên lớp và kéo dài sau đó khoảng từ 1 đến 2 tuần. GV sắp xếp thời gian, dự kiến cách thức để cùng HS nghiệm thu dự án theo mẫu phiếu đánh giá đã được xác định. Thông thường, phiếu đánh giá nên tập trung vào một số phương diện như : quá trình làm việc thế nào, nội dung có phù hợp với mục tiêu không, sản phẩm và việc trình bày sản phẩm (thuyết trình, trình chiếu, trình diễn,...), yêu cầu về thời gian hoàn thành và trình bày sản phẩm, tính sáng tạo của sản phẩm,... Đây là một cách đánh giá mở (đánh giá năng lực đọc hiểu và tích hợp nhiều kĩ năng khác của HS), có khả năng đánh thức tiềm năng sáng tạo riêng của mỗi HS. Tuy nhiên, để làm được điều này, GV cần đầu tư nhiều thời gian, công sức và sự sáng tạo.

3. TRUYỆN NGỤ NGÔN

3.1. Mục tiêu

a) *Hình thành và phát triển một số kiến thức, kĩ năng và năng lực đặc thù*

(1) Về kiến thức, kĩ năng cơ bản

– Nhận biết được đặc điểm tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của một số truyện ngụ ngôn đã được học và đọc thêm (truyện ngụ ngôn : *Ếch ngồi đáy giếng* ; *Thầy bói xem voi* ; *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng* ;...).

– Phân tích và diễn giải được các giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngụ ngôn đã được học (*Ếch ngồi đáy giếng*) ; rút ra được bài học triết lí từ truyện ngụ ngôn.

(2) Về vận dụng

– Kể tóm tắt hoặc kể chi tiết các truyện ngụ ngôn trong phần đọc thêm.

– Viết được đoạn văn (bài văn) đánh giá các nhân vật, cách ứng xử của nhân vật trong truyện ngụ ngôn hoặc nêu lên những bài học rút ra từ những truyện ngụ ngôn đọc thêm.

– Từ những bài học rút ra qua những truyện ngụ ngôn, có thể tự giải quyết một cách hợp lí các tình huống giả định và tình huống có thật tương tự với các tình huống trong các truyện ngụ ngôn đã học, đã đọc, từ đó, hình thành và rèn luyện kĩ năng ứng xử phù hợp trong cuộc sống hằng ngày.

b) *Phát triển một số phẩm chất cho HS*

Thông qua việc đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* hình thành và phát triển ở HS đức tính khiêm tốn, không chủ quan, kiêu ngạo ; có ý thức mở rộng tầm hiểu biết để nhìn nhận sự vật, sự việc trong cuộc sống một cách chính xác, không phiến diện, tôn trọng nhau khi sống và học tập trong một tập thể, một cộng đồng.

3.2. Nội dung chính

a) *Kiến thức chung về thể loại*

– Truyện ngụ ngôn là loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người và các bộ phận của con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống. Nếu như truyền thuyết và cổ tích thiên về việc phản ánh cuộc sống, truyện ngụ ngôn lại thiên về việc giáo dục con người.

– Truyện ngụ ngôn thường gồm hai lớp nghĩa :

+ Lớp nghĩa cụ thể (là nội dung truyện kể) ;

+ Lớp nghĩa khái quát – bài học rút ra từ truyện (đây là mục đích cuối cùng của truyện).

– Cũng như truyền thuyết và cổ tích, truyện ngụ ngôn là sản phẩm của trí tưởng tượng sáng tạo của con người. Nếu như trong truyền thuyết và truyện cổ tích, yếu tố tưởng tượng tạo nên sự huyền ảo, lung linh cho các nhân vật, sự kiện,... thì ở truyện ngụ ngôn, yếu tố tưởng tượng được tạo ra theo yêu cầu của lí trí, nhằm mục đích thể hiện những quan niệm, triết lí, sự giáo huấn,... một cách lí thú, dí dỏm. Thế giới nhân vật trong truyện ngụ ngôn Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới rất phong phú. Trí tưởng tượng của con người có thể biến những con vật, đồ vật, cây cối, thậm chí là những bộ phận trên cơ thể con người,... trở thành nhân vật của truyện ngụ ngôn. Do vậy, có thể nói yếu tố tưởng tượng kì ảo, sự nhân cách hoá trở thành hiện tượng phổ biến của truyện ngụ ngôn. Truyện ngụ ngôn là sự kết hợp giữa lời cảm nghĩ hồn nhiên của trẻ thơ với trí tuệ tinh thông, sắc sảo của người từng trải, tạo nên sức hấp dẫn đối với mọi lứa tuổi.

– Cách thức giáo dục của truyện ngụ ngôn rất khéo léo, tinh tế vì truyện không đưa ra những lời giáo huấn, răn dạy khô khan mà ý nghĩa giáo dục được ngụ ý, bóng gió trong những sự việc, tình tiết, nhân vật,... trong truyện.

– Truyện ngụ ngôn thực chất là sự đúc kết tư tưởng triết học, kinh nghiệm sống của nhân dân thông qua hình tượng nghệ thuật, giúp mọi người tự rút ra bài học cho bản thân để tránh được những thất bại trong cuộc sống. Cho đến nay, nhiều bài học vẫn còn nguyên giá trị, giúp chúng ta có kĩ năng sống và thành công hơn trong công việc và cuộc sống.

– Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập một, các truyện ngụ ngôn HS được học, được đọc sẽ giúp các em hiểu rõ những đặc điểm và giá trị chủ yếu của truyện ngụ ngôn. Khi dạy HS học truyện ngụ ngôn, GV cần giúp các em tự khám phá, phát hiện, nhận ra sự khác biệt giữa truyện ngụ ngôn với truyền thuyết và cổ tích, để có thể tìm tòi, khai thác, lĩnh hội các bài học cuộc sống, cách đối nhân xử thế,... được gửi gắm trong những tầng ý nghĩa sâu xa của tác phẩm.

b) Kiến thức cụ thể bài đọc "Ếch ngồi đáy giếng"

Vì truyện ngụ ngôn có lớp nghĩa cụ thể và lớp nghĩa khái quát (bài học rút ra từ truyện), GV cần giúp HS tìm hiểu lần lượt từng lớp nghĩa, tìm ra sợi dây lô gích kết nối các lớp nghĩa của truyện.

– Lớp nghĩa cụ thể của truyện cho thấy cách khai thác thông minh, dí dỏm của tác giả dân gian :

+ Nhân vật chính của truyện là một con ếch. Con ếch trong truyện đã được nhân cách hoá nhưng các tình tiết truyện vẫn được xây dựng dựa trên những đặc tính rất phù hợp với loài vật này (ếch sống ở nơi ẩm thấp, gần nước ; tiếng ếch kêu ộp ộp trong không gian sâu và hẹp sẽ tạo sự vang động,...). Trong truyện, ếch sống dưới giếng, bên cạnh chỉ có một vài loài vật bé nhỏ, yếu ớt (chúng rất hoảng sợ mỗi khi nghe tiếng ếch kêu) nên ếch ta thấy mình oai vệ như vua chúa. Vì sống dưới giếng nên ếch chỉ quen nhìn trời qua miệng giếng nhỏ, thấy trời chỉ bé bằng chiếc vung. Từ chỗ coi trời bằng vung và thấy mình thật oai vệ, ếch chẳng coi ai ra gì, ngông cuồng, ngạo mạn một cách đáng thương (vì không biết mình, biết người).

+ Rời khỏi môi trường sống quen thuộc, vẫn giữ thói quen cũ, ngông nghênh, ngang nháo, chẳng thèm để ý đến xung quanh, nghĩa là vẫn “coi trời bằng vung” như khi sống dưới đáy giếng, ếch đã chết thảm vì bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

– Lớp nghĩa khái quát : Bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* có thể được phát biểu theo cảm nhận riêng của mỗi người. Ví dụ :

+ Từ câu chuyện về cách nhìn thế giới bên ngoài chỉ qua miệng giếng nhỏ hẹp của chú ếch, truyện *Ếch ngồi đáy giếng* ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan, kiêu ngạo.

+ Truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* khuyên bảo mọi người chớ nên vì hiểu biết nông cạn mà dương dương tự đắc, chớ nên vì công lao còn con mà đắc chí.

+ Thế giới xung quanh ta vô cùng rộng lớn và phong phú, cần biết học hỏi, làm giàu vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống để có thể sống phù hợp với hoàn cảnh.

+ Kiêu ngạo, chủ quan thì sẽ chuốc lấy thất bại.

+ Khiêm tốn, cẩn trọng tất sẽ thành công.

3.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Những lưu ý chung

(1) Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động cho HS

– Học truyện ngụ ngôn cũng như học bất cứ tác phẩm tự sự nào, HS cần phải nhớ được nội dung tác phẩm. Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập một, ở bài học về truyện ngụ ngôn, HS được yêu cầu kể lại truyện hoặc tóm tắt nội dung truyện. Đây là yêu cầu giúp HS nhớ tác phẩm để từ đó tìm hiểu, phân tích, chỉ ra lớp nghĩa cụ thể của truyện. GV cần dành thời gian thích đáng để HS thực hiện yêu cầu này.

– Đối với yêu cầu tìm hiểu, phát hiện, trình bày bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập một đã có điều chỉnh cách trình bày để có thể phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. Cụ thể là bài học rút ra từ mỗi truyện ngụ ngôn không trình bày theo kiểu yêu cầu ghi nhớ như trước đây, mà HS được lựa chọn hoặc phát biểu cảm nhận riêng của mỗi cá nhân. GV có biện pháp khích lệ HS mạnh dạn trình bày suy nghĩ, cảm nhận riêng của bản thân trong nhóm hoặc trước lớp để bài học rút ra từ mỗi truyện ngụ ngôn phải thực sự thấm thía đối với các em.

– Đối với yêu cầu đọc hiểu truyện ngụ ngôn, HS phải thực hiện các hoạt động : hoạt động trải nghiệm, đọc văn bản, tìm hiểu nghĩa của từ ngữ mới hoặc khó, trả lời các câu hỏi đọc hiểu, liên hệ nội dung truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế trong đời sống hằng ngày của các em và mọi người xung quanh.

Ở từng hoạt động, HS đã được chỉ dẫn cách thực hiện cụ thể về hình thức tổ chức (làm việc cá nhân, làm việc nhóm hay làm việc chung cả lớp), về nội dung hoạt động,... Tuy nhiên, tùy từng điều kiện, hoàn cảnh hay đối tượng HS cụ thể, GV có thể điều chỉnh hoạt động để giờ học hiệu quả hơn, HS học tập hứng thú hơn, hiểu nội dung bài học sâu hơn. Dưới đây là một số ví dụ minh họa việc điều chỉnh về hình thức tổ chức hoạt động :

+ Tăng cường tổ chức hoạt động tập thể để tạo không khí học tập vui vẻ, bổ ích.

Đối với hoạt động đọc văn bản, GV có thể cho HS đọc theo vai hoặc dựng hoạt cảnh kết hợp với trang phục phù hợp-

+ Điều chỉnh quy mô hoạt động nhóm (ví dụ : đối với hoạt động đọc hiểu, ở một số nội dung, có thể điều chỉnh hoạt động nhóm thành hoạt động cá nhân hay hoạt động cặp đôi nếu thấy cần tăng cường khả năng hoạt động độc lập của từng thành viên trong lớp).

+ Điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ học tập phù hợp với từng nhóm đối tượng HS (ví dụ : đối với hoạt động liên hệ nội dung truyện ngụ ngôn với những tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống hiện tại, GV có thể giao cho mỗi nhóm một nhiệm vụ khác nhau để sau đó các em trình bày trước lớp sẽ tạo nên sự mới mẻ trong hoạt động học tập của HS trong giờ học).

(2) Những hình thức tổ chức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập

– Đối với hoạt động khởi động : Văn bản truyện ngụ ngôn thường rất ngắn gọn nên không mất nhiều thời gian cho việc đọc văn bản. Do vậy, để tạo được không khí sôi nổi trong giờ học, GV có thể điều chỉnh hoặc dàn dựng lại hoạt động khởi động để có đủ thời gian cho tất cả HS được bộc lộ những hiểu biết của mình về những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Ví dụ : trong hoạt động khởi động của bài 10, HS được hướng dẫn như sau :



1. Em đã đọc những truyện ngụ ngôn nào dưới đây ?

- Quạ và Cáo
- Rùa và Thỏ
- Con Quạ uống nước
- Rùa và đôi Vịt trời



2. Kể lại một trong những truyện ngụ ngôn trên.

GV có thể cho HS mang đến lớp một số truyện ngụ ngôn để đọc, xem tranh và kể chuyện trong nhóm. Việc đọc để mở rộng vốn hiểu biết về truyện ngụ ngôn sẽ tạo được hứng thú học tập thể loại này, đồng thời giúp các em hiểu sâu hơn về những nét đặc trưng của thể loại mà mục tiêu bài học đề ra.

– Đối với hoạt động đọc văn bản : Truyện ngụ ngôn rất ngắn gọn, cô đọng nên GV có thể tạo điều kiện về thời gian, khích lệ, động viên HS để các em có thể kể lại ngay câu chuyện sau khi đọc văn bản. Việc nhớ nội dung tác phẩm, nhắc lại được đầy đủ chi tiết trong văn bản sẽ giúp các em đọc hiểu tốt hơn.

– Đối với hoạt động giải nghĩa từ : Số lượng từ ngữ cần giải nghĩa ở các bài đọc hiểu truyện ngụ ngôn thường không nhiều. GV nên giúp các em hiểu và nhớ được nghĩa của từ ngữ ngay tại lớp để làm giàu vốn từ của các em bằng các hình thức đa dạng, ví dụ : sử dụng thẻ từ, hỏi – đáp theo cặp đôi về nghĩa của từ, đặt câu với từ ngữ,...

– Đối với hoạt động đọc hiểu : Trong các câu hỏi đọc hiểu, bên cạnh những câu hỏi yêu cầu nhận thức ở mức độ đơn giản (biết, hiểu sự việc, hiện tượng, tình tiết,... trong tác phẩm) còn có những câu hỏi yêu cầu cao hơn về năng lực đọc hiểu (vận dụng, phản hồi – đánh giá,...). GV nên hướng dẫn HS (hoặc nhắc các nhóm trưởng điều hành nhóm) dành nhiều thời gian hơn cho việc trả lời các câu hỏi đòi hỏi sự suy luận gián tiếp, thể hiện khả năng liên hệ, vận dụng, bộc lộ cách nhìn nhận, cách đánh giá nhân vật, sự việc, hiện tượng, tình huống,... trong văn bản đọc hiểu cũng như trong đời sống hằng ngày. GV cần có biện pháp khích lệ HS mạnh dạn đưa ra các ý kiến thể hiện suy nghĩ, cảm nhận riêng của mình, giúp các em thực học và học sâu từng văn bản. Ví dụ : trong ba câu hỏi đọc hiểu truyện *Ếch ngồi đáy giếng* (bài 10) dưới đây, GV nên tạo điều kiện để nhiều HS được trả lời câu hỏi thứ ba theo cảm nhận riêng của từng em :



a) Trả lời các câu hỏi sau:

- (1) Vì sao ếch tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể ?
- (2) Do đâu ếch bị con trâu đi qua giẫm bẹp?
- (3) Theo em, truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* nhằm nêu lên bài học gì?

Để việc tổ chức các hoạt động học tập có hiệu quả và tạo được hứng thú học tập cho HS, GV cần chú ý tăng cường sử dụng đồ dùng học tập : tranh ảnh, băng hình, làm *Phiếu học tập*, sưu tầm thêm một số tình huống có vấn đề trong cuộc sống để HS có thể vận dụng bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn để giải quyết tình huống theo các cách khác nhau.

3.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

- Đánh giá năng lực đọc hiểu truyện ngụ ngôn của HS thông qua các yêu cầu sau :
 - + Tóm tắt được nội dung truyện ngụ ngôn đã học, đã đọc ;
 - + Nêu đặc điểm nội dung, nghệ thuật của các truyện ngụ ngôn được học ;
 - + Rút ra được những bài học cho bản thân từ những truyện ngụ ngôn đã học, đã đọc ;
 - + Đưa ra cách giải quyết các tình huống giả định hoặc tình huống có thật trong đời sống tương tự với các tình huống trong các truyện ngụ ngôn đã học.
- Đánh giá phẩm chất cần hình thành và rèn luyện cho HS thông qua việc đọc hiểu một số truyện ngụ ngôn. Ví dụ :
 - + Biết nhìn nhận sự vật, sự việc trong cuộc sống một cách thận trọng, không phiến diện ;
 - + Có tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau khi sống và học tập, làm việc trong một tập thể.

b) Hình thức đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Khi học bất cứ nội dung kiến thức, kĩ năng nào, GV và HS đều cần có hoạt động đánh giá kết quả học tập của HS để có biện pháp điều chỉnh phương pháp dạy và học.
- Đối với nội dung dạy học truyện *Ếch ngồi đáy giếng*, GV chủ yếu hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong các hoạt động học tập tại lớp. Trong quá trình hỗ trợ HS ở các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động đọc hiểu tác phẩm, GV cần có sự quan sát từng nhóm hoặc từng em, ghi chép những ý kiến đánh giá đối với một số em có năng lực nổi bật về khả năng cảm thụ và phân tích truyện ngụ ngôn. GV cũng có thể soạn các câu hỏi để HS trả lời vào *Phiếu học tập*, căn cứ kết quả làm bài của các em, GV có thể đánh giá kết quả học tập của từng HS hoặc từng nhóm HS.

- Tham khảo :

Đề 1 : Em rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* ?

Đề 2 : Ngoài những truyện ngụ ngôn đã học, em hãy kể tóm tắt một truyện ngụ ngôn em đã đọc và yêu thích. Nói rõ vì sao em thích truyện đó.

4. TRUYỆN CƯỜI

4.1. Mục tiêu

a) *Hình thành và phát triển một số kiến thức, kỹ năng và năng lực đặc thù*

– Về kiến thức, kỹ năng cơ bản :

+ Nhận biết được đặc điểm tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của một số truyện cười đã học, đã đọc (truyện *Treo biển* ; *Lợn cưới, áo mới* ;...).

+ Phân tích và diễn giải được một số đặc điểm tiêu biểu và giá trị nội dung của truyện cười. Nhận biết nghệ thuật gây cười của các truyện cười được học, được đọc thêm, phát hiện được những lời lẽ, cử chỉ, hành động, tính cách, tình huống,... gây cười (trái tự nhiên, bất bình thường, ngược đời, vô lí,...).

+ Nêu được những thói hư, tật xấu được phản ánh trong truyện cười và những bài học quý báu, hàm ý chế giễu, châm biếm, phê phán ẩn chứa trong tiếng cười cất lên từ những truyện cười đã học, đã đọc. Rút ra được những bài học cho bản thân từ những truyện cười đã học, đã đọc.

– Về vận dụng :

+ Kể tóm tắt hoặc kể chi tiết một truyện cười đã đọc.

+ Viết được đoạn văn, bài văn đánh giá các chi tiết, các nhân vật, cách ứng xử của nhân vật trong truyện cười ; những bài học bản thân rút ra từ những truyện cười đã học, đã đọc.

+ Liên hệ nội dung, ý nghĩa của truyện cười với những tình huống, hoàn cảnh đáng cười hoặc gây cười tương tự trong thực tế.

b) *Phát triển một số phẩm chất cho HS*

Thông qua việc đọc hiểu truyện *Treo biển* phát triển ở HS đức tính tự tin, kiên định, có chủ kiến, biết suy xét kĩ khi nghe ý kiến của người khác.

4.2. Nội dung chính

a) *Kiến thức chung về thể loại*

Trong văn học dân gian Việt Nam, truyện cười là một thể loại đặc sắc, có sức cuốn hút đặc biệt đối với mọi thế hệ.

Ngay từ xa xưa, con người đã nhận thức được tầm quan trọng của tiếng cười đối với cuộc sống. Hàng loạt truyện cười ra đời để mua vui hoặc phê phán thói hư, tật xấu trong xã hội.

Truyện cười dân gian Việt Nam hình thành từ trong lòng xã hội phong kiến nhưng nở rộ vào giai đoạn suy vong của nó (thế kỉ XVII – XVIII). Truyện cười là một hình thức đặc biệt phản ánh hiện thực bằng sự phê phán thông qua tiếng cười. Truyện cười dân gian Việt Nam là một biểu hiện của tinh thần lạc quan, trí thông minh sắc sảo và tinh thần đấu tranh của nhân dân lao động chống lại cái xấu trong xã hội.

Nghệ thuật của truyện cười chính là nghệ thuật gây cười. Để gây cười, để tiếng cười nở ra giòn giã, khoái trá, người kể chuyện thường sử dụng biện pháp phóng đại, thổi phồng, kéo căng

hiện tượng, sự vật quá mức bình thường, tạo nên sự đối lập giữa cái hợp lí và cái phi lí. Ở một số truyện cười, người kể chuyện lại sử dụng biện pháp đối lập giữa lô-gíc hình thức và lô-gíc biện chứng hoặc khai thác sự thú vị của việc dùng từ đồng âm khác nghĩa của tiếng Việt.

Truyện cười dân gian Việt Nam có thể chia làm 2 nhóm :

– *Truyện khôi hài* : Truyện khôi hài lấy việc bật ra tiếng cười làm mục đích. Nó mang tính chất mua vui nhiều hơn tính chất xã hội. Truyện mang đến không khí vui tươi, có khả năng giáo dục những tình cảm trong sáng, tốt lành ; tạo cho người đọc, người nghe cảm giác sảng khoái và tinh thần lạc quan.

– *Truyện trào phúng* : Truyện trào phúng thường mang nội dung xã hội rõ rệt. Nó phê phán, đả kích những thói hư tật xấu trong xã hội. Tùy theo đối tượng khác nhau mà tính chất của tiếng cười cũng có những cung bậc nhất định.

Nói tóm lại, truyện cười là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Nhiều khi qua truyện cười, người bình dân muốn gửi gắm những bài học sâu sắc trong cuộc sống. Vì thế, một số truyện cười cũng mang đặc điểm của truyện ngụ ngôn.

b) *Kiến thức cụ thể về bài đọc "Treo biển"*

Học truyện *Treo biển*, HS cần hiểu được nội dung ngụ ý trong truyện (con người cần có chủ kiến khi nghe người khác góp ý) ; cảm nhận được chi tiết nghệ thuật gây cười rõ nhất ; rút ra được đặc điểm của truyện cười (về đối tượng, mục đích và nghệ thuật gây cười).

Truyện *Treo biển* có kết cấu rất gọn, chặt chẽ, kết thúc bất ngờ. Truyện bắt đầu từ một sự việc rất đời thường tình, đó là việc *treo biển* của một cửa hàng bán cá. Nhà hàng treo biển là để giới thiệu, quảng cáo sản phẩm nhằm mục đích bán được nhiều hàng. Biển đề “*Ở đây có bán cá tươi*”. Có thể nói đây là tấm biển đáp ứng được mọi yêu cầu vì đã nêu rõ được địa điểm bán hàng (*ở đây*) ; công việc của nhà hàng (*có bán*) ; sản phẩm, mặt hàng của nhà hàng (*cá*) ; chất lượng của sản phẩm, hàng hoá (*tươi*). Thế nhưng, tấm biển hoàn hảo về nội dung đó lại nhận được những ý kiến góp ý khác nhau về sự dư thừa của nội dung thông báo. Điều thú vị là cả 4 ý kiến góp ý đều có cách lập luận rất đanh thép với giọng chất vấn, chê bai của những người am hiểu và tận tình, tốt bụng. Bởi vậy, nó tác động mạnh mẽ đến chủ nhà hàng vốn dĩ kém tự tin, dẫn đến việc sau mỗi lần nhận được ý kiến góp ý, chủ nhà hàng lại chỉnh sửa ngay tấm biển : lần lượt bỏ đi từng từ, từng phần của nội dung tấm biển. Và cuối cùng thì tấm biển chẳng còn chữ nào!

Sau khi tìm hiểu truyện, HS cần hiểu truyện *Treo biển* là tiếng cười phê phán những người thiếu chủ kiến, thiếu tự tin, dễ dàng ngả theo ý kiến của người khác để đến nỗi hỏng việc. Truyện nhắn nhủ mọi người bài học : Trong cuộc sống cần lắng nghe ý kiến từ nhiều phía khác nhau nhưng cũng rất cần sự tự tin, suy nghĩ thận trọng trước khi đưa ra quyết định.

4.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) *Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động cho HS*

– Học truyện cười cũng như học bất cứ tác phẩm tự sự nào, HS cần phải nhớ được nội dung tác phẩm để kể lại. Nhưng việc kể lại truyện phải làm sao có sức cuốn hút và gây cười cho người nghe. Điều này đòi hỏi GV phải hướng dẫn HS cách nhấn giọng, lên giọng, xuống giọng, ngắt giọng,... ở những từ ngữ quan trọng và biết kết hợp với cử chỉ, điệu bộ,... để gây cười đối với người nghe.

– Tương tự như việc đọc hiểu truyện ngụ ngôn, khi tìm hiểu truyện cười, HS phải thực hiện các hoạt động : hoạt động trải nghiệm, đọc văn bản, tìm hiểu nghĩa của từ ngữ mới hoặc khó, trả lời các câu hỏi đọc hiểu, liên hệ nội dung truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế gây cười, đáng cười, đáng phê phán,... trong đời sống hằng ngày của các em và mọi người xung quanh.

– Ở từng hoạt động, HS đã được chỉ dẫn cụ thể về hình thức tổ chức (làm việc cá nhân, làm việc nhóm hay làm việc chung cả lớp), về nội dung hoạt động,... Tuy nhiên, tùy từng nội dung câu chuyện, tùy từng điều kiện, hoàn cảnh hay đối tượng HS cụ thể,

GV có thể điều chỉnh hoạt động để giờ học vui hơn (đúng với đặc trưng truyện cười) và hiệu quả hơn, HS học tập hứng thú hơn, hiểu nội dung bài học sâu hơn.

– Dưới đây là một số ví dụ minh họa việc điều chỉnh về hình thức tổ chức hoạt động :

+ Tăng cường tổ chức hoạt động tập thể để tạo không khí học tập vui vẻ, bổ ích. Ví dụ : Đối với hoạt động đọc văn bản, GV có thể cho HS đọc theo vai hoặc dựng hoạt cảnh kết hợp với trang phục phù hợp.

+ Điều chỉnh quy mô hoạt động nhóm. Ví dụ : Đối với hoạt động đọc hiểu, ở một số nội dung, GV có thể điều chỉnh hoạt động nhóm thành hoạt động cá nhân hay hoạt động cặp đôi (nếu thấy cần tăng cường khả năng hoạt động độc lập của từng thành viên trong lớp) hoặc có thể làm ngược lại. Ví dụ : hoạt động dưới đây là hoạt động cá nhân nhưng GV hoàn toàn có thể điều chỉnh thành hoạt động cặp đôi hay hoạt động nhóm để các em có thể giao tiếp và cùng nhau cười vui khi phân tích truyện cười.

+ Điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ học tập phù hợp với từng nhóm đối tượng HS (ví dụ : đối với hoạt động liên hệ nội dung truyện cười với những tình huống, hoàn cảnh thực tế trong đời sống hiện tại, GV có thể giao cho mỗi nhóm một nhiệm vụ khác nhau để sau đó các em trình bày trước lớp sẽ tạo nên sự mới mẻ trong hoạt động học tập của HS).

b) *Những hình thức tổ chức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập*

Để việc tổ chức các hoạt động học tập có hiệu quả và tạo được hứng thú cho HS, GV rất cần rèn kĩ năng đọc hay kể truyện cười, chú ý tăng cường sử dụng đồ dùng học tập : tranh ảnh, băng hình, làm *Phiếu học tập*, sưu tầm một số tình huống gây cười trong cuộc sống để HS có thể đúc rút được bài học từ các truyện cười được nghe, được đọc.

Sản phẩm học tập của HS nên được treo trước lớp để các em có cơ hội quan sát, so sánh với nhau. GV có thể chuẩn bị các *Phiếu học tập* để từng cá nhân, từng cặp hay từng nhóm HS thực hiện rồi treo trên bảng hay ở góc học tập của nhóm.

4.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

- Đánh giá năng lực đọc hiểu truyện cười của HS thông qua các yêu cầu sau :
 - + Tóm tắt được nội dung các truyện cười đã học, đã đọc ;
 - + Nêu đặc điểm nội dung, nghệ thuật của các truyện cười đã học ;
 - + Rút ra được những bài học cho bản thân từ những truyện cười đã học, đã đọc ;
 - + Đưa ra cách giải quyết các tình huống giả định hoặc tình huống có thật trong đời sống tương tự với các tình huống trong các truyện cười đã học,...
- Đánh giá phẩm chất cần hình thành và rèn luyện cho HS thông qua việc đọc hiểu một số truyện cười. Ví dụ :
 - + Tự tin, kiên định, có chủ kiến, biết suy xét kĩ khi nghe ý kiến của người khác ;

b) Hình thức đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Khi học bất cứ nội dung kiến thức, kĩ năng nào, GV và HS đều cần có hoạt động đánh giá kết quả học tập của HS để có biện pháp điều chỉnh phương pháp dạy và học.
- Đối với nội dung dạy học truyện cười(bài 12), GV chủ yếu hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong các hoạt động học tập tại lớp. Trong quá trình hỗ trợ HS ở các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động đọc hiểu tác phẩm, GV quan sát từng nhóm hoặc từng em, ghi chép những ý kiến đánh giá đối với một số em có năng lực nổi bật về khả năng cảm thụ, phân tích truyện cười. GV cũng có thể soạn các câu hỏi để HS trả lời vào *Phiếu học tập*, căn cứ kết quả làm bài của các em, GV có thể đánh giá kết quả học tập của từng HS hoặc từng nhóm HS.
- Tham khảo :

Đề 1 : Chỉ ra các tình tiết gây cười trong truyện *Treo biển*.

Đề 2 : Ngoài những truyện cười đã học, hãy kể tóm tắt một truyện cười mà em đã đọc và yêu thích. Nói rõ vì sao em thích truyện đó.

5. TRUYỆN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

5.1. Mục tiêu

a) Hình thành và phát triển một số kiến thức, kĩ năng và năng lực đặc thù

(1) Về kiến thức, kĩ năng cơ bản

- Kể lại, tóm tắt được nội dung của văn bản *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*.
- Nêu và lí giải được ý nghĩa của truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* (ngợi ca y đức của người thầy thuốc nói riêng và đạo đức của con người nói chung).

Chỉ ra và phân tích được đặc trưng nghệ thuật của truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* : ghi chép chuyện thật, khai thác tình huống gay cấn để làm nổi bật tính cách, phẩm chất của nhân vật và ý nghĩa của truyện.

(1) Về vận dụng

– Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ, cảm nhận về một phương diện nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm.

– Trình bày miệng (trong nhóm và trước cả lớp) những kiến giải, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của truyện.

– Liên hệ và vận dụng những bài học từ các truyện nêu trên vào thực tiễn cuộc sống của bản thân.

b) Phát triển một số phẩm chất cho HS

Việc dạy học các tác phẩm truyện trung đại Việt Nam góp phần bồi dưỡng cho HS lòng nhân ái, tình cảm yêu thương đối với con người, loài vật ; tiếp tục bồi đắp cho các em lòng trung hậu, tinh thần trọng đạo lí, khảng khái và ý thức giữ gìn phẩm giá trong mỗi hành động, việc làm.

5.2. Nội dung chính

a) Kiến thức chung về thể loại

Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng (và các tác phẩm đọc thêm : *Con hổ có nghĩa*, *Mẹ hiền dạy con*) thuộc thể loại truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại. Các tác phẩm này đều mang những đặc trưng chung của thể loại, thể hiện ở cốt truyện với các sự kiện, tình tiết, chi tiết ; ở nhân vật với những hành động, suy nghĩ, lời nói ; ở nghệ thuật kể chuyện ; ngôn ngữ truyện (ngôn ngữ nhân vật, ngôn ngữ người kể chuyện,...). Tuy nhiên, so với truyện hiện đại, truyện văn xuôi chữ Hán trung đại có cốt truyện đơn giản ; nhân vật chủ yếu được miêu tả qua hành động và ngôn ngữ đối thoại.

Truyện văn xuôi chữ Hán trung đại vẫn có yếu tố hư cấu, nhưng bên cạnh tính chất hư cấu cũng xuất hiện xu hướng hiện thực hoá, gắn với đời sống, với nguyên mẫu ngoài đời. Điển hình là Vũ Trinh. Ông đã đặt tên cho tác phẩm của mình là “kiến văn lục” tức là ghi chép những chuyện mắt thấy tai nghe. Và để minh chứng cho truyện của mình viết ra là có thật, tác giả thường ghi rõ địa chỉ của nhân vật. Chẳng hạn : “bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều” hay “người kiếm củi tên mỗ ở huyện Lạng Giang” (*Con hổ có nghĩa*). Điều này cũng có thể thấy trong truyện của Hồ Nguyên Trừng : “Cụ tổ bên ngoại của Trừng, người họ Phạm, húy là Bân, có nghề y gia truyền, giữ chức Thái y lệnh để phụng sự Trần Anh Vương” (*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*). Tóm lại, truyện văn xuôi chữ Hán trung đại không chỉ có những tác phẩm mang tính chất hư cấu (tưởng tượng nghệ thuật) mà còn có những tác phẩm gần với kí (ghi chép sự việc) và với sử (ghi chép chuyện thật),...

Nhìn chung, trong cả hai truyện, các tác giả đều dựng nên những tình huống gay cấn, đòi hỏi nhân vật phải giải quyết. Thông qua cách giải quyết hợp tình hợp lí của nhân vật, các tác giả bày tỏ kín đáo quan điểm nhân sinh của mình.

b) Kiến thức cụ thể về bài đọc : " *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* "

• Nội dung :

– Lai lịch, chức vị và công đức lớn lao của vị Thái y lệnh.

– Phẩm chất cao đẹp của Thái y lệnh : chẳng những giỏi về y thuật mà còn có tấm lòng nhân hậu, thương xót người bệnh, không phân biệt sang hèn.

• Nghệ thuật :

– Thể loại truyện văn xuôi trung đại.

– Cốt truyện đơn giản, tính cách nhân vật Thái y lệnh chủ yếu bộc lộ qua lời kể của tác giả và qua màn đối thoại với quan Trung sứ.

– Tạo tình huống gay cấn, buộc nhân vật phải lựa chọn, qua đó bộc lộ tính cách, phẩm chất.

5.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Dạy đọc hiểu truyện chữ Hán trung đại theo đặc trưng thể loại

CT, SGK *Ngữ văn 6* hiện hành cũng như sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* theo mô hình VNEN đều được thiết kế theo trục thể loại. Mỗi thể loại, HS sẽ học những tác phẩm tiêu biểu nhất. Thông qua đó, các em không chỉ được tiếp nhận cái hay, đặc sắc riêng của từng tác phẩm cụ thể mà còn hình thành và phát triển kĩ năng đọc hiểu văn bản văn học, nhất là đọc những văn bản mới cùng thể loại.

Tư tưởng dạy học này tiếp tục được quán triệt trong quá trình dạy các truyện văn xuôi chữ Hán trung đại. Như đã đề cập ở trên, truyện chữ Hán trung đại, về cơ bản, mang những đặc điểm chung của thể loại truyện với những nét điển hình về cốt truyện, nhân vật, nghệ thuật kể chuyện. Bám sát đặc trưng thể loại khi tổ chức dạy học, GV cần giúp HS :

– Nắm được cốt truyện với những sự kiện, chi tiết chính.

– Phân tích và lí giải hành động, suy nghĩ, lời nói,... của các nhân vật, qua đó rút ra thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm. Các truyện chữ Hán trung đại có nét nổi bật là tính chất giáo huấn. Đây là kiểu truyện nhằm mục đích giáo dục, răn dạy con người những bài học về đạo lí, lối sống thông qua cách ứng xử, giải quyết vấn đề của các nhân vật chính trong những tình huống gay cấn, đòi hỏi phải có sự lựa chọn. Vì thế, trong quá trình đọc hiểu GV cần hướng dẫn HS phân tích kĩ những hành động này, rút ra bài học, liên hệ, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống ngày hôm nay.

– Tìm hiểu và đánh giá nghệ thuật kể chuyện của tác giả. Chỉ ra cái hay, cái đặc sắc trong cách dẫn truyện, dựng truyện của nhà văn, đồng thời, cũng cần phát hiện và đánh giá nét độc đáo trong cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả.

– Cũng như nhiều bài học khác theo mô hình Trường học mới, hai bài học văn bản truyện trung đại được triển khai theo năm hoạt động : khởi động – hình thành kiến thức – luyện tập – vận dụng – tìm tòi mở rộng. Cụ thể như sau :

Hoạt động khởi động không chỉ có tác dụng tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm, chú ý của HS mà còn khai thác tiềm năng, vốn sống của các em về chủ đề của bài học. *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* khai thác hiểu biết của HS về những người làm nghề y. Những hiểu biết này vừa là tiền đề dẫn nhập vào hoạt động tìm hiểu bài mới diễn ra sau đó vừa là kiến thức mà GV có thể khai thác để phục vụ cho hoạt động đọc hiểu văn bản. Chưa hết, bài tập khởi động còn tích hợp những yêu cầu học tiếng Việt, tập làm văn trong khả năng cho phép.

– Tiếp sau hoạt động khởi động là hoạt động hình thành kiến thức mới mà đối với phần văn này thực chất là hoạt động đọc hiểu văn bản. Quán triệt tinh thần đổi mới – GV không đọc thay, cảm thụ thay HS mà tổ chức cho HS đọc hiểu văn bản – hoạt động đọc hiểu được cụ thể hoá thành các bài tập / nhiệm vụ đọc hiểu với các mức độ và dạng thức khác nhau : bài tập trắc nghiệm, hoàn thành sơ đồ, phát biểu cảm nhận, suy nghĩ theo những gợi dẫn,... Qua việc giải quyết các bài tập / nhiệm vụ này, HS sẽ tự mình tiếp nhận được những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

– Những kết quả của hoạt động đọc hiểu sẽ được củng cố bằng các hoạt động luyện tập thông qua các bài tập tự luận theo hướng mở (có tích hợp kiến thức tiếng Việt) để HS trình bày những cảm nhận, thu hoạch của mình về bài học. Chẳng hạn, viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình tượng Thái y lệnh (*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*), có sử dụng các tính từ và cụm tính từ.

Những kết quả của hoạt động đọc hiểu và thực hành sẽ tiếp tục được chuyển hoá vào thực tiễn, gắn liền với đời sống hiện tại của HS thông qua hoạt động ứng dụng. Ở hoạt động này, HS có thể thực hiện cùng với những người thân. Ví dụ : cùng với người thân tìm hiểu, trao đổi về ý nghĩa của Ngày Thầy thuốc Việt Nam.

– Hoạt động cuối cùng là hoạt động bổ sung. Ở hoạt động này, HS sẽ được đọc thêm các tư liệu có liên quan đến nội dung bài học. Những tư liệu đó được dùng để bổ trợ kiến thức đồng thời cũng có thể khai thác vào việc kiểm tra, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức của HS.

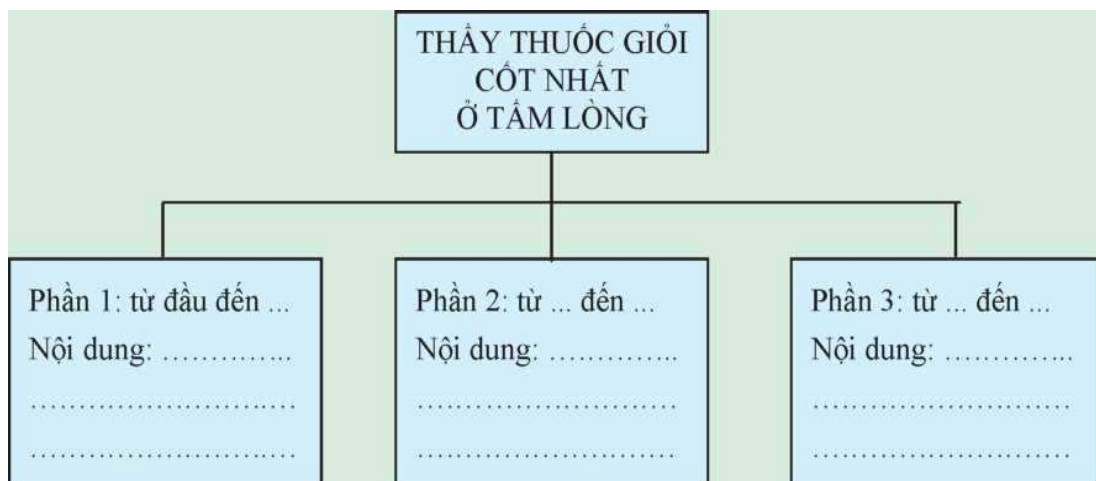
c) Những hình thức tổ chức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập

Để làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập của HS, bài học về truyện trung đại được thiết kế với nhiều hình thức tổ chức hoạt động và các dạng thức bài tập / yêu cầu / nhiệm vụ khác nhau. Chẳng hạn :

– Tổ chức cho HS tái hiện nội dung văn bản qua việc hoàn thành các sơ đồ học tập. Ví dụ :



a) Hoàn thành sơ đồ sau để xác định bố cục của truyện :



5.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

(1) Đánh giá năng lực

– Tập trung đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản truyện trung đại và vận dụng kết quả đọc hiểu ấy vào thực tiễn cuộc sống của HS.

– Tiêu chí đánh giá được xác định ở các mức :

+ Nhận biết (tóm tắt được cốt truyện ; nêu được các nhân vật ; nhắc lại được những hành động, lời nói của các nhân vật ; nhận ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai tác phẩm,...).

+ Thông hiểu (lí giải được hành động, lời nói,... của nhân vật ; tìm ra điểm giống và khác nhau giữa các nhân vật ; chỉ ra tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong truyện,...).

+ Vận dụng ở mức thấp (vận dụng những hiểu biết về chủ đề của truyện vào việc tìm hiểu những câu chuyện có nội dung tương tự hoặc những con người có thật ngoài đời ; nhận xét về những câu chuyện, những con người đó và chia sẻ với người thân, bạn bè,...).

+ Vận dụng ở mức cao (viết bài giới thiệu về những câu chuyện tương tự ; vẽ tranh, sáng tác thơ,... theo chủ đề của truyện).

(2) Đánh giá phẩm chất

– Trung hậu, sống có nghĩa có tình.

– Khảng khái, dám chịu trách nhiệm.

b) Hình thức đánh giá

GV có thể sử dụng các hình thức vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, bài thực hành, bài tập khoa học,... ; cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như *đánh giá trước bài học* (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), *đánh giá trong bài học* (đánh giá sau mỗi bài tập / nhiệm vụ) và *đánh giá sau bài học* (sau mỗi chủ đề, học kì và đánh giá cuối năm học,...).

Trong chủ đề truyện trung đại Việt Nam, GV cần thực hiện các bài kiểm tra chủ yếu sau :

(1) Đánh giá thường xuyên (15 phút)

– Mục đích :

+ Đánh giá việc nắm, hiểu kiến thức của HS trong một bài học ;

+ Phát hiện những “lỗ hổng” trong nhận thức của HS để kịp thời điều chỉnh.

– Nội dung :

+ Kiểm tra việc nhận biết và thông hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm truyện trong chủ đề ;

+ Có thể tích hợp kiểm tra các kiến thức về tiếng Việt và tập làm văn.

– Cách thức tiến hành :

- + Xác định mục đích, yêu cầu kiểm tra, đánh giá ;
- + Xác định các phương diện năng lực sẽ kiểm tra, đánh giá ;
- + Xây dựng ma trận đề ;
- + Thiết kế đề kiểm tra ;
- + Tổ chức kiểm tra ;
- + Triển khai đánh giá : HS tự đánh giá, HS đánh giá chéo, GV đánh giá HS.

– Gợi ý đề kiểm tra :

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài : 15 phút)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Ngài nói :

– Bệnh đó không gấp. Nay mệnh sống của người nhà người này chỉ ở trong khoảnh khắc. Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ.

Quan Trung sứ tức giận nói :

– Phận làm tôi, sao được như vậy? Ông định cứu tính mạng người ta mà không cứu tính mạng mình chẳng?

Ngài đáp :

– Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. [...] Tôi tôi xin chịu.

Nói rồi, đi cứu người kia.

(Hồ Nguyên Trừng, *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*)

Câu hỏi :

1. Nhân vật “ngài” xưng “tôi” trong đoạn trích trên là ai ? Vì sao nhân vật ấy lại không đến vương phủ trước theo yêu cầu của quan Trung sứ ?

2. Qua cách lựa chọn của nhân vật “tôi”, em hiểu gì về phẩm chất, tính cách của con người này và chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn thể hiện ?

3. Nhân vật “tôi” gợi cho em nghĩ tới thành ngữ nào về người thầy thuốc ? Em học được điều gì tốt đẹp từ nhân vật “tôi” trong truyện ?

(2) Đánh giá định kì (40 phút)

Đây là bài kiểm tra sau chủ đề truyện trung đại Việt Nam.

– Mục đích, yêu cầu :

+ Đánh giá các năng lực đã hình thành và phát triển cho HS qua chủ đề truyện trung đại Việt Nam. Xác định mức độ đạt được của HS so với mục tiêu đã đề ra trước khi học chủ đề này ;

- + Phát hiện những hạn chế trong nhận thức, kĩ năng của HS để kịp thời điều chỉnh ;
- + Rút kinh nghiệm cho việc học các chủ đề tiếp theo.
- Nội dung :
 - + Kiểm tra việc nhận biết, thông hiểu và nhất là vận dụng những hiểu biết về các tác phẩm truyện trong chủ đề vào giải quyết những bài đọc tương tự ;
 - + Tích hợp kiểm tra các kiến thức về tiếng Việt và tập làm văn.
- Cách thức tiến hành :
 - + Xác định mục đích, yêu cầu kiểm tra, đánh giá ;
 - + Xác định các phương diện năng lực sẽ kiểm tra, đánh giá ;
 - + Xây dựng ma trận đề ;
 - + Thiết kế đề kiểm tra ;
 - + Tổ chức kiểm tra ;
 - + Tổ chức cho HS tự đánh giá hoặc đánh giá chéo trên cơ sở đáp án do GV cung cấp ;
 - + GV đánh giá lần cuối (ở nhà).
- Gợi ý : Đề kiểm tra :

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGŨ VĂN

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Đời Hán (Trung Quốc) có một người tên là Âu Bảo. Ngày thường, Âu Bảo phụng dưỡng cha trọn vẹn đạo hiếu. Khi cha mất, Âu Bảo vô cùng đau đớn. Vì không muốn rời xa cha nên Bảo đã dựng một ngôi nhà tranh ở bên mộ để ngày ngày hương khói tưởng nhớ cha. Một hôm trong núi xuất hiện một con hổ, người làng tụ tập hò hét xua đuổi. Hổ thấy người đông, thế mạnh liền bỏ chạy. Người làng ra sức đuổi theo khiến hổ sợ hãi tìm cách ẩn lánh. Lúc bấy giờ Bảo đang ngồi trong nhà, nghe tiếng kêu la, định chạy ra thăm dò, bỗng thấy có tiếng sột soạt, một con hổ đang thu mình luồn vào. Thấy hổ không có ác ý, đoán là hổ đang bị người đuổi đánh và giết, Âu Bảo đã lại gần, lấy áo phủ lên mình nó. Một lát sau, đám đông kéo đến, hỏi Âu Bảo có thấy con hổ nào chạy qua hay không. Bảo đáp : “Không thấy”. Đám đông có vẻ không tin, ngờ là Bảo che giấu, không muốn chỉ chỗ ẩn náu hoặc đường chạy của hổ. Thấy vậy, Bảo liền nói : “Các người đã nghi quá. Hổ thì có gì đáng quý mà phải che giấu”. Nghe vậy, đám người liền bỏ đi. Thấy không còn ai nữa, Bảo mới bỏ áo che hổ ra. Hổ cúi đầu như tạ ơn, ngoắt đuôi vui vẻ chạy đi. Sau đó, mỗi tháng, hổ đều mang một con hươu đến giúp Bảo làm lễ tế cha.

(Theo Thuật Cổ Lão Nhân, 100 gương hiếu, Trung Phương dịch, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999)

Câu hỏi :

1. Ai là nhân vật chính trong câu chuyện trên ? Nhân vật ấy đã có cách ứng xử thế nào với cha mình (khi cha còn sống, khi cha mất) và với con hổ khi hổ gặp nạn ?

2. Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về nhân vật này ?

3. Theo lời kể của nhà văn, hồ đã hành động ra sao để đáp lại ân tình của Âu Bảo ? Điều ấy cho biết điều gì về hồ ?

4. Từ những nội dung trên, theo em, truyện đề cập và đề cao lối sống nào trong xã hội ? Có ý kiến cho rằng : có thể vận dụng đặc trưng nghệ thuật của truyện trung đại Việt Nam để xem xét, đánh giá về đặc điểm nghệ thuật của truyện này vì giữa chúng có những nét tương đồng. Em có đồng tình với ý kiến này không ? Vì sao ?

5. Hãy tìm những động từ, cụm động từ, tính từ, cụm tính từ (nếu có) trong văn bản trên.

6. TRUYỆN, KÍ HIỆN ĐẠI

6.1. Mục tiêu

a) *Hình thành và phát triển một số kiến thức, kĩ năng và năng lực đặc thù*

(1) Về kiến thức, kĩ năng cơ bản

– Hiểu các thông tin liên quan đến nội dung các bài đọc (tác giả, đề tài, cốt truyện, nhân vật, chi tiết,...).

– Hiểu, cảm nhận những đặc điểm về nội dung, nghệ thuật của bài đọc.

– Nhận biết đặc điểm của thể loại truyện, kí.

(2) Về vận dụng

– Giải quyết các nhiệm vụ trong học tập : biết cách đọc, tìm hiểu, cảm nhận văn bản thuộc thể loại truyện, kí ; biết trình bày, tạo lập các văn bản nói / viết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về văn bản.

– Ứng xử trong cuộc sống : tìm hiểu vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người ; tìm hiểu những giá trị của cuộc sống từ các văn bản.

b) *Phát triển một số phẩm chất cho HS*

– Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước ; có ý thức trân trọng và giữ gìn những cảnh đẹp của đất nước, quê hương.

– Trân trọng những giá trị của cuộc sống (lòng yêu nước, yêu tiếng nói dân tộc) và những người lao động.

– Nhận thức bài học trong cuộc sống, tránh thói kiêu căng, xốc nổi, thói ghen tị với thành công của người khác.

6.2. Nội dung chính

a) *Kiến thức chung về thể loại*

– Các thể truyện và phần lớn các thể kí (như bút kí, kí sự, phóng sự) thuộc loại hình tự sự. Tự sự là phương thức tái hiện đời sống chủ yếu bằng kể và tả. Tác phẩm tự sự là câu chuyện về người hoặc sự việc nào đó được kể lại, miêu tả lại qua lời của người kể chuyện. Các yếu tố cốt truyện, nhân vật, lời kể thường không thể thiếu trong tác phẩm truyện.

– Cùng là loại hình tự sự, nhưng nếu truyện thiên về hư cấu (vận dụng trí tưởng tượng để xây dựng cốt truyện, nhân vật) thì kí phản ánh đời sống khách quan, không hư cấu. Sự việc và con người trong kí thường xác thực, nhằm phản ánh trung thực về cuộc sống con người, đặc biệt là cuộc sống đương đại. Truyện có nhiều thể như : truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, tiểu thuyết,... ; kí bao gồm : kí sự, bút kí, nhật kí, phóng sự,... Truyện và kí hiện đại thường viết bằng văn xuôi.

– Các bài học về thể loại truyện và kí bao gồm các tác phẩm của Việt Nam và nước ngoài. Văn bản được giới thiệu trong các bài học có thể là một tác phẩm trọn vẹn (*Bức tranh của em gái tôi*, *Buổi học cuối cùng*, *Cây tre Việt Nam*), có thể là một đoạn trích của tác phẩm (*Bài học đường đời đầu tiên*, *Sông nước Cà Mau*, *Vượt thác*, *Cô Tô*, *Lòng yêu nước*). Các văn bản đề cập đến những vấn đề gần gũi, có ý nghĩa đối với cuộc sống và lứa tuổi HS lớp 6 : bài học về tính kiêu căng, xốc nổi ; bài học về sự đố kị và tình yêu thương ; vẻ đẹp của cuộc sống, con người ở những miền đất, miền quê ; tình yêu đất nước, tình yêu đối với tiếng nói của dân tộc,... Trong các văn bản có nhiều đoạn văn tả cảnh, tả người đặc sắc, giúp cho việc tích hợp với các nội dung tiếng Việt, tập làm văn của bài học.

– Khi tìm hiểu các văn bản truyện và kí như *Bài học đường đời đầu tiên*, *Bức tranh của em gái tôi*, *Buổi học cuối cùng*, cần chú ý khai thác cả hai yếu tố : kể (qua những sự việc, cốt truyện, nhân vật,...) và tả (ngoại hình, tính cách, hoạt động của nhân vật ; khung cảnh,...). Với những văn bản như *Sông nước Cà Mau*, *Vượt thác*, *Cô Tô*, cần tập trung tìm hiểu bức tranh thiên nhiên và hình ảnh con người lao động qua cách miêu tả của nhà văn. Như vậy, các văn bản trên vừa là những văn bản đọc hiểu về thể loại truyện, kí, đồng thời vừa là ngữ liệu để HS tìm hiểu về phương thức miêu tả, các cách quan sát, liên tưởng, tưởng tượng trong bài văn miêu tả, từ đó biết cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả cảnh vật và con người ; đồng thời cũng là ngữ liệu để HS tìm hiểu về một số phép tu từ tiếng Việt.

b) Kiến thức cụ thể về các bài đọc

Các văn bản được giới thiệu có nội dung gắn với những khía cạnh đa dạng của cuộc sống. Với mỗi văn bản, HS cần đạt được những yêu cầu cơ bản về kiến thức, kĩ năng.

(1) *Bài học đường đời đầu tiên*

– Nội dung : Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài học đường đời đầu tiên đối với nhân vật Đế Mèn. Nhận ra bài học về lối sống khiêm tốn, không làm hại đến người khác.

– Nghệ thuật : Cảm nhận những nét đặc sắc của ngòi bút Tô Hoài trong việc miêu tả và kể chuyện.

(2) *Sông nước Cà Mau*

– Nội dung : Hiểu được sự phong phú, độc đáo của cảnh sắc thiên nhiên vùng sông nước Cà Mau. Cảm nhận được tình cảm tác giả gửi gắm trong đoạn trích.

– Nghệ thuật : Hiểu nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên của tác giả.

(3) *Bức tranh của em gái tôi*

– Nội dung : Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện : tình cảm trong sáng, hồn nhiên ; tâm hồn nhân hậu của người em gái đã giúp người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.

– Nghệ thuật : Nắm được nét đặc sắc nghệ thuật của truyện : miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, cách kể chuyện ở ngôi thứ nhất giúp bộc lộ chân thật cảm xúc của nhân vật,...

(4) *Vượt thác*

– Nội dung : Hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản : vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động trên sông nước.

– Nghệ thuật : Hiểu nghệ thuật tả cảnh, tả người từ điểm nhìn trên con thuyền theo hành trình vượt thác rất tự nhiên, sinh động.

(5) *Buổi học cuối cùng*

– Nội dung :

+ Hiểu nội dung, ý nghĩa của câu chuyện : lòng yêu nước với biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc.

+ Liên hệ, mở rộng đến tình yêu tiếng Việt của mỗi người dân Việt Nam.

– Nghệ thuật : Hiểu được nghệ thuật kể chuyện ở ngôi thứ nhất. Cảm nhận và phân tích diễn biến tâm lí nhân vật. Thấy được nghệ thuật viết đoạn văn tả người, tả cảnh.

(6) *Cô Tô*

– Nội dung : Nhận ra bức tranh sinh động, trong sáng về thiên nhiên và đời sống con người được miêu tả trong bài văn. Bồi dưỡng tình yêu biển đảo của Tổ quốc.

– Nghệ thuật : Hiểu được nghệ thuật miêu tả và tài năng sử dụng ngôn ngữ điêu luyện của tác giả. Cảm nhận cái hay, cái đẹp của hình ảnh và các phép tu từ được tác giả sử dụng trong văn bản.

(7) *Cây tre Việt Nam*

– Nội dung : Hiểu và cảm nhận được giá trị nhiều mặt của cây tre cũng như sự gắn bó giữa cây tre với cuộc sống của con người Việt Nam. Cây tre trở thành biểu tượng của dân tộc Việt Nam.

– Nghệ thuật : Hiểu đặc điểm nghệ thuật của bài kí : lời văn giàu hình ảnh, nhịp điệu kết hợp miêu tả và bình luận,...

(8) *Lòng yêu nước*

– Nội dung : Hiểu được ý nghĩa tư tưởng của văn bản *Lòng yêu nước* (lòng yêu nước bắt đầu từ tình yêu thương, gắn bó với những gì bình dị, gần gũi, thân thương nhất của quê hương ; lòng yêu nước trở thành chủ nghĩa anh hùng trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc).

– Nghệ thuật :

+ Nắm được những nét đặc sắc của bài văn tùy bút – chính luận ;

- + Bước đầu làm quen với thao tác phân tích văn tùy bút – chính luận ;
- + Cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong việc thể hiện hình ảnh, cảm xúc của văn bản.

6.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động cho HS

(1) Hoạt động khởi động

Các văn bản truyện, kí có nội dung phản ánh khá phong phú, gần gũi, thiết thực, gắn với cuộc sống hiện đại và tâm lí tiếp nhận của HS lớp 6. Do vậy, với hoạt động khởi động, GV cần tạo không khí và khơi gợi để HS được trải nghiệm, huy động những kiến thức và kinh nghiệm đã có để bắt nhịp vào nội dung cơ bản của bài học. Ở bước này, cần tăng cường hoạt động nhóm để huy động được những trải nghiệm phong phú của HS. Có nhiều hình thức tổ chức hoạt động khởi động (câu hỏi, xem tranh, trò chơi, liên hệ thực tế,...), tuy nhiên cần tạo ra được những tình huống sinh động, gần gũi với văn bản để HS thâm nhập được vào nội dung và chủ đề của văn bản đọc hiểu.

Chẳng hạn, ở văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, với hoạt động khởi động, có thể cho HS nhớ lại những văn bản các em đã học, đã đọc mà nhân vật chính là những con vật gần gũi, từ đó giới thiệu tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài và văn bản được học.

Với văn bản *Bức tranh của em gái tôi*, có thể cho HS “phác hoạ chân dung tự hoạ” của bản thân, tự nhận xét về những ưu điểm và khuyết điểm của mình với bạn để qua đó giới thiệu nội dung bài học : “bức tranh của em gái” cũng chính là chiếc gương soi để người anh nhận ra chân dung của chính mình.

(2) Hoạt động hình thành kiến thức

• Đọc văn bản

Đọc là hoạt động quan trọng và là bước đầu tiên khi tiếp xúc với tác phẩm, cũng là khâu đầu tiên của quá trình đọc hiểu tác phẩm. Phương tiện biểu đạt của tác phẩm là ngôn ngữ, do vậy đọc văn bản chính là quá trình làm sống động thế giới ngôn từ của tác phẩm. Có hai hình thức đọc tác phẩm là đọc thầm và đọc thành tiếng. Đọc thầm là hình thức đọc bằng mắt, đọc cho cá nhân người tiếp nhận, quá trình tiếp nhận diễn ra ở bên trong tâm trí người đọc ; còn đọc thành tiếng là một cách đọc để thưởng thức, để chia sẻ những cảm nhận về văn bản trong một nhóm người, biến câu chữ thành âm thanh, giai điệu.

Đọc diễn cảm là mức độ cao của hình thức đọc thành tiếng. Đó là quá trình đọc không chỉ đảm bảo đọc đúng hình thức câu chữ mà còn thể hiện được linh hồn của thế giới ngôn từ của tác phẩm, có nghĩa là thể hiện được những tình cảm, cảm xúc của nhân vật ; giọng điệu, cảm xúc của tác giả và những cảm nhận của cá nhân người đọc về tác phẩm. Đây là bước đầu tiên để hoà nhập tâm hồn của người đọc vào không khí của tác phẩm.

Có nhiều cách luyện cho HS đọc diễn cảm. Tuy nhiên, trước khi đọc diễn cảm, HS cần đọc thầm, đọc lướt để có cảm nhận chung về văn bản, nhận biết những thông tin chung, những hình

ảnh, câu chữ quan trọng, từ đó biết cách đọc văn bản. Như thế, khi đọc diễn cảm, HS sẽ biết cần đọc với giọng như thế nào, nhấn vào từ ngữ nào, thay đổi giọng điệu như thế nào cho phù hợp với ngôn ngữ, tính cách, tâm trạng của nhân vật, mạch cảm xúc của tác phẩm. Một số biện pháp luyện đọc diễn cảm là : GV đọc mẫu và HS đọc theo để nhận biết cách thể hiện nội dung và cảm xúc của văn bản qua giọng đọc ; GV tổ chức cho HS đọc tiếp nối từng câu, từng đoạn của văn bản để có sự kết nối, chia sẻ cảm xúc, đồng thời tự điều chỉnh cách đọc cho phù hợp ; tổ chức đọc phân vai đối với những văn bản có nhiều tình tiết, nhân vật,...

Các văn bản truyện, kĩ được giới thiệu trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập hai đều là những văn bản có nhiều tình huống sinh động, nhiều chi tiết nghệ thuật đặc sắc, ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi với cảm nhận của HS. Do vậy, việc đọc văn bản là hoạt động quan trọng, cần được chú ý. HS có thể đọc theo hình thức phân vai (*Bài học đường đời đầu tiên*), đọc tiếp nối (*Bức tranh của em gái tôi*), đọc diễn cảm để tái hiện được giọng điệu và nhạc tính của văn bản (*Cây tre Việt Nam*, *Lòng yêu nước*),... Chú ý kết hợp đọc và tìm hiểu chú thích để hiểu nghĩa của những từ ngữ, địa danh xuất hiện trong tác phẩm.

- Tìm hiểu văn bản

Để tìm hiểu các yếu tố nội dung và nghệ thuật của văn bản, có thể tổ chức một số hoạt động cơ bản theo các hình thức sau :

– Hoạt động nhóm : thường được tổ chức khi GV hướng dẫn HS tìm hiểu những nội dung khái quát của văn bản (đề tài ; đối tượng / nhân vật chính, bố cục của văn bản,...). Tuy nhiên, trong các văn bản được học, những nội dung trên tương đối dễ nắm bắt đối với HS nên có thể cho các em hoạt động theo cặp đôi để suy nghĩ và chia sẻ với bạn bên cạnh.

Chẳng hạn, với văn bản *Bức tranh của em gái tôi*, có thể tổ chức hoạt động cặp đôi để HS tìm hiểu chung về văn bản như sau :

		
a) Nối sự việc (cột A) với số thứ tự (cột B) để sắp xếp lại các sự việc theo đúng trình tự kể trong văn bản, sau đó kể tóm tắt truyện.		
A		B
Mèo tham gia trại thi vẽ tranh quốc tế và đoạt giải Nhất.		1
Tôi gọi em gái là Mèo vì em luôn tự bôi bẩn lên mặt và lục lọi đồ vật.		2
Bí mật của Mèo bị lộ, mọi người đều vui mừng, chăm chú cho tài năng của Mèo, tôi lại muốn khóc.		3

a) Đọc đoạn 1 và cho biết : Ấn tượng ban đầu bao trùm về sông nước vùng Cà Mau của tác giả là gì? Ấn tượng ấy được cảm nhận qua những giác quan nào?

b) Đọc đoạn 2 và cho biết cách đặt tên cho các dòng sông, con kênh ở vùng Cà Mau có gì đặc biệt? Em có nhận xét gì về các địa danh ấy? Những địa danh này gợi ra đặc điểm gì về thiên nhiên vùng Cà Mau?

– Hoạt động chung cả lớp : được tổ chức khi tổng kết, nhận xét khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa giáo dục của văn bản đối với mỗi người trong cuộc sống hôm nay. GV tổ chức cho cả lớp suy nghĩ, trao đổi, thảo luận để đi đến thống nhất về các giá trị của văn bản. Với hoạt động này, GV có thể quan sát, theo dõi để nhận biết được khả năng của mỗi HS trong lớp, qua đó có sự điều chỉnh kịp thời.

Chẳng hạn, với văn bản *Cây tre Việt Nam*, sau khi đã tìm hiểu những chi tiết cụ thể của văn bản, có thể tổ chức hoạt động chung cả lớp để HS cùng trao đổi dưới sự hướng dẫn của GV, rút ra những nhận xét về vẻ đẹp của hình tượng cây tre trong văn bản.



g) Bài văn miêu tả cây tre với vẻ đẹp và những phẩm chất gì? Vì sao có thể nói hình ảnh cây tre là “tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam”?

h) Vẻ đẹp của cây tre trong đoạn trích để lại cho em ấn tượng nào sâu đậm nhất? Vì sao?

Trên đây là các hình thức tổ chức cơ bản của hoạt động tìm hiểu văn bản. Tuy nhiên, trong tiến trình tổ chức dạy học, GV có thể điều chỉnh cách thức tổ chức cho linh hoạt, phù hợp với nội dung bài học. Trong quá trình hướng dẫn HS tổ chức các hoạt động, GV cần có sự quan sát cụ thể căn cứ vào kết quả được xác định cho mỗi hoạt động, đồng thời cần dự đoán kết quả hoạt động của cá nhân / nhóm để có sự điều chỉnh phù hợp.

(3) Hoạt động luyện tập

Hoạt động thực hành được tổ chức nhằm giúp HS luyện tập, tìm hiểu, khám phá sâu hơn về các khía cạnh của văn bản, giúp HS củng cố và rèn luyện các kỹ năng đã có, hình thành những kỹ năng mới thông qua hệ thống các bài tập / nhiệm vụ.

– Với hoạt động thực hành, GV nên tổ chức cho HS thực hiện các câu hỏi I bài tập theo hình thức hoạt động nhóm. Ở hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS một số cách tiếp cận khác đối với văn bản, chẳng hạn đóng vai một / một số nhân vật trong tác phẩm để kể lại nội dung hoặc so sánh, đối chiếu một số chi tiết, nhân vật của văn bản với những văn bản khác để mở rộng kiến thức. Việc thảo luận nhóm giúp tăng cường khả năng phối hợp giữa các HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.

– Bên cạnh đó, cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện một số bài tập thực hành theo hình thức hoạt động cá nhân. Hoạt động cá nhân nhằm giúp HS cảm, hiểu sâu hơn tác phẩm, huy động được những trải nghiệm sâu sắc của cá nhân với những điều ấn tượng nhất về tác phẩm (nhân vật, cách kể chuyện, bài học nhận thức,...).

– Chẳng hạn, với văn bản *Buổi học cuối cùng*, có thể tổ chức hoạt động thực hành như sau :



1. Nhận xét về bản tóm tắt truyện *Buổi học cuối cùng* sau :

“Phrăng là một cậu bé ham chơi và chưa chăm học. Một lần, trên đường tới trường, quang cảnh khác lạ đã thu hút cậu và khi đến trường thì khung cảnh, không khí lớp học bỗng trở nên bình lặng, không ồn ào, hỗn độn như mọi khi và thậm chí thầy Ha-men không hề tức giận khi Phrăng đi học muộn. Hoá ra đây là buổi học cuối cùng cậu được học Pháp văn và cũng là buổi cuối cùng thầy Ha-men dạy học cho lớp bởi có lệnh từ Béc-lin là tất cả các trường từ giờ trở đi chỉ được dạy tiếng Đức. Qua những lời nói về việc học tiếng Pháp với cử chỉ, thái độ nhẹ nhàng của thầy, Phrăng đã thay đổi cách suy nghĩ và nhận thức về tiếng mẹ đẻ, về việc học tập. Cho dù rất nát lòng khi phải rời xa mái trường đã gắn bó suốt bao nhiêu năm, khi không còn được tiếp tục dạy cho học trò chính ngôn ngữ của dân tộc, thầy Ha-men vẫn can đảm dạy cho đến cuối buổi học. Đồng hồ điểm 12 giờ, đứng trên bục giảng thầy như đã mất hết sức lực, người tái nhợt, giọng xúc động không nói nên lời nhưng vẫn cố viết dòng chữ "NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!" thật to lên bảng”.

(Theo In-tơ-nét)



2. Viết một đoạn văn miêu tả nhân vật thầy Ha-men hoặc chú bé Phrăng trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng. Trao đổi bài viết với bạn bên cạnh.

(4) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động vận dụng là giúp HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ trong thực tế. Do yêu cầu vận dụng thực tế nên hoạt động này thường được thực hiện sau giờ học, ở gia đình hoặc cộng đồng, thường được tổ chức theo hình thức cá nhân hoặc cộng đồng. Các bài tập / nhiệm vụ học tập được thực hiện gắn với những tình huống thực tế có mối liên hệ với bài học, nhằm đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để nhận thức và giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn đặt ra.

Chẳng hạn, hoạt động vận dụng của bài đọc hiểu văn bản *Cô Tô* hướng tới việc tìm hiểu những vấn đề liên quan đến biển đảo của Tổ quốc để HS thể hiện tình yêu và khát khao được góp phần làm đẹp cho quê hương, đất nước, được thực hiện qua những nhiệm vụ học tập sau :



1. Xem bản đồ nước ta và trao đổi với người thân về chủ đề biển đảo của Tổ quốc :

– Hãy cho biết biển và đảo có vai trò gì về kinh tế và giao thông biển, an ninh – quốc phòng ?

– Là học sinh, em có thể làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc ?



2. Giả sử trong kì nghỉ hè, gia đình em và một số gia đình khác cùng tổ chức một chuyến đi du lịch biển. Hãy lên một kế hoạch cho chuyến đi theo gợi ý sau :

– *Vùng biển mà gia đình em và một số gia đình khác định đến thuộc địa phương nào ? Vùng biển ấy có những đặc điểm gì nổi bật ?*

– *Mọi người sẽ đến vùng biển đó bằng phương tiện gì ?*

– *Mọi người dự định đến vùng biển đó trong bao lâu ? Nơi ở trong thời gian nghỉ tại vùng biển đó ?*

Lịch trình của những ngày du lịch ở vùng biển đó như thế nào ? Em dự định làm gì sau khi kết thúc chuyến đi ấy ?

(6) Hoạt động bổ sung

Mục đích của hoạt động bổ sung là giúp HS tiếp tục mở rộng kiến thức, kĩ năng. Hoạt động này chủ yếu dành cho cá nhân tự luyện tập, bổ sung những nội dung liên quan đến bài học. Với những văn bản truyện, kí là các đoạn trích thì HS có thể tìm đọc trọn vẹn tác phẩm để biết thêm về những điều nhà văn thể hiện trong đoạn trích (về nhân vật, về những hình ảnh, địa danh được nhắc đến,...) ; có thể bổ sung kiến thức bằng các tác phẩm có cùng chủ đề với văn bản. Cách thực hiện hoạt động này khá phong phú : GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu, bổ sung kiến thức về bài học trên in-tơ-nét và các kênh thông tin khác ; có thể tổ chức các nhóm tìm hiểu, chia sẻ thông tin để giúp nhau bổ sung kiến thức ; GV cũng có thể cung cấp thêm tư liệu cho HS để giúp các em tự bổ sung kiến thức.

Chẳng hạn, hoạt động bổ sung trong bài học văn bản *Buổi học cuối cùng* được tổ chức theo hướng giúp HS liên hệ để hiểu thêm về ý nghĩa của tiếng mẹ đẻ đối với mỗi người, mỗi dân tộc.



2. Đọc thêm :

TIẾNG MẸ ĐỂ

*Mơ hồ thấm từng âm thanh tiếng mẹ
Tôi bỗng tỉnh ra. Tới giây phút lạ lùng
Tôi chợt hiểu, người chữa tôi khỏi bệnh
Chẳng thể là ai, ngoài tiếng mẹ thân thương
Những tiếng khác dành cho dân tộc khác
Cũng sẽ khiến cho lành bệnh bao người
Tôi chỉ biết nếu tiếng tôi biến mất
Thì tôi sẵn sàng nhắm mắt buông xuôi.*

(R. Gam-da-tốp, *Đa-ghe-xtan của tôi*, tập I, NXB Cầu Vồng, Mát-xcơ-va, 1984)

Để góp phần tạo hứng thú và hiệu quả học tập cho các giờ đọc hiểu văn bản truyện, kí hiện đại, GV có thể tổ chức một số hoạt động theo các hình thức sau :

(1) Quan sát tranh

Quan sát tranh giúp HS có cái nhìn trực quan về đối tượng, hình ảnh được đề cập đến trong văn bản. Tác phẩm văn học sử dụng chất liệu ngôn từ để tái hiện bức tranh cuộc sống. Từ văn bản ngôn từ, HS đến với những hình ảnh cuộc sống, con người thông qua tưởng tượng. Việc quan sát những bức tranh gắn với hình ảnh nêu trong văn bản giúp HS tiếp xúc với văn bản một cách trực quan, cảm nhận rõ nét hơn những đường nét, màu sắc, hình ảnh, không gian,... của tác phẩm. Với những văn bản như : *Sông nước Cà Mau*, *Cô Tô*, *Cây tre Việt Nam*, *Bài học đường đời đầu tiên*, *Bức tranh của em gái tôi*,... việc cho HS quan sát tranh có thể được coi như bước tiếp xúc đầu tiên của HS với văn bản, giúp HS dễ thâm nhập vào không khí tác phẩm. Việc cho HS quan sát và khai thác những chi tiết, hình ảnh trong tranh nên tiến hành trong hoạt động khởi động, vừa huy động được những trải nghiệm của HS vừa tạo không khí cho bài học.

(2) Đóng vai

Với các tác phẩm tự sự, đóng vai là một hoạt động giúp cho việc tái hiện tác phẩm một cách sinh động. HS có thể đóng vai một / một số nhân vật để kể lại nội dung câu chuyện. Việc đóng vai nhân vật giúp HS có cách tiếp cận khác đối với tác phẩm – từ góc nhìn theo vai của mình – từ đó có thể bày tỏ được những cảm nhận, suy nghĩ của cá nhân về nội dung của tác phẩm.

Chẳng hạn, với văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, việc cho HS đóng vai các nhân vật Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc để tái hiện câu chuyện sẽ khiến câu chuyện trở nên sinh động hơn, HS thể hiện được những cảm xúc của mình khi vào vai từng nhân vật và bài học được chính nhân vật nói ra sẽ thêm thấm thía.



1. Trò chơi : *Đóng vai các nhân vật trong bài đọc.*

Cách thực hiện :

- Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm có ba em để đóng vai Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc.
- Dựa theo câu chuyện và lời các nhân vật, các em diễn lại “màn kịch” của câu chuyện này.

Cả nhóm tự nhận xét và nghe thầy, cô tổng kết, đánh giá.

(3) Dự án học tập

Các dự án học tập là một hình thức hoạt động nhằm giúp HS có thêm những trải nghiệm đối với các nội dung được học, đồng thời phát huy khả năng hợp tác, sáng tạo của HS trong học tập. Dự án học tập được thực hiện đối với những nội dung học tập mang tính thực tiễn, gắn với cuộc sống và những vấn đề HS quan tâm, mong muốn giải quyết.

Chẳng hạn, khi học bài *Sông nước Cà Mau*, để HS cảm nhận được rõ nét về vẻ đẹp của miền đất cực nam của Tổ quốc và sự sinh động trong việc quan sát, miêu tả của tác giả, đối với những HS ở vùng đất Cà Mau, GV có thể cho các em trải nghiệm “tập làm nhà văn” bằng cách xây dựng các dự án : tìm hiểu vẻ đẹp của sông nước Cà Mau và tìm hiểu về chợ Năm Căn. GV chia HS thành các nhóm, mỗi nhóm xây dựng kế hoạch tìm hiểu về đối tượng, chọn điểm nhìn để quan sát, ghi chép, trao đổi, đi đến thống nhất lựa chọn và sắp xếp các chi tiết đặc trưng của đối tượng, từ đó báo cáo sản phẩm (bằng ngôn ngữ hoặc hình ảnh). Khi đã được trải nghiệm về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người vùng sông nước Cà Mau, HS sẽ có dịp so sánh với tác phẩm của Đoàn Giỏi để có thêm cảm nhận về văn bản, hình dung một cách rõ nét về những hình ảnh được tái hiện trong văn bản, bổ sung những vẻ đẹp khác có trong thực tế cũng như những gì đang bị mai một trong cuộc sống hôm nay, từ đó xác định mình có thể làm gì để góp phần giữ gìn, bảo vệ cảnh sắc thiên nhiên và bản sắc văn hoá của quê hương.

Dự án học tập cũng có thể được thực hiện dưới dạng một nhiệm vụ mang tính giả định. Chẳng hạn, với bài học *Cây tre Việt Nam*, có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau : Giả sử em phải giới thiệu cho du khách nước ngoài hoặc những người chưa biết về cây tre Việt Nam, em sẽ nói gì? Hãy lập dàn ý ghi lại những ý chính em định trình bày và tập nói cho bạn bè hoặc những người thân trong gia đình cùng nghe.

(4) Chuyển thể văn bản

Có thể chuyển thể văn bản hoặc một phần nội dung của văn bản theo hình thức : vẽ tranh, sáng tác thơ / nhạc, đóng kịch,... Hình thức chuyển thể văn bản tạo thêm cho HS cơ hội để tiếp cận và trải nghiệm với văn bản, con người, cuộc sống cùng những nhân vật mà các em yêu thích ; đồng thời, phát huy năng lực cảm thụ thẩm mỹ, thưởng thức văn học của HS.

6.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

(1) Đánh giá năng lực

Với các tác phẩm truyện, kí hiện đại, có thể đánh giá năng lực của HS trên những phương diện sau :

– Năng lực thu thập, xử lí thông tin : tìm hiểu, khám phá các thông tin liên quan đến nội dung các văn bản đã học (thông tin trong và ngoài văn bản).

– Năng lực đọc hiểu : cách đọc, tìm hiểu, cảm nhận văn bản thuộc thể loại truyện, kí.

– Năng lực tạo lập văn bản : tạo lập các văn bản nói / viết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về văn bản truyện, kí đã học.

– Năng lực hợp tác : khả năng phối hợp với các thành viên (GV, bạn bè, người thân) trong việc tổ chức các hoạt động trong và ngoài lớp học.

(2) Đánh giá phẩm chất

Những phẩm chất có thể đánh giá ở HS qua chủ đề truyện, kí hiện đại :

– Tình yêu, lòng tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

– Trân trọng những giá trị của cuộc sống : lòng yêu nước, yêu tiếng nói của dân tộc.

– Nhận thức bài học trong cuộc sống, tránh thói kiêu căng, xốc nổi, ghen tị với thành công của người khác.

b) Hình thức đánh giá

GV có thể sử dụng các hình thức vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, bài thực hành, bài tập khoa học,... ; cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như : *đánh giá trước bài học* (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), *đánh giá trong bài học* (đánh giá sau mỗi bài tập / nhiệm vụ), *đánh giá sau bài học* (sau mỗi chủ đề, học kì và đánh giá cuối năm học),...

Trong chủ đề truyện, kí hiện đại, GV cần thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu sau :

(1) Đánh giá thường xuyên (15 phút)

– Mục đích, yêu cầu : đánh giá khả năng đọc hiểu văn bản vừa học.

– Nội dung : kiểm tra khả năng đáp ứng các yêu cầu cơ bản của bài học (tích hợp đánh giá các nội dung tiếng Việt và tập làm văn).

– Cách thức tiến hành :

GV có thể ra các câu hỏi / bài tập định tính, định lượng để kiểm tra khả năng nhận thức của HS về văn bản. Các câu hỏi / bài tập có thể ra theo các dạng sau :

+ Trắc nghiệm khách quan (về tác giả, tác phẩm, đặc điểm thể loại, chi tiết nghệ thuật,...).

- + Câu tự luận trả lời ngắn (lí giải, phát hiện, nhận xét, đánh giá,...).
- + Bài luận (kể chuyện sáng tạo, trình bày cảm nhận, kiến giải riêng của cá nhân,...).
- + Phiếu quan sát làm việc nhóm (trao đổi, thảo luận về các giá trị của tác phẩm,...).

Bên cạnh đó, GV có thể ra các dạng bài tập thực hành, tạo cơ hội đánh giá năng lực của HS, chẳng hạn :

- + Đánh giá bằng hồ sơ (tập hợp các sản phẩm thực hành) ;
 - + Bài tập dự án (nghiên cứu, so sánh tác phẩm, nhân vật theo chủ đề) ;
 - + Bài trình bày miệng (thuyết trình, đọc diễn cảm, kể chuyện,...).
- Khi tiến hành đánh giá sau bài học, có thể tích hợp đánh giá các nội dung về tiếng Việt, tập làm văn trong bài. Chẳng hạn, sau khi học văn bản *Cô Tô*, có thể ra một số câu hỏi đọc hiểu một đoạn văn bản như sau :

• Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hừng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông.

(*Cô Tô*)

Câu hỏi :

1. Cảnh mặt trời mọc trên biển trong đoạn văn trên là bức tranh như thế nào?

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| A. Duyên dáng và mềm mại | B. Rực rỡ và tráng lệ |
| C. Dịu dàng và bình lặng | D. Hùng vĩ và lẫm liệt |

2. Phép tu từ nào được sử dụng chủ yếu trong đoạn văn trên?

- | | |
|------------|-------------|
| A. So sánh | B. Nhân hoá |
| C. Hoán dụ | D. Ẩn dụ |

3. Trong các từ sau đây, từ nào là từ Hán Việt?

- | | |
|-------------|---------------|
| A. mặt trời | B. trường thọ |
| C. đầy đặn | D. ngọc trai |

• Đọc câu văn sau và trả lời câu hỏi (từ câu 4 đến câu 7) :

Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết.

4. Câu văn trên có mấy vị ngữ?

- | | |
|-------------|-------------|
| A. 1 vị ngữ | B. 2 vị ngữ |
| C. 3 vị ngữ | D. 4 vị ngữ |

5. Vi ngữ của câu văn trên có cấu tạo như thế nào?

A. Tính từ

B. Cum tính từ

C. Động từ

D. Cụm động từ

6. Vị ngữ của câu văn trên trả lời cho câu hỏi nào?

A. Là gì ?

B. Như thế nào ?

C. Làm gì ?

D. Đi đâu ?

7. Từ ngữ nào có thể thay thế cho từ *nhú lên* trong câu văn trên?

A. vùng lên

B. tiến lên

C. nhô lên

D. xông lên

8. Trong các câu sau đây, câu nào có chủ ngữ là động từ?

A. Hương là một bạn gái chăm ngoan.

B. Mẹ vừa mua cho tôi chiếc cặp sách mới.

C. Đi học là hạnh phúc của trẻ em.

D. Mùa xuân mong ước đã đến.

9. Viết một câu văn tả cảnh mặt trời lặn, trong đó có sử dụng phép tu từ so sánh.

– Bên cạnh đó, có thể nêu ra một số bài tập theo hướng mở để đánh giá việc HS bộc lộ những cảm nhận riêng của cá nhân về văn bản. Chẳng hạn, có thể nêu một số câu hỏi / bài tập đánh giá quá trình đọc hiểu văn bản *Bức tranh của em gái tôi* như sau :

1. Có hai bạn tranh luận với nhau về nhân vật người anh :

A : Người anh thật xấu xa, đáng ghét vì đổ kị với chính em gái mình. Lỗi của người anh là không thể tha thứ.

B : Đúng là người anh đã có lúc không phải với em nhưng sau đó biết hối hận, xấu hổ vì hành động của mình. Vì thế, đó là một người anh tốt.

Nếu được tham gia tranh luận với hai bạn trên, em đồng ý với ý kiến nào ?

2. Từ nội dung, ý nghĩa của truyện, em hiểu gì về ý nghĩa của câu danh ngôn : “Giữa lòng ghen tị và sự thi đua có một khoảng cách xa như giữa tất xấu xa và đức hạnh” (La Bruy-ê).

Có thể đánh giá qua những nhiệm vụ học tập yêu cầu có sự hợp tác giữa các HS trong lớp. Chẳng hạn, dựa trên những văn bản truyện, kí đã học (*Sông nước Cà Mau*, *Cô Tô*, *Cây tre Việt Nam*, *Vượt thác*), yêu cầu HS viết và trình bày bài giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương đất nước. GV có thể quan sát quá trình làm việc nhóm và đánh giá kết quả qua sản phẩm trình bày của mỗi nhóm.

(1) Đánh giá định kì (40 phút)

– Mục đích, yêu cầu : Đánh giá năng lực đọc hiểu các tác phẩm truyện, kí hiện đại Việt Nam và nước ngoài.

– Nội dung : Nội dung kiểm tra được sắp xếp theo các mức độ mô tả trong bảng sau :

Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
– Nêu thông tin về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, thể loại,... – Nhớ được cốt truyện, biết tóm tắt hoặc kể lại câu chuyện. – Nhận diện hệ thống nhân vật.	– Xác định được đề tài, chủ đề ; lí giải sự phát triển của các sự kiện. – Phân tích đặc điểm, tính cách, số phận nhân vật. – Phát hiện chi tiết nghệ thuật ; lí giải ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật,... – Phát hiện chi tiết nghệ thuật đặc sắc của mỗi tác phẩm / đoạn trích và các đặc điểm nghệ thuật của thể loại truyện, kí.	– Đọc diễn cảm tác phẩm. – Vận dụng hiểu biết về tác giả, tác phẩm để lí giải giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm. – So sánh các phương diện nội dung, nghệ thuật trong một tác phẩm / giữa các tác phẩm.	– Trình bày cảm nhận về tác phẩm. – Kể chuyện sáng tạo theo các ngôi kể. – Thuyết trình về tác phẩm.

– Cách thức tiến hành : xây dựng các đề kiểm tra nhằm đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản truyện, kí của HS. Văn bản lựa chọn có thể là văn bản HS đã được học, tuy nhiên, nên lựa chọn văn bản ngoài CT, có nội dung tương tự, để qua những câu hỏi có thể đánh giá cách tiếp cận văn bản của HS. Bên cạnh đó, có thể cho HS viết đoạn văn / bài văn để trình bày những cảm nhận, suy nghĩ của mình về các văn bản đã học.

Chẳng hạn, có thể thiết kế đề kiểm tra cuối chủ đề như sau :

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài : 40 phút)

ĐỀ 1

Phần I : Trắc nghiệm (4 điểm)

Đọc đoạn trích sau :

Cảnh hùng đông mặt biển nguy nga, rục rờ. Phía hai bên, những đám mây trắng hồng, xóp như bông hầu như dựng đứng, hơi ngả xô về phía trước. Tất cả đều mờ mịt lên đường.

Xa xa, mấy chiếc thuyền nữa cũng đang chạy ra khơi, cánh buồm lòng vút cong thon thả. Mảnh buồm nhỏ xíu phía sau nom như một con chim đang đỗ sau lái, cổ rướn cao sắp cất lên tiếng hót. Nhìn từ xa, giữa cảnh mây nước long lanh, mấy chiếc thuyền lưới làm ăn nhiều khi vất vả, trông như những con thuyền du ngoạn.

Gió càng lúc càng mạnh, sóng cuộn ào ào. Biển khi nổi sóng, trông càng lai láng mênh mông. Thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn. Sóng đập vào mũi thùm thùm, chiếc thuyền tựa hồ một tay võ sĩ can trường giơ ức ra chịu đấm, vẫn lao mình tới. Phía sau, chiếc thuyền bạn, trung thành và khăng khít, cũng đang lướt chồm trên sóng bám sát chúng tôi.

(Theo Bùi Hiền, *Bám biển*)

Chọn phương án đúng để trả lời :

1. Cảnh hùng đông trên biển diễn ra vào thời điểm nào?
 - A. Buổi sáng
 - B. Giữa trưa
 - C. Buổi chiều
 - D. Đêm trăng
2. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?
 - A. Miêu tả biển trong ngày dông bão
 - B. Miêu tả biển ngày lặng gió
 - C. Miêu tả cảnh những con thuyền ra khơi
 - D. Miêu tả cảnh những con thuyền trở về
3. Đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích trên là gì?
 - A. Sử dụng rộng rãi phép so sánh và các từ láy có ý nghĩa gợi tả
 - B. Sử dụng nhiều từ Hán Việt tạo nên giọng điệu trang trọng
 - C. Sử dụng nhiều kiểu câu trần thuật kết hợp với câu cảm thán
 - D. Sử dụng nhiều phép ẩn dụ và hoán dụ
4. Cảnh biển trong đoạn trích trên được miêu tả như thế nào?
 - A. Mênh mông và dữ dội
 - B. Duyên dáng và tĩnh lặng
 - C. Mịt mù và huyền ảo
 - D. Dịu dàng và mềm mại
5. Dòng nào sau đây không chứa từ Hán Việt?
 - A. nguy nga, rực rỡ, nhỏ xíu, can trường
 - B. long lanh, vất vả, du ngoạn, ào ào, xa xa
 - C. khăng khít, thon thả, lai láng, mênh mông
 - D. thùm thùm, nô giỡn, trắng hồng, trung thành
6. Từ *du ngoạn* có nghĩa là gì?
 - A. Công việc phiêu lưu, mạo hiểm
 - B. Làm ăn vất vả, khó nhọc
 - C. Cuộc sống lênh đênh, trôi nổi
 - D. Rong ruổi vui chơi ở những nơi xa

7. Yếu tố nào trong từ nào sau đây không cùng nghĩa với võ trong võ sĩ?
- A. võ bị B. võ trang
- C. võ vàng D. võ tướng
8. Câu văn nào sau đây không sử dụng phép so sánh?
- A. Cảnh hùng đông mặt biển nguy nga, rục rờ.
- B. Mảnh buồm nhỏ xíu phía sau nom như một con chim đang đỗ sau lái, cổ rướn cao sắp cất lên tiếng hót.
- C. Sóng đập vào mũi thùm thụp, chiếc thuyền tựa hồ một tay võ sĩ can trường giờ ức ra chịu đấm, vấp lao mình tới.
- D. Thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn.
9. Dòng nào sau đây chỉ chứa tính từ và cụm tính từ?
- A. cảnh hùng đông, những đám mây trắng hồng, sắp cất lên tiếng hót
- B. càng mạnh, càng lai láng mênh mông, trắng hồng, nguy nga, rục rờ
- C. chiếc thuyền bạn, đang lướt chồm trên sóng, tay võ sĩ can trường
- D. đang chạy ra khơi, mời mọc lên đường, cảnh mây nước long lanh
10. Hình ảnh con thuyền "tựa hồ một tay võ sĩ can trường giờ ức ra chịu đấm" nói lên điều gì ?
- A. Sự dữ dội của biển cả B. Sự to lớn của con thuyền
- C. Sự mạnh mẽ, can đảm của con người D. Cả A và B
- E. Cả A và C

Phần II : Tư luận (6 điểm)

Viết bài văn trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em yêu thích trong các văn bản truyện, kí đã học.

ĐỀ 2

Phần I : Trắc nghiệm (2 điểm)

Chọn phương án đúng để trả lời :

1. Tại sao truyện và kí đều thuộc loại hình tự sự ?
- A. Vì chúng đều nói về những hình ảnh thiên nhiên, con người, cuộc sống
B. Vì chúng đều nói về những câu chuyện, sự việc trong cuộc sống xã hội
C. Vì chúng đều thể hiện cái nhìn và thái độ của tác giả
D. Vì chúng đều sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật
2. Yếu tố nào dưới đây không thuộc tác phẩm truyện ?
- A. Cốt truyện
B. Nhân vật
C. Lời kể
D. Luận điểm

3. Yếu tố nào dưới đây không có trong thể kí ?

- A. Dùng phương thức tả và kể B. Có sự tưởng tượng, hư cấu, sáng tạo
C. Có người trần thuật D. Có các chi tiết về cuộc sống

4. Trong các văn bản sau, văn bản nào không thuộc thể kí ?

- A. *Cô Tô* B. *Cây tre Việt Nam*
C. *Vượt thác* D. *Lòng yêu nước*

Phần II. Tự luận (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Trong văn bản *Cô Tô* có câu : “Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại *vàng giòn* hơn nữa”.

Có thể thay từ *vàng giòn* trong câu trên bằng những từ nào? Hãy chỉ ra cái hay của từ *vàng giòn* so với các từ mà em tìm được.

Câu 2. (6 điểm)

Đóng vai nhân vật Kiều Phương hoặc thầy giáo Ha-men để kể lại nội dung câu chuyện trong văn bản *Bức tranh của em gái tôi* hoặc *Buổi học cuối cùng*.

7. THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

7.1. Mục tiêu

a) *Hình thành và phát triển một số kiến thức, kĩ năng và năng lực đặc thù*

(1) Về kiến thức, kĩ năng cơ bản

Hiểu, cảm nhận được ý nghĩa của hình tượng thơ và tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

– Nhận diện và đánh giá được những nét đặc sắc về nghệ thuật của các bài thơ trong chủ đề : hình ảnh thơ sống động, gợi cảm ; ngôn ngữ thơ giản dị, giàu nhạc tính ; nghệ thuật tả, kể kết hợp với biểu hiện cảm xúc.

– Đọc diễn cảm những đoạn thơ hay.

(2) về vận dụng

– Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về những bài thơ đã học.

– Trình bày miệng những kiến giải, suy nghĩ về các phương diện nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

– Rút ra những bài học về lí tưởng sống, cách sống và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống của bản thân.

b) *Phát triển một số phẩm chất cho HS*

Những bài thơ được học trong chuyên đề này góp phần bồi dưỡng cho HS tình cảm yêu mến, kính trọng, biết ơn đối với Bác Hồ và những thế hệ đi trước – những người đã cống hiến, hi sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, đồng thời tiếp tục giáo dục HS lòng dũng cảm, ý chí quyết tâm học tập, phấn đấu để cống hiến, xây dựng đất nước.

7.2. Nội dung chính

a) Kiến thức chung về thể loại

Đêm nay Bác không ngủ và *Lượm* là những sáng tác thuộc thể loại thơ trữ tình. Đặc trưng nổi bật của thể loại này là sự thể hiện tâm trạng, tình cảm, cảm xúc bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và có nhịp điệu. Khác với tự sự – thể hiện tư tưởng, tình cảm bằng con đường tái hiện các sự kiện, hiện tượng đời sống và cũng khác với kịch – thể hiện quan điểm, thái độ qua việc dựng lên những mâu thuẫn, xung đột, thơ trữ tình lấy việc phản ánh, biểu hiện đời sống tâm hồn của con người làm mục đích và nội dung thể hiện. Vì thế, đọc hiểu thơ trữ tình là tìm hiểu tâm trạng, tình cảm, thái độ, tư tưởng của tác giả được gửi gắm trong bài thơ.

Tuy nhiên, thơ trữ tình cũng không biểu cảm một cách thuần túy mà trong một số trường hợp vẫn sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt khác như miêu tả, nghị luận, tự sự,... mà *Đêm nay Bác không ngủ* và *Lượm* là hai trường hợp điển hình. Cả hai bài thơ đều có sự kết hợp tài tình, đạt tới trình độ mẫu mực giữa kể, tả và biểu hiện cảm xúc. Nhờ sự kết hợp này mà các nhà thơ không chỉ thành công trong việc khắc họa một cách sống động hình tượng nhân vật trữ tình mà còn biểu hiện một cách xúc động những tình cảm, cảm xúc của người viết.

Nói về thơ, về chất trữ tình trong thơ, không thể không đề cập đến chủ thể trữ tình và đối tượng trữ tình. Nếu chủ thể trữ tình là chủ thể bộc lộ tâm tư, tình cảm thì đối tượng trữ tình là nguyên có trực tiếp khơi dậy nguồn tình cảm, cảm xúc đó. Trong bài *Đêm nay Bác không ngủ*, chủ thể trữ tình có thể là tác giả, được thể hiện qua hình tượng “anh đội viên”, còn Bác Hồ là đối tượng trữ tình. Ở bài *Lượm*, chủ thể trữ tình có thể là nhà thơ hiện diện trực tiếp qua nhân vật “chú” và đối tượng trữ tình là Lượm.

Đêm nay Bác không ngủ và *Lượm* còn có một điểm đáng chú ý về phương diện thể loại, đó là thể thơ. Hai tác phẩm này được sáng tác theo thể thơ năm chữ (*Đêm nay Bác không ngủ*), bốn chữ (*Lượm*), có nhiều vần liền, nhiều khổ, thích hợp với lối kể chuyện.

b) Kiến thức cụ thể về các bài đọc

(1) *Đêm nay Bác không ngủ*

– Nội dung :

+ Câu chuyện cảm động về tấm lòng yêu thương bao la, sâu sắc của Bác Hồ đối với bộ đội và nhân dân qua cảm nhận của người chiến sĩ ;

+ Tình cảm yêu mến, kính phục của người chiến sĩ đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

– Nghệ thuật :

+ Thể thơ năm chữ, có nhiều vần liền nối giữa các khổ thơ ;

+ Nghệ thuật tả, kể, kết hợp với biểu hiện cảm xúc ;

+ Hình ảnh thơ sống động, gợi cảm ;

+ Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, chân thành ; nhiều từ láy có giá trị tạo hình và biểu cảm cao, góp phần khắc họa hình ảnh Bác Hồ kính yêu.

(2) *Lượm*

– Nội dung :

- + Hình tượng chú bé Lượm qua những kỉ niệm của tác giả : hồn nhiên, vô tư, trong sáng, vui tươi, yêu đời, say mê với công việc kháng chiến ;
- + Câu chuyện cảm động về sự hi sinh anh dũng của Lượm và tâm trạng xúc động, đau xót nghẹn ngào của nhà thơ khi hay tin Lượm hi sinh ;
- + Hình ảnh Lượm vô tư, hồn nhiên, yêu đời sống mãi trong tâm hồn tác giả.

– Nghệ thuật :

- + Thể thơ bốn chữ, nhiều khổ, gieo vần chân, thích hợp với lời kể chuyện ;
- + Sử dụng nhiều từ láy có giá trị tạo hình và giàu âm điệu ;
- + Nghệ thuật miêu tả, kể chuyện kết hợp với biểu hiện cảm xúc.

7.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động cho HS

(1) Hoạt động khởi động

Hoạt động này cần được triển khai một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, vừa lôi cuốn HS vào giờ học vừa khai thác vốn sống, sự hiểu biết của các em về những vấn đề có liên quan đến nội dung bài học.

– Ở bài *Đêm nay Bác không ngủ*, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập hai gợi ý GV tổ chức HS thành các nhóm. Các nhóm thi tài với nhau bằng những hiểu biết về các tác phẩm thơ, nhạc viết về Bác Hồ. Tùy theo điều kiện, GV có thể yêu cầu mỗi nhóm chọn ra một bài thơ hoặc bài hát mà các em thích để thể hiện trước lớp.

– Cũng với hình thức thi nhưng ở bài *Lượm*, GV không chia lớp thành các nhóm mà tổ chức thi giữa các cá nhân. Nội dung thi là những hiểu biết về các thiếu niên anh hùng ở nước ta (Kim Đồng, Lý Tự Trọng, Võ Thị Sáu, Nguyễn Bá Ngọc).

Ngoài ra, GV cũng có thể sáng tạo những cách khởi động khác miễn là đáp ứng yêu cầu của quá trình dạy học.

(2) Hoạt động hình thành kiến thức

Ở phần Văn, hoạt động này thực chất là hoạt động đọc hiểu văn bản. GV cần tiếp tục triển khai dạy đọc hiểu theo quan điểm đổi mới : HS là bạn đọc – chủ thể tiếp nhận sáng tạo các tác phẩm văn học. Nghĩa là GV không đọc hộ, cảm thụ hộ mà đóng vai là cầu nối giữa HS và tác phẩm. Các thao tác, việc làm cụ thể đều phải được thực hiện bởi chính HS dưới sự hướng dẫn của thầy, cô giáo, bắt đầu từ việc đọc văn bản đến tìm hiểu chú thích, rồi lần lượt làm các bài tập / nhiệm vụ để có thể khám phá được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Ở phần đọc văn bản bài thơ, GV có thể kết hợp giữa việc tổ chức HS đọc thầm và đọc thành tiếng để HS cảm nhận được âm hưởng chung của toàn bài thơ. Việc đọc diễn cảm nên được chú trọng để HS cảm

nhận được tình điệu và nhạc điệu chung của tác phẩm. Ở khâu này, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh mà GV có thể đọc hoặc giao việc đọc cho những HS có khả năng đọc tốt. Cũng trong phần đọc hiểu, việc khám phá giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản được triển khai qua một hệ thống các bài tập / nhiệm vụ với các mức độ và hình thức khác nhau. GV cần kiên trì tổ chức cho HS thực hiện các bài tập / nhiệm vụ ấy. Trong điều kiện dạy học cụ thể, GV có thể có những gợi ý, chỉ dẫn thêm, thậm chí thay bằng các bài tập khác miễn là phù hợp và đạt được yêu cầu đã đề ra.

(3) Hoạt động thực hành

Những kết quả của hoạt động đọc hiểu sẽ được củng cố bằng các hoạt động thực hành. Ở hoạt động này, GV kết hợp giữa việc tổ chức HS thực hành cá nhân với thực hành theo nhóm. Căn cứ vào nội dung của từng bài học, GV hướng dẫn HS thực hành.

Ở bài *Đêm nay Bác không ngủ*, hoạt động thực hành được tiến hành theo hình thức cặp đôi. Còn ở bài *Lượm*, HS thực hành theo hình thức cá nhân với giả định mình là người kể để thể hiện cảm nghĩ về nhân vật.

(4) Hoạt động vận dụng

Trên cơ sở nội dung học tập của các hoạt động trước, GV hướng dẫn HS tiến hành các hoạt động ứng dụng dưới nhiều hình thức đa dạng : viết bài văn (sáng tác thơ, vẽ tranh,...) về lãnh tụ ; trao đổi với người thân, bạn bè về những thiếu niên anh dũng trong thời kì chiến tranh và trong thời bình ;... GV có thể sáng tạo thêm các hình thức khác để tăng tính ứng dụng kiến thức, kĩ năng của bài học và tạo ra niềm say mê với việc học của HS.

(5) Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Giống như các bài học trước, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập hai đưa ra một số tư liệu bổ sung để HS mở rộng kiến thức. Trên thực tế, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS sưu tầm thêm những tư liệu khác. Đó có thể là những tác phẩm âm nhạc, hội họa, văn học,... viết về Bác Hồ, về những thiếu niên anh hùng như Lượm ; hoặc có thể là những câu chuyện về những con người có nhân cách cao đẹp, xả thân vì cộng đồng đáng để tuổi trẻ noi gương học tập. Những tư liệu đó có thể tìm thấy trên mạng in-tơ-nét hoặc các nguồn sách, báo khác. Để những hoạt động này được chú ý và đầu tư hơn, GV có thể hướng dẫn HS xây dựng các hồ sơ học tập hoặc tổ chức trưng bày, giới thiệu sản phẩm sưu tầm theo chủ đề. GV cũng nên có những hình thức đánh giá, khen thưởng thích hợp để động viên, khích lệ các em.

b) Những hình thức tổ chức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập

Tổ chức hoạt động học tập cho HS dưới các hình thức phong phú và phù hợp với nhu cầu, khả năng nhận thức của HS là một trong những cách thức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập. Nhìn chung, những hoạt động “học mà chơi, chơi mà học”, học qua trò chơi, học qua thi tài, học qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo,... vẫn là những hình thức được các em yêu thích, nhất là HS lớp 6 vừa từ Tiểu học chuyển lên.

Từ thực tế đó, các tác giả sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập hai đã cố gắng đưa những hình thức học tập nêu trên vào các bài học về thơ Việt Nam hiện đại.

7.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

(1) Đánh giá năng lực

- Tập trung đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thơ trữ tình hiện đại và vận dụng kết quả đọc hiểu ấy vào thực tiễn cuộc sống của HS.
- Tiêu chí đánh giá được xác định ở các mức :
 - + Nhận biết (nêu được tên và các chi tiết miêu tả hành động, lời nói, ngoại hình của nhân vật ; chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ,...) ;
 - + Thông hiểu (lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhà thơ ; phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật,...) ;
 - + Vận dụng ở mức thấp (vận dụng hiểu biết về chủ đề bài học vào việc tìm hiểu những bài thơ có nội dung tương tự ; nhận xét về những bài thơ ấy và chia sẻ với người thân, bạn bè,...) ;
 - + Vận dụng ở mức cao (viết bài giới thiệu về những bài thơ có nội dung tương tự ; vẽ tranh theo chủ đề của bài thơ,...).

(2) Đánh giá phẩm chất

- Yêu kính, biết ơn lãnh tụ và các thế hệ cha anh.
- Dũng cảm, dám dấn thân vì lí tưởng cao đẹp.

b) Hình thức đánh giá

GV có thể sử dụng các hình thức vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, bài thực hành, bài tập khoa học,... ; cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như : *đánh giá trước bài học* (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), *đánh giá trong bài học* (đánh giá sau mỗi bài tập / nhiệm vụ) và *đánh giá sau bài học* (sau mỗi chủ đề, học kì và đánh giá cuối năm học,...).

(3) Đánh giá thường xuyên (15 phút)

- Mục đích :
 - + Đánh giá việc hiểu, nắm kiến thức về tác phẩm của HS ;
 - + Phát hiện những “lỗ hổng” trong nhận thức của HS để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy học.
- Nội dung :
 - + Kiểm tra việc nhận biết và thông hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ trong chủ đề ;
 - + Có thể tích hợp kiểm tra các kiến thức về tiếng Việt và tập làm văn.
- Cách thức tiến hành :
 - + Xác định mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá ;

- + Xác định các phương diện năng lực cần đánh giá ;
- + Xây dựng ma trận đề ;
- + Thiết kế đề kiểm tra ;
- + Tổ chức kiểm tra ;
- + Tổ chức HS tự đánh giá hoặc đánh giá chéo theo hướng dẫn của GV ;
- + GV đánh giá lần cuối.

– Gợi ý đề kiểm tra (tham khảo) :

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGŨ VĂN

(Thời gian làm bài : 15 phút)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Ngày Huế đổ máu

Chú Hà Nội về

Tình cờ chú, cháu

Gặp nhau Hàng Bè

Chú bé loắt choắt

Cái xắc xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô đội lệch

Mồm huýt sáo vang

Như con chim chích

Nhảy trên đường vàng...

(Tố Hữu, *Lượm*)

Câu hỏi :

1. “Chú bé” được miêu tả trong đoạn trích trên là ai ?

2. Những từ ngữ, biện pháp nghệ thuật nào đã được nhà thơ sử dụng để miêu tả “chú bé” ?

Tác dụng của những từ ngữ, biện pháp nghệ thuật đó là gì ?

3. Qua sự miêu tả này, em nhận thấy “chú bé” có những nét đáng yêu, đáng mến nào và tình cảm của tác giả đối với nhân vật này được bộc lộ ra sao ?

4. Có bạn HS cho rằng : đoạn trích trên là minh chứng cho sự kết hợp giữa miêu tả, kể chuyện và biểu hiện cảm xúc trong thơ. Em có đồng ý với ý kiến trên không ? Vì sao ?

(4) Đánh giá định kì (40 phút)

– Mục đích, yêu cầu :

- + Đánh giá các năng lực đã hình thành và phát triển cho HS qua chủ đề thơ hiện đại Việt Nam. Xác định mức độ đạt được của HS so với mục tiêu đề ra trước khi học chủ đề này ;
- + Phát hiện những hạn chế trong nhận thức, kĩ năng của HS để kịp thời điều chỉnh ;
- + Rút kinh nghiệm cho việc học các chủ đề tiếp theo.

– Nội dung : Kiểm tra việc nắm vững và vận dụng những kiến thức về đọc hiểu văn bản mà HS đã được hình thành và phát triển qua chủ đề, tích hợp với việc kiểm tra các kiến thức về tiếng Việt và tập làm văn.

– Cách thức tiến hành :

- + Xác định mục đích, yêu cầu kiểm tra, đánh giá ;
- + Xác định các phương diện năng lực cần đánh giá ;
- + Xây dựng ma trận đề ;
- + Thiết kế đề kiểm tra ;
- + Tổ chức kiểm tra ;
- + Tổ chức HS tự đánh giá hoặc đánh giá chéo theo hướng dẫn của GV ;
- + GV đánh giá lần cuối.

– Gợi ý : Đề kiểm tra (tham khảo)

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGŨ VĂN

(Thời gian làm bài : 40 phút)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

BÀ MẸ VIỆT BẮC

[...]

Cụ Hồ mở nước

Rời ba tháng sau

Chia thóc cho dân

Thằng hai ngày trước

Tôi cũng lĩnh được

Chẳng biết ở đâu

Tôi cũng có phần!

Chạy về bắt chọt.

Thoạt trông thấy nó

[...]

Ở chơi ít bữa
Tôi chẳng biết ai
Nó hát cả ngày
Nó cao hơn bố
Dọn nhà sửa cửa
Tôi chỉ bằng vai.
Xới vườn luôn tay.
Bộ nó rõ oai
Rồi nó xung phong
Vai thì đeo súng
Vào Nam đánh giặc
Ngực chéo hai quai
“Bao giờ giặc xong
Áo thì thắt bụng.
Lại về Việt Bắc!”
Đầu nó đội mũ
Tôi bảo : “Mày đi
Có cái sao vàng
Mày lo cho khoẻ
Trước nó lam lũ
Đừng lo nghĩ gì
Bây giờ thấy sang!
Ở nhà có mẹ...”

(Tố Hữu)

Câu hỏi :

1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào? Hãy chỉ ra các đặc điểm cụ thể của thể thơ ấy trong đoạn trích trên (nhịp, vần,...).
2. Theo nhan đề của bài thơ, nhân vật xưng “tôi” trong đoạn trích trên là ai? Nhân vật ấy đang kể chuyện gì, tả ai với những chi tiết cụ thể nào?
3. Qua những nội dung kể, tả ấy, em cảm nhận được điều gì về người được tả (nhân vật được gọi là “nó”, “mày” trong đoạn thơ) và người tả (nhân vật xưng “tôi”)?
4. Tưởng tượng mình là em của nhân vật được miêu tả trong đoạn trích, hãy viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu kể lại thời điểm em và cả nhà bắt gặp anh đi hoạt động cách mạng trở về. Trong đoạn văn có sử dụng phép tu từ ẩn dụ hoặc hoán dụ.

8. VĂN BẢN NHẬT DỤNG

8.1. Mục tiêu

a) Hình thành và phát triển một số kiến thức, kỹ năng và năng lực đặc thù

(1) Về kiến thức, kỹ năng cơ bản

Trong CT Ngữ văn 6 hiện hành, sau khi giảm tải chỉ còn 1 bài : *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* (bài 29) ; các bài khác (*Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử* và *Động Phong Nha*) được đề ở phần đọc thêm.

Học xong văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, HS biết :

– Tóm tắt nội dung văn bản, nêu được ý chính của các đoạn, phát hiện được chủ đề của văn bản, từ đó hiểu được những thông điệp được gửi gắm trong văn bản (nhấn mạnh thông điệp : con người cần sống hài hòa với thiên nhiên, phải bảo vệ môi trường).

– Qua văn bản và các bài đọc thêm, HS hiểu và trình bày được đặc điểm của văn bản nhật dụng : Đó là những bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống hiện tại của con người và cộng đồng xã hội.

(2) Về vận dụng

– Đọc hiểu các văn bản nhật dụng khác : Qua việc đọc hiểu một văn bản nhật dụng cụ thể, hiểu được đặc điểm của văn bản nhật dụng, HS có thể đọc hiểu các văn bản cùng loại, với những nội dung thông điệp khác nhau.

– Vận dụng các tri thức học được để có hành vi đúng đắn trước các hiện tượng cuộc sống : bảo vệ môi trường, .

b) Phát triển một số phẩm chất cho HS

Qua văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, HS được bồi dưỡng tình yêu đất nước, nơi quê hương, đất tổ thiêng liêng, có ý thức bảo vệ môi trường, có lối sống hòa hợp với thiên nhiên. Các văn bản đọc thêm có thể bồi dưỡng cho các em niềm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc, thái độ trân trọng đối với quá khứ (*Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử*) ; thấy được sự kì diệu của cảnh quan thiên nhiên mà tạo hoá ban tặng cho con người để thêm yêu quê hương, đất nước mình, có ý thức giữ gìn và bảo vệ những danh lam thắng cảnh bằng những hành động phù hợp, thiết thực (*Động Phong Nha*).

8.2. Nội dung chính

a) Kiến thức chung về văn bản nhật dụng

– Văn bản nhật dụng không phải là một khái niệm chỉ thể loại tác phẩm văn học hoặc kiểu văn bản mà nhấn mạnh đến tính chất của nội dung văn bản. Đó là những bài viết có nội dung gần gũi, đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa bức thiết đối với cuộc sống hiện tại của con người và cộng đồng xã hội. Các văn bản nhật dụng HS được giới thiệu ở lớp 6 có thể là một bức thư (*Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*), cũng có thể là bút kí (*Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử*),...

– Các bài học về văn bản nhật dụng trong chương trình gồm các tác phẩm của cả Việt Nam và nước ngoài. Những văn bản này, bên cạnh giá trị về nội dung, còn có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật (bố cục, ngôn từ, hình ảnh, các phép tu từ,...).

– Điều quan trọng đối với HS khi tiếp cận văn bản nhật dụng là kết nối được những vấn đề thời sự, có ý nghĩa xã hội được đề cập trong văn bản với thực tiễn cuộc sống ; từ đó có nhận thức đúng đắn và bước đầu có cách ứng xử phù hợp với những vấn đề đặt ra trong cuộc sống có liên quan tới nội dung văn bản.

(1) Kiến thức cụ thể về bài đọc *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

– Nội dung : *Bức thư* của thủ lĩnh Xi-át-ton là tiếng nói đầy tâm huyết và trách nhiệm đối với mảnh đất cha ông, cũng là đối với thiên nhiên, môi trường sống của con người.

– Thông điệp của *bức thư* nói lên tầm quan trọng của việc sống hoà hợp với thiên nhiên và bảo vệ môi trường sống.

– Nghệ thuật : Giọng văn truyền cảm, sử dụng hiệu quả các phép tu từ.

8.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động của HS

Với mỗi bài học, GV tổ chức 5 hoạt động, trên cơ sở đó HS thực hiện việc lĩnh hội kiến thức và rèn luyện các kỹ năng, bồi dưỡng thái độ.

(1) Hoạt động khởi động

GV cần tạo ra những cơ hội giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng mà bản thân đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới. Hoạt động này có thể thực hiện bằng nhiều cách như tổ chức cho HS quan sát tranh, ảnh hoặc xem một đoạn phim ngắn ; thực hiện một trò chơi ; trả lời nhanh một số câu hỏi ;... Ở văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, GV có thể tổ chức chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ cụ thể (làm những câu hỏi / bài tập liên quan đến việc học văn bản mới). GV cần nêu yêu cầu cụ thể của nhiệm vụ : thực hiện trong thời gian bao lâu, câu trả lời cần đảm bảo được những yêu cầu gì, mỗi cá nhân trong nhóm có nhiệm vụ gì,...

(2) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của hoạt động này là hướng tới việc giúp HS tự chiếm lĩnh kiến thức mới thông qua thực hành giải quyết hệ thống các bài tập / nhiệm vụ do GV đặt ra (tùy vào đối tượng HS, GV có thể gợi dẫn để các em tự xác định yêu cầu, nhiệm vụ cần thực hiện đối với mỗi bài học). Hoạt động này tập trung vào những yêu cầu chủ yếu như sau :

– Đọc văn bản : HS cần chủ động đọc các văn bản nhật dụng và những chú thích có trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập hai để hiểu rõ hơn về nội dung văn bản. Đánh dấu những từ ngữ chưa hiểu hoặc còn băn khoăn, sau đó sử dụng từ điển để tra cứu hoặc trao đổi với GV để nhận được sự hỗ trợ cần thiết. Hoạt động đọc văn bản nên thực hiện theo hình thức GV đọc mẫu một đoạn sau đó gọi một số HS đọc tiếp từng phần của văn bản. Sau khi kết thúc hoạt động này, GV nên nhận xét hoặc yêu cầu các HS khác nhận xét về cách đọc, giọng đọc của bạn nhằm rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng của HS.

– Lí giải nội dung, ý nghĩa và giá trị nghệ thuật của văn bản là một trong những nhiệm vụ chính và quan trọng nhất của HS. Tuy nhiên, mục đích của hoạt động này không chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu các văn bản nhật dụng được học trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập hai mà thông qua việc tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của một số văn bản nhật dụng cụ thể, HS được rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản nhật dụng nói chung. Một số câu hỏi quan trọng mà HS cần trả lời để nắm được nội dung, ý nghĩa của các văn bản nhật dụng là : Văn bản đề cập tới vấn đề gì? Sự gần gũi hay tính cấp bách của vấn đề được thể hiện trong văn bản ra sao? Tác giả đã sử dụng những lập luận, dẫn chứng như thế nào để thể hiện quan điểm của mình? Bản thân có nhận xét gì về bố cục, văn phong, các yếu tố nghệ thuật của văn bản (cấu trúc, ngôn từ, giọng điệu, hình ảnh, các phép tu từ,...)? Thông điệp mà văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* gửi đến người đọc là mỗi con người cụ thể hãy chung tay bảo vệ môi trường sống của chúng ta trước khi quá muộn... Để thực hiện nhiệm vụ này, GV có thể tổ chức những hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của nhà trường. Ví dụ như xây dựng hệ thống câu hỏi (trắc nghiệm nhiều lựa chọn hay câu hỏi mở trả lời ngắn / trả lời dài) để từng cá nhân HS trả lời ; tiến hành hoạt động trao đổi, thảo luận trong nhóm nhỏ, sau đó đại diện của từng nhóm lên trình bày trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét theo yêu cầu của GV ; các cặp HS cùng trao đổi, thảo luận để chiếm lĩnh nội dung, ý nghĩa của văn bản dựa trên những nhiệm vụ cụ thể. HS cần khái quát được kĩ năng đọc hiểu văn bản nhật dụng nói chung qua những nhiệm vụ cụ thể như : cách thu thập thông tin được cung cấp trong văn bản ; cách kết nối, phân tích, lí giải các thông tin trong văn bản ; cách tìm hiểu về đặc điểm nghệ thuật của văn bản ;...

(3) Hoạt động luyện tập

– Mục đích của hoạt động thực hành là giúp HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học ở các hoạt động trên vào việc giải quyết những nhiệm vụ (câu hỏi, bài tập, tình huống) có liên quan. Thông qua hoạt động thực hành, GV biết được mức độ đạt được của mục tiêu dạy học.

– Cách thức tiến hành :

+ HS cần được hướng dẫn để thực hiện các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm thông qua việc trả lời các câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, tập hai hoặc các câu hỏi do GV đặt ra. Đối với văn bản nhật dụng, GV cần yêu cầu HS thực hiện việc so sánh, đối chiếu, suy luận để lí giải được những lí do khiến cho văn bản đó được xếp vào kiểu văn bản nhật dụng.

+ HS cũng cần tự đánh giá về giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi văn bản nhật dụng và nêu ra những lập luận, minh chứng để bảo vệ quan điểm của mình. GV có thể sử dụng những câu hỏi / bài tập trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* tập hai hoặc tự thiết kế những câu hỏi / bài tập phù hợp với đối tượng HS, hướng tới mục tiêu thực hành, củng cố những kiến thức, kĩ năng đã học. Nội dung chính của văn bản có thể được chia nhỏ, xem xét ở từng phần, dựa trên cấu trúc của bài đọc.

(4) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là khuyến khích HS, bằng vốn hiểu biết của mình có được từ bài học, đưa ra cách giải quyết những vấn đề có liên quan trong thực tế cuộc sống. Hoạt động ứng dụng được triển khai ngoài giờ lên lớp, tạo cơ hội cho HS tiếp cận với cộng đồng, trò

chuyện với người thân, phát triển năng lực tự học. Dạy học văn bản nhật dụng có lợi thế lớn trong việc thực hiện hoạt động ứng dụng bởi một đặc trưng của văn bản nhật dụng là vấn đề đặt ra trong văn bản rất thiết thực, hữu ích, gần gũi với cuộc sống.

Ví dụ : với *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, HS có thể được tiếp cận với một loạt vấn đề có liên quan đến thực trạng môi trường sống và việc bảo vệ môi trường ở địa phương. Điều đó sẽ giúp cho HS rất nhiều trong việc kết nối những kiến thức, kĩ năng học được từ nhà trường vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

(5) Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Mục đích của hoạt động này là giúp HS tiếp tục tìm hiểu và mở rộng kiến thức đã học trong nhà trường bằng cách thu thập, tìm kiếm những tri thức liên quan đến nội dung bài học từ các nguồn thông tin khác nhau. GV có thể đưa ra những định hướng cụ thể để tạo thuận lợi cho HS khi thực hiện hoạt động này. Chẳng hạn, để hiểu rõ hơn về mức độ khẩn thiết của lời kêu cứu từ môi trường sau khi học bài *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, GV có thể yêu cầu HS sưu tầm một văn bản (một đoạn phim ngắn hoặc một số hình ảnh) chứa thông điệp : Con người hãy bảo vệ môi trường, hãy cứu lấy môi trường trước khi quá muộn! Những sản phẩm được tìm kiếm và lựa chọn chắc chắn sẽ để lại trong tâm trí các em những ấn tượng khó phai mờ. Và như thế, những thông điệp mà các em nhận được từ văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* sẽ trở nên ngân vang, sâu lắng hơn.

b) Những hình thức tổ chức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập

GV cần thực hiện các hình thức tổ chức mới giúp HS hăng say học tập và cảm thấy vui vẻ, hứng thú trong giờ học, giảm trạng thái căng thẳng. Các hình thức tổ chức này cần căn cứ vào quá trình triển khai, tổ chức những hoạt động cụ thể như đã đề cập ở phần trên.

(1) Hoạt động cảm nhận ban đầu

Đây là hoạt động có tính chất chuẩn bị cho quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học ở bạn đọc HS. Nhiệm vụ của hoạt động này là tạo môi trường cảm thụ, giúp HS thoát khỏi những không gian riêng tư, cá nhân bên ngoài để chuyển vào không gian thẩm mĩ, tạm gạt bỏ những bộn bề của đời thường để “tham dự” vào cuộc giao tiếp nghệ thuật với nhà văn. Bằng những cách tác động nào đó, GV phải tạo được cho HS một tâm thế tiếp nhận, thu hút được sự chú ý của các em đối với bài học, gây được hứng thú và một ý thức sẵn sàng nhập cuộc đầy mê say với khát vọng trở thành bạn đọc sáng tạo của nhà văn.

(2) Hoạt động tái hiện hình tượng

Tiếp nối hoạt động tri giác ngôn ngữ, hoạt động tái hiện hình tượng giúp HS bước vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm. Chức năng của hoạt động này là kích hoạt trí tưởng tượng của HS, khiến các em nhìn ra bức tranh thiên nhiên và đời sống con người mà nhà văn khắc họa trong tác phẩm. Điều cần chú ý là GV không tưởng tượng, tái hiện thay HS. GV nên kiên trì gợi mở để HS nhận thức được cuộc sống trong tác phẩm qua trí tưởng tượng của chính các em. Nói cách khác, GV cần có biện pháp giúp HS chuyển thế giới hình tượng trong tác phẩm thành những hiện tượng tâm lí – tinh thần trong tâm trí các em.

Ở hoạt động hình thành kiến thức mới, HS có thể tham gia trò chơi thử tài (GV chia lớp thành các nhóm hoặc cũng có thể đưa ra những câu đố, khuyến khích cá nhân HS trả lời) hoặc tham gia vào quá trình đánh giá chéo (bình chọn nhóm thực hiện yêu cầu tốt nhất, cá nhân có câu trả lời hay nhất). Chẳng hạn, khi đại diện nhóm (1) trình bày phân thảo luận trong giờ học văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, GV sẽ mời các HS đại diện cho các nhóm khác (2, 3, 4,...) đưa ra những phản hồi (được tập hợp từ các thành viên trong nhóm mình) và có thể chấm điểm hoặc xếp loại để đánh giá kết quả thảo luận của nhóm (1).

(3) Hoạt động tự bộc lộ, tự nhận thức của HS

Tự bộc lộ là hoạt động chủ động, tự giác, tự nguyện của bạn đọc HS thể hiện kết quả tiếp nhận của mình đối với tác phẩm. Đó là sự thể hiện – dưới nhiều hình thức khác nhau – những rung động, nhận thức, tình cảm, thái độ,... của HS trước những con người, sự vật, sự kiện,... mà nhà văn xây dựng trong tác phẩm. Tự bộc lộ khác hẳn với lối áp đặt tình cảm, thái độ cho HS của GV trong lối giảng văn truyền thống. Tự bộc lộ là một hoạt động thể hiện tính dân chủ trong giờ học Ngữ văn. Nó là cơ hội để bạn đọc HS nói lên những suy nghĩ và tình cảm chân thật từ con tim, khối óc mình về nhân vật, tác giả, tác phẩm.

Ở hoạt động thực hành, HS có thể hoạt động theo hình thức cặp đôi để chia sẻ với bạn bên cạnh những suy nghĩ và tình cảm chân thật, những nội dung học tập cần củng cố. Ở các hoạt động khác như ứng dụng, bổ sung,... HS thực hiện việc tìm kiếm thông tin, kiến thức trong sách, báo, in-tơ-nét, hỏi chuyện người thân,...

8.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

(1) Đánh giá năng lực

– Năng lực đọc hiểu văn bản : tóm tắt nội dung ; nhận ra được chủ đề của văn bản ; hiểu được mục đích của tác giả khi tạo lập văn bản ; nêu đặc điểm về nội dung, nghệ thuật của văn bản ; thu thập, diễn giải và phân tích, nhận xét, đánh giá, phản hồi về các thông tin được đề cập trong văn bản.

– Năng lực tạo lập văn bản : tạo lập các văn bản nói / viết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung, nghệ thuật, chủ đề của những văn bản nhật dụng được học hoặc được đọc.

– Năng lực hợp tác : khả năng phối hợp với các thành viên khác (GV, bạn bè, người thân) trong việc tổ chức các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.

(2) Đánh giá phẩm chất

– Tình yêu đất nước, tình yêu thiên nhiên.

– Tinh thần sống hoà hợp với thiên nhiên và ý thức bảo vệ môi trường.

b) Hình thức đánh giá

GV có thể sử dụng các hình thức vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, bài thực hành, bài tập khoa học,... ; cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như :

đánh giá trước bài học (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), *đánh giá trong bài học* (đánh giá sau mỗi bài tập / nhiệm vụ), *đánh giá sau bài học* (sau mỗi chủ đề, học kì và đánh giá cuối năm học).

(1) Đánh giá thường xuyên :

– Mục đích, yêu cầu : Đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng của HS sau khi kết thúc bài học.

– Nội dung : Kiểm tra khả năng đáp ứng các yêu cầu cơ bản của bài học ở HS (tích hợp đánh giá các kiến thức về tiếng Việt và tập làm văn).

– Cách thức tiến hành : GV có thể ra các câu hỏi / bài tập định tính, định lượng để kiểm tra khả năng nhận thức của HS về văn bản. Các câu hỏi / bài tập có thể theo các dạng sau :

+ Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn dạng đơn giản / trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn dạng phức hợp (hỏi về tác giả, tác phẩm, đặc điểm thể loại, nội dung chính, chủ đề của văn bản,...).

+ Câu hỏi tự luận / câu hỏi mở (yêu cầu HS phát hiện, lí giải, nhận xét, đánh giá về nội dung, nghệ thuật, chủ đề của văn bản,...) ;

+ Bài nghị luận (yêu cầu HS trình bày cảm nhận, nêu quan điểm, suy nghĩ riêng của mình về một vấn đề có liên quan đến văn bản) ;

+ Phiếu quan sát làm việc nhóm (trao đổi, thảo luận về các giá trị của văn bản,...).

Bên cạnh đó, GV có thể ra các dạng bài tập thực hành để đánh giá năng lực của HS, chẳng hạn :

+ Hồ sơ học tập (tập hợp các sản phẩm thực hành) ;

+ Bài tập dự án (miêu tả thực trạng và đề xuất những biện pháp khắc phục hạn chế của thực trạng) ;

+ Bài trình bày miệng,...

Khi tiến hành đánh giá sau bài học, có thể tích hợp đánh giá các nội dung về tiếng Việt, tập làm văn.

– Tham khảo :

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài : 15 phút)

1. Văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* đặt ra những vấn đề gì?

2. Chỉ ra tác dụng của một số phép tu từ tác giả sử dụng trong văn bản.

(1) Đánh giá định kì (40 phút)

– Mục đích, yêu cầu : Đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng của HS sau khi kết thúc chủ đề văn bản nhật dụng.

– Nội dung : Kiểm tra khả năng đáp ứng các yêu cầu cơ bản của chủ đề văn bản nhật dụng của HS (tích hợp đánh giá các kiến thức về tiếng Việt và tập làm văn).

– Cách thức tiến hành : Xây dựng đề kiểm tra nhằm đánh giá năng lực đọc hiểu chùm văn bản nhật dụng của HS lớp 6. GV có thể sử dụng kiểu câu hỏi tự luận hoặc phối hợp giữa tự luận và trắc nghiệm.

– Tham khảo :

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài : 40 phút)

1. Qua văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* và các bài đọc thêm về văn bản nhật dụng, em rút ra được bài học gì về cách đọc hiểu văn bản nhật dụng?

2. Tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên là cách sống khôn ngoan nhất.

Dựa vào bài *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, em hãy viết đoạn văn khoảng 10 – 15 dòng thể hiện quan điểm của em về vấn đề trên.

II – PHẦN TIẾNG VIỆT VÀ TẬP LÀM VĂN

1. TIẾNG VIỆT

1.1. Mục tiêu

a) *Hình thành và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho HS*

Các năng lực sử dụng ngôn ngữ cần hình thành, phát triển cho HS gồm :

– Nhận biết các đơn vị ngôn ngữ, bao gồm : từ và cấu tạo của từ tiếng Việt (khái niệm từ, đơn vị cấu tạo từ, các kiểu cấu tạo từ) ; từ loại (danh từ và cụm danh từ, động từ và cụm động từ, tính từ và cụm tính từ, số từ, lượng từ, chỉ từ, phó từ) ; từ mượn ; nghĩa của từ (khái niệm nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ) ; các phép tu từ (so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ) ; câu và các kiểu câu (các thành phần chính của câu, câu trần thuật đơn).

– Sử dụng các đơn vị ngôn ngữ : sử dụng các từ theo kiểu cấu tạo (từ đơn, từ ghép, từ láy) ; sử dụng các từ loại ; sử dụng từ mượn ; sử dụng từ nhiều nghĩa ; sử dụng câu trần thuật đơn có từ *là* và câu trần thuật đơn không có từ *là* ; chữa lỗi dùng từ ; chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ ; rèn luyện chính tả,...

b) *Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt*

Học xong phần này, HS có thể :

– Phân tích được sự giàu đẹp của tiếng Việt ;

– Có thái độ yêu quý, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

1.2. Nội dung chính

a) *Từ và cấu tạo của từ tiếng Việt*

– Ở Tiểu học, HS đã học khái niệm về từ và đặc điểm cấu tạo của từ tiếng Việt. Ở lớp 6, HS tiếp tục được ôn lại và tìm hiểu sâu hơn, cụ thể hơn những kiến thức này. Trong tài liệu *Hướng*

dẫn học Ngữ văn 6, khái niệm về từ tiếng Việt được nêu một cách ngắn gọn : *Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu*. Bên cạnh việc cung cấp khái niệm về từ, bài học này còn giúp HS nắm được cách cấu tạo của từ tiếng Việt, cụ thể là giúp các em hiểu : *tiếng* là đơn vị cấu tạo nên từ ; phân loại từ thành *từ đơn* và *từ phức* là sự phân loại dựa vào số lượng tiếng trong từ. Ở đây, HS chưa cần đi sâu vào phân tích quan hệ ngữ pháp, quan hệ ngữ nghĩa,...giữa các tiếng trong từ ghép, từ láy, vì những nội dung này sẽ được giới thiệu ở lớp 7.

– GV cần lưu ý hướng dẫn HS cách nhận biết một tổ hợp nào đó là từ ghép hay cụm từ bởi ranh giới giữa *từ ghép* và *cụm từ* trong tiếng Việt có những trường hợp khó phân định. Để nhận biết một tổ hợp nào đó là từ ghép hay cụm từ, ta có thể dựa vào các dấu hiệu sau : *nghĩa* của tổ hợp ấy có tính thành ngữ không (nếu có thì đó là từ ghép) ; *cấu tạo* của tổ hợp ấy có chặt chẽ không (nếu có thì đó là từ ghép).

b) Từ mượn

Nội dung học về từ mượn nhằm giúp HS hiểu được thế nào là từ mượn, nhận biết được các từ mượn trong văn bản và biết sử dụng từ mượn một cách hợp lí trong khi nói / viết. Tài liệu *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* chỉ giới thiệu một cách chung nhất khái niệm về từ mượn và cho các em thấy từ Hán Việt là bộ phận quan trọng nhất trong các từ mượn của tiếng Việt.

c) Nghĩa của từ

(1) Một số điểm cần lưu ý về nghĩa của từ

– *Từ* là một đơn vị hai mặt trong ngôn ngữ. Mặt hình thức của từ mang tính vật chất và là một tập hợp gồm ba thành phần : hình thức ngữ âm, hình thức cấu tạo và hình thức ngữ pháp. Mặt nội dung (còn gọi là mặt nghĩa) mang tính tinh thần và là một tập hợp gồm các thành phần : nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm và nghĩa biểu thái. Vì nội dung của từ là một tập hợp nhiều nét nghĩa và mang tính tinh thần nên việc nắm bắt nghĩa của từ không dễ dàng. Hơn nữa, trong hoạt động giao tiếp, từ không tồn tại một cách biệt lập mà thường nằm trong nhiều mối quan hệ khác nhau. Trong mỗi quan hệ lựa chọn (quan hệ dọc), từ thường có quan hệ với các từ khác trong cùng một trường, rõ nhất và tập trung nhất là trong quan hệ với các từ đồng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa. Trong mỗi quan hệ cú đoạn (quan hệ ngang, quan hệ hình tuyến), từ gắn chặt với các từ khác trong sự kết hợp theo quy tắc ngữ pháp để tạo thành cụm từ, câu.

– Theo các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, nghĩa của từ là khái niệm về sự vật khách quan được phản ánh vào trong ngôn ngữ. Nghĩa của từ là một tập hợp các nét khu biệt. Ví dụ, từ *anh* trong tiếng Việt gồm các nét nghĩa : đàn ông, sinh trước, xét trong quan hệ gia đình với người cùng thế hệ,...

– Một số cách giải thích nghĩa của từ : Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* giới thiệu hai cách giải thích nghĩa của từ : giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị ; giải thích bằng cách đưa ra các từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa.

(2) Một số điểm cần lưu ý về từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ

– Khi mới xuất hiện, từ thường chỉ được dùng với một nghĩa nhất định. Nhưng do xã hội phát triển, nhận thức của con người phát triển, nhiều sự vật của thực tế khách quan được con

người khám phá và vì vậy cũng nảy sinh nhiều khái niệm mới. Để có tên gọi cho những sự vật mới được khám phá và biểu thị khái niệm mới được nhận thức đó, con người có thể có hai cách : tạo ra một từ mới ; thêm nghĩa mới vào những từ đã có sẵn. Theo cách thứ hai này, những từ trước đây chỉ có một nghĩa lại có thêm nghĩa mới. Chính vì vậy mà nảy sinh ra hiện tượng nhiều nghĩa của từ.

– Từ nhiều nghĩa và từ đồng âm có sự khác nhau. Ở từ nhiều nghĩa, giữa các nghĩa có những mối quan hệ nhất định, có thể tìm ra một cơ sở ngữ nghĩa chung. Còn từ đồng âm là những từ chỉ giống nhau về mặt âm thanh nhưng nghĩa của chúng không có mối quan hệ nào, tức là giữa các nghĩa không thể tìm ra cơ sở chung nào cả.

– Trong từ nhiều nghĩa, bao giờ cũng có nghĩa gốc (hay nghĩa đen, nghĩa chính) và nghĩa chuyển (hay nghĩa bóng, nghĩa phụ). *Nghĩa gốc* là nghĩa ban đầu ngay khi từ mới xuất hiện và là nghĩa cơ sở làm nảy sinh ra những nghĩa khác. Trong từ điển, bao giờ nghĩa gốc cũng được xếp ở vị trí số 1. *Nghĩa chuyển* là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc, được phái sinh từ nghĩa gốc. Vì vậy, nghĩa phái sinh bao giờ cũng xuất hiện sau nghĩa gốc.

– Nghĩa của từ trong hệ thống ngôn ngữ tồn tại dưới dạng tiềm năng và chỉ được hiện thực hoá trong những lời nói cụ thể. Vì vậy, trong câu, thông thường mỗi từ chỉ được hiện thực hoá một nghĩa nhất định. Tuy thế, trong các văn bản văn học, ở một số trường hợp, cả nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ có thể cùng song song tồn tại. Chính điều này giúp cho nghĩa của các văn bản văn học trở nên nhiều tầng hơn, tạo được sự liên tưởng phong phú và hứng thú cho người đọc.

d) Từ loại

Từ loại là kiến thức HS đã được học ở Tiểu học (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ). Trên cơ sở đó lên lớp 6, HS được ôn lại và nâng cao thêm một bước những hiểu biết về từ loại tiếng Việt.

(1) Một số điểm cần lưu ý về danh từ và cụm danh từ

– Khi danh từ hoạt động trong câu để đảm nhiệm một chức vụ ngữ pháp nào đó, thường trước hoặc sau danh từ còn có thêm một số từ ngữ phụ. Những từ ngữ phụ này cùng với danh từ lập thành một cụm danh từ.

Như vậy, có thể hình dung cấu tạo đầy đủ của một cụm danh từ như sau :

Phần trước (phụ ngữ trước)	Phần trung tâm (kí hiệu TT)		Phần sau (phụ ngữ sau)
kí hiệu t1 và t2)	TT 1	TT 2	kí hiệu s1 và s2)

Tuy thế, không phải lúc nào cụm danh từ cũng có cấu tạo đầy đủ như trên. Có thể cụm danh từ thiếu phụ ngữ trước hoặc thiếu phụ ngữ sau.

– Phần trung tâm của cụm danh từ không phải là một từ mà là một bộ phận ghép gồm hai từ, tạo thành trung tâm 1 (TT1) và trung tâm 2 (TT2). TT1 là trung tâm chỉ đơn vị tính toán và TT2 là trung tâm chỉ đối tượng được đem ra tính toán ; TT1 chỉ chủng loại khái quát, TT2 chỉ đối

tượng cụ thể. Với hai vị trí như vậy, phần trung tâm của cụm danh từ có thể xuất hiện đầy đủ hoặc có thể không đầy đủ (thiếu TT1 hoặc TT2).

(2) Một số điểm cần lưu ý về động từ và cụm động từ

– Cũng giống như danh từ, động từ là một từ loại có khả năng kết hợp với một số từ ngữ phụ để tạo thành cụm động từ.

Xét về mặt cấu tạo, dạng đầy đủ nhất của cụm động từ gồm :

Phần trước (phụ ngữ trước)	Phần trung tâm	Phần sau (phụ ngữ sau)
--------------------------------------	-----------------------	----------------------------------

Cụm động từ còn có khả năng xuất hiện dưới những dạng không đầy đủ các bộ phận trên (thiếu phụ ngữ trước hoặc phụ ngữ sau).

– Trong số các từ có khả năng làm phụ ngữ cho động từ, có loại chuyên đứng trước hoặc chuyên đứng sau động từ. Nhưng cũng có loại đứng trước hoặc đứng sau đều được. Tuy nhiên, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* chỉ giới thiệu với HS những loại phụ ngữ có vị trí cố định : phụ ngữ chỉ quan hệ thời gian, chỉ ý khuyến khích hoặc ngăn cản hành động, chỉ ý khẳng định hoặc phủ định hành động.

(3) Một số điểm cần lưu ý về tính từ và cụm tính từ

Tính từ có những đặc điểm ngữ pháp gần gũi với động từ. Trong đó, phụ ngữ trước của tính từ thường chỉ quan hệ thời gian, mức độ, sự phủ định hoặc khẳng định,... Phụ ngữ sau của tính từ có thể là một từ hay một tập hợp từ, thường dùng để bổ sung ý nghĩa về mức độ, sự so sánh,...

(4) Một số điểm cần lưu ý về số từ và lượng từ

– Số từ là những từ chỉ ý nghĩa số lượng và thứ tự của sự vật, trong khi đó lượng từ là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật. Ví dụ :

+ Số từ : chỉ số lượng hay số đếm : *một, hai, năm, mười, hai mươi*,... ; chỉ thứ tự : *nhất, nhì, ba, tư*,... Khi đi cùng với danh từ, số từ chỉ số lượng đứng trước danh từ, số từ chỉ thứ tự đứng sau danh từ.

+ Lượng từ : *những, các, tất cả, mấy, mọi*,...

– Số từ và lượng từ có tác dụng quan trọng về mặt ngữ pháp. Khả năng kết hợp với số từ và lượng từ ở phía trước là đặc điểm ngữ pháp tiêu biểu của danh từ. Chính khả năng kết hợp này của danh từ là một trong những tiêu chí quan trọng để phân biệt danh từ với các từ loại khác.

(5) Một số điểm cần lưu ý về chỉ từ

– Các từ như *ấy, kia, này, nọ*,... được sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* xếp vào chỉ từ.

– Chỉ từ là những từ dùng để trỏ vào sự vật nhằm xác định vị trí của sự vật trong thời gian hoặc không gian. Sự định vị này thường lấy vị trí của người nói tại thời điểm phát ngôn làm gốc. Ví dụ : *nay* (định vị sự vật ở thời điểm phát ngôn) ; *này* (định vị sự vật ở thời điểm trước thời điểm phát ngôn) ; *này* (định vị sự vật trong khoảng cách gần với người nói) ; *nọ* (định vị sự vật trong khoảng cách xa với người nói). Tuy nhiên, sự phân biệt ranh giới : *đó, này, nọ, kia*,... chỉ có tính chất tương đối, ước định.

(6) Một số điểm cần lưu ý về phó từ

– Phó từ cùng với lượng từ là những hư từ, chuyên đi kèm với các thực từ (danh từ, động từ, tính từ) để bổ sung ý nghĩa cho thực từ. Khác với thực từ, hư từ không có khả năng gọi tên sự vật, hành động, tính chất hay quan hệ nên hư từ được coi là những từ chỉ có ý nghĩa ngữ pháp, không có ý nghĩa từ vựng.

– Phó từ là loại hư từ chuyên đi kèm động từ, tính từ. Vì thế có thể dùng các phó từ để phân biệt danh từ với động từ, tính từ.

– Phó từ có khả năng bổ sung các loại ý nghĩa khác nhau cho động từ, tính từ. Sách

Hướng dẫn học Ngữ văn 6 giới thiệu các loại phó từ : phó từ chỉ thời gian, phó từ chỉ mức độ, phó từ chỉ sự tiếp diễn, phó từ chỉ sự phủ định, phó từ chỉ sự cầu khiến, phó từ chỉ sự khuyên can, phó từ chỉ kết quả và chỉ hướng.

e) Các phép tu từ

Ở Tiểu học, HS đã được học về phép tu từ so sánh và nhân hoá. Lên lớp 6, HS tiếp tục được ôn lại và nâng cao thêm một bước những hiểu biết về phép tu từ so sánh, nhân hoá và được học thêm phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

(1) So sánh

– So sánh trước hết là thao tác của tư duy lô gích : đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác để tìm ra sự tương đồng hoặc đối lập giữa chúng. Do vậy, so sánh có giá trị đối với quá trình nhận thức : đem cái chưa biết đối chiếu với cái đã biết để qua cái đã biết mà nhận thức, hình dung được cái chưa biết.

– Bên cạnh giá trị về nhận thức, so sánh còn tạo ra các sắc thái biểu cảm khác nhau.

Cách so sánh nhằm tạo ra các cảm xúc cụ thể, sinh động, tạo tính hình tượng,... gọi là so sánh tu từ. Do đó, cần giúp HS hiểu được cấu tạo của so sánh nói chung, nhận diện các kiểu so sánh cơ bản và chỉ ra tác dụng của so sánh, hiểu được các giá trị của phép so sánh tu từ.

(2) Nhân hoá

Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, hầu hết các kiến thức về nhân hoá đều không phải là kiến thức mới với HS. Riêng tác dụng của nhân hoá, cần giúp HS hiểu : ngoài tác dụng làm cho sự vật được miêu tả trở nên sống động, gần gũi với con người, nhân hoá còn thường xuyên được sử dụng làm phương tiện để con người giải bày tâm sự.

Lưu ý : Nhân hoá đã được dạy ở Tiểu học, do đó, ở THCS cần dạy sâu hơn về cấu tạo và tác dụng.

(3) Ẩn dụ

Ẩn dụ là phép chuyển nghĩa dựa trên mối liên tưởng tương đồng, tức sự gần nhau giữa các sự vật, hiện tượng. Ẩn dụ chưa được dạy học ở Tiểu học. Theo CT Ngữ văn 6 giảm tải, ẩn dụ được dạy ở mức giúp HS nhận diện và nêu được tác dụng của ẩn dụ trong nói, viết.

(4) Hoán dụ

Hoán dụ là một biện pháp chuyển nghĩa dựa trên phép liên tưởng tương cận, tức sự gần nhau giữa hai sự vật, hiện tượng.

Cũng như với ẩn dụ, CT Ngữ văn 6 giảm tải quy định dạy hoán dụ ở mức giúp HS nhận diện và nêu được tác dụng của hoán dụ trong nói, viết. Tùy từng trường hợp cụ thể để chỉ ra tác dụng biểu đạt của ẩn dụ và hoán dụ, nhưng nhìn chung, chúng giúp cho ý nghĩa biểu cảm của câu văn, đoạn văn thêm kín đáo, tế nhị, hoặc ý nghĩa miêu tả thêm sinh động, tinh tế, hấp dẫn,...

g) Câu và các kiểu câu

(1) Các thành phần chính của câu

Ở Tiểu học, HS đã được học về các thành phần chính của câu. Lên lớp 6, HS tiếp tục được củng cố và nâng cao kiến thức về các thành phần chính của câu : chủ ngữ và vị ngữ.

(2) Câu trần thuật đơn

Câu trần thuật đơn trong SGK *Ngữ văn 6* được hiểu là câu có hai tính chất :

- + Đó là các câu đơn xét về cấu tạo ngữ pháp (là câu có một cụm chủ – vị) ;
- + Đó là câu trần thuật xét về mục đích nói (là câu dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến).

Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* phân loại câu trần thuật đơn dựa vào tiêu chí dùng/ không dùng từ *là* ; theo đó, câu trần thuật đơn được phân thành hai kiểu chính : câu trần thuật đơn có từ *là* ; câu trần thuật đơn không có từ *là*.

Lưu ý : Không phải bất kì câu nào có từ *là* đều được gọi là câu trần thuật đơn có từ *là*. Vấn đề quan trọng ở chỗ *là* có phải là một bộ phận của vị ngữ hay không (Ví dụ : *Người ta gọi chàng là Sơn Tinh*. không phải câu trần thuật đơn có từ *là*).

1.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Những lưu ý chung

(1) Tích hợp dạy phần Tiếng Việt với dạy phần Đọc hiểu và Tập làm văn

Việc tích hợp giữa dạy phần Tiếng Việt với dạy phần Đọc hiểu và dạy Tập làm văn trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* thể hiện ở các phương diện :

– Về việc lựa chọn ngữ liệu dạy học tiếng Việt : Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* khai thác ngữ liệu trong văn bản đọc hiểu. Chẳng hạn, sau khi HS đọc hiểu bài *Em bé thông minh*, sách có hoạt động chữa lỗi dùng từ trong đó sử dụng các câu có mắc lỗi dùng từ thông qua việc kể lại câu chuyện *Em bé thông minh* (bài 1 – Hoạt động hình thành kiến thức).

– Về việc lựa chọn và sắp xếp nội dung : Sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* chú ý lựa chọn các kiểu câu phục vụ cho việc tiếp nhận và tạo lập các văn bản tự sự, miêu tả (câu trần thuật có vị ngữ là động từ, câu trần thuật có vị ngữ là tính từ, câu trần thuật có từ *là*) ; sắp xếp nội dung theo kiểu xen kẽ các vấn đề về từ, câu và văn bản, coi trọng sự liên kết theo chiều ngang với dạy đọc hiểu và dạy tập làm văn hơn là hệ thống kiến thức “hàn lâm” ngôn ngữ học.

– Về việc khai thác nội dung : Phần Tiếng Việt trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* tận dụng mọi cơ hội có thể để phục vụ việc dạy học Đọc hiểu và Tập làm văn. Chẳng hạn, khi dạy về từ mượn, sách đã có hoạt động yêu cầu HS tìm lời giải nghĩa từ mượn phù hợp nhằm giúp HS hiểu nghĩa của từ mượn trong văn bản *Thánh Gióng* vừa học (bài 2 – Hoạt động hình thành kiến thức).

(2) Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động cho HS

– Hoạt động tự học cá nhân, tự học theo nhóm để hình thành kiến thức tiếng Việt : Khác với SGK *Ngữ văn 6* hiện hành, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* theo mô hình Trường học mới tổ chức hình thành kiến thức cho HS thông qua hoạt động tự học cá nhân, tự học theo nhóm dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV. Hoạt động này nằm trong hoạt động hình thành kiến thức mới. Trong sách có nhiều hình thức thể hiện hoạt động này.

Ví dụ : Bài 3 – Hoạt động hình thành kiến thức :

4. Tìm hiểu nghĩa của từ



a) Dựa vào phần *Chú thích* trong bài đọc *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, điền vào cột *nội dung* tương ứng với *hình thức* của các từ theo bảng:

Hình thức	Nội dung
<i>Cầu hôn</i>	M: Xin được lấy làm vợ
<i>Phán</i>	
<i>Sính lễ</i>	
<i>Nao núng</i>	
<i>Tâu</i>	

b) Dựa vào bảng vừa hoàn thành ở mục a, đánh dấu x vào ô phù hợp để cho biết việc giải nghĩa các từ dưới đây được tiến hành theo cách nào. (theo mẫu)

Đối với hoạt động này, HS tự học cá nhân sau đó trao đổi, thảo luận theo nhóm để hoàn thành các yêu cầu của hoạt động, từ đó nắm được những kiến thức, kỹ năng cần ghi nhớ. Với mỗi yêu cầu của hoạt động, HS cần tự học theo từng bước như sau :

- Mỗi HS đọc thầm và thực hiện yêu cầu của hoạt động, ghi kết quả ra giấy nháp.
- HS trình bày miệng kết quả trong nhóm.
- Cả nhóm trao đổi, thống nhất ghi kết quả đúng vào bảng nhóm hoặc *Phiếu học tập*.

Trong quá trình HS thực hiện hoạt động, GV đến các nhóm để hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát kết quả hoạt động của HS. GV cũng có thể tổ chức cho một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp để giúp HS hiểu hơn, khắc sâu hơn nội dung kiến thức được học.

Đối với một số hoạt động, trong đó kiến thức tiếng Việt hoàn toàn mới đối với HS (HS chưa được học ở Tiểu học), GV cần chuẩn bị, dự tính trước những khó khăn mà HS có thể gặp phải để hỗ trợ kịp thời, đặc biệt là với những HS yếu. GV có thể điều chỉnh, giảm độ khó của các hoạt động sao cho mọi HS đều có thể thực hiện được yêu cầu của hoạt động.

Ví dụ : Ở bài 22 – Hoạt động hình thành kiến thức có mục “Tìm hiểu về ẩn dụ”. Khi hướng dẫn HS hoạt động này, GV cần lưu ý ẩn dụ là phép tu từ hoàn toàn mới đối với HS, do đó nếu chỉ tổ chức tự học theo hình thức cá nhân, HS yếu sẽ khó có thể hoàn thành các yêu cầu của bài học. GV có thể thay đổi hình thức tổ chức hoạt động bằng cách : sau khi HS thực hiện các yêu cầu theo hình thức cá nhân, các em có thể trao đổi theo nhóm để được chia sẻ, lắng nghe các ý kiến, cùng thống nhất kết quả đúng. Trong trường hợp cần thiết, nếu nhiều HS trong lớp không hiểu và không thực hiện được yêu cầu của hoạt động, GV có thể tổ chức làm việc chung cả lớp.

– Hoạt động thực hành, vận dụng, mở rộng kiến thức, kĩ năng đã học : Trên cơ sở những kiến thức, kĩ năng đã học ở hoạt động hình thành kiến thức mới, HS được tự học theo cá nhân, theo nhóm để thực hành, vận dụng, mở rộng kiến thức, kĩ năng ở hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng, hoạt động tìm tòi, mở rộng.

Ví dụ : Bài 11 – Hoạt động luyện tập :



1. a) Tìm các cụm danh từ trong những câu sau:

– Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

– [...] Gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại.

(Thạch Sanh)

b) Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 1 dòng) kể về một người thân của em, trong đó có sử dụng ít nhất 2 cụm danh từ. Gạch chân các cụm danh từ ấy.

Đối với hoạt động thực hành trên, HS dựa trên những hiểu biết đã có về danh từ và cụm danh từ để thực hiện yêu cầu a) của hoạt động. Để tìm được cụm danh từ, GV có thể hướng dẫn HS : xác định phần trung tâm của cụm danh từ ; chỉ ra phần phụ ngữ của danh từ.

Đối với yêu cầu b), HS được vận dụng kiến thức về cụm danh từ đã học để viết đoạn văn về người thân. GV gợi ý cho HS yêu thông qua các câu hỏi gợi ý. GV cũng có thể thay đổi chủ đề của đoạn văn có sử dụng cụm danh từ cho phù hợp với vốn sống, vốn ngôn ngữ của HS (nếu cần thiết). Để đánh giá kết quả của hoạt động và sản phẩm của hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi đoạn văn của mình với bạn bên cạnh hoặc lần lượt từng em đọc đoạn văn của mình trong nhóm, cùng trao đổi, tìm các cụm danh từ được sử dụng trong đoạn văn.

Nhìn chung, hoạt động thực hành, vận dụng, mở rộng trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* tạo ra các cơ hội cho HS rèn luyện kiến thức, kỹ năng sử dụng từ, câu vào việc nói/ viết. Để tổ chức cho HS tự học, tự thực hiện các yêu cầu của hoạt động thực hành, vận dụng, mở rộng, GV cần lưu ý hướng dẫn HS dựa trên những kiến thức đã học, tìm hiểu để thực hiện các yêu cầu, GV không làm hộ, làm thay HS nhưng cần quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần) nhằm tìm hiểu xem : HS có thực sự hiểu yêu cầu của hoạt động không? HS có biết cách và có thể thực hiện được yêu cầu không? Sản phẩm của HS như thế nào? Có cần điều chỉnh gì không?... Bên cạnh đó, với mỗi hoạt động, GV cần dự tính trước sản phẩm của hoạt động (đáp án) để dễ dàng hỗ trợ, kiểm soát sản phẩm của HS.

(3) Những hình thức tổ chức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập phần Tiếng Việt

Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* có nhiều hình thức tổ chức để làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập phần Tiếng Việt của HS. Ví dụ : Bài 20 – Hoạt động hình thành kiến thức (mục 3. *Tìm hiểu về các kiểu so sánh và tác dụng của phép so sánh*).

Với các hoạt động được thiết kế trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* đã thể hiện được tính thú vị, hấp dẫn, GV tổ chức cho HS tự học theo yêu cầu đã cho ở hoạt động. Với một số hoạt động khác, tùy theo điều kiện và hoàn cảnh của lớp học, tùy theo trình độ của HS, GV có thể điều chỉnh hoạt động để tăng độ thú vị, hấp dẫn. Việc điều chỉnh có thể từ hình thức trình bày của hoạt động đến cách thức tổ chức, cách sử dụng các phương tiện dạy học hỗ trợ, tăng hoặc giảm yêu cầu của hoạt động,...

b) Một số ví dụ minh họa

(1) Tổ chức Hoạt động hình thành kiến thức

Ví dụ : Bài 8.

1. Tìm hiểu về danh từ



Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi :

- Danh từ là những từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, khái niệm,...
- Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ **này, ấy, đó,...** ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm danh từ.
- Chức vụ điển hình trong câu của danh từ là chủ ngữ. Khi làm vị ngữ, danh từ cần có từ là đứng trước.

a) Em hiểu thế nào là danh từ ? Danh từ giữ chức vụ chủ yếu gì trong câu ? Lấy ví dụ minh họa.

b) Danh từ có khả năng kết hợp như thế nào để tạo thành cụm danh từ ?

(2) Tổ chức Hoạt động luyện tập.

Ví dụ : Bài 6.



2. Chữa lỗi dùng từ.

a) Đọc các câu dưới đây và cho biết câu nào mắc lỗi lặp từ :

(1) Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !

(Thép Mới)

(2) Truyện *Thạch Sanh* đã thể hiện cuộc đời của Thạch Sanh và những chiến công của Thạch Sanh.

(3) Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành, lớn lên.

b) Xác định từ dùng không đúng trong những câu sau và sửa lại cho đúng :

Câu văn	Từ mắc lỗi	Sửa
(1) Ngày mai chúng em sẽ đi thăm quan Viện bảo tàng của tỉnh.		
(2) Thái độ bàng quang của HS đối với hiện tượng quay cóp bài đã thành phổ biến.		
(3) Tôi nghe phong phanh bạn sắp chuyển đi Hà Nội học.		
(4) Tiếng Việt có khả năng diễn tả linh động mọi trạng thái tình cảm của con người.		
(5) Vùng này còn khá nhiều thủ tục như : ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình ; ốm không đi bệnh viện mà ở nhà cúng bái,...		

1.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

– Đánh giá năng lực ngôn ngữ, bao gồm : đánh giá năng lực nhận biết và năng lực sử dụng các đơn vị ngôn ngữ (sử dụng các từ theo kiểu cấu tạo ; sử dụng các từ loại ; sử dụng từ mượn ; sử dụng từ nhiều nghĩa ; sử dụng câu trần thuật đơn có từ *là* và câu trần thuật đơn không có từ *là* ; chữa lỗi dùng từ ; chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ ;...).

– Đánh giá tình cảm, thái độ : thái độ tôn trọng, yêu quý, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

b) Hình thức đánh giá

GV có thể sử dụng các hình thức vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, bài thực hành, bài tập khoa học,... ; cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học, như : *đánh giá trước bài học* (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), *đánh giá trong bài học* (đánh giá sau mỗi bài tập / nhiệm vụ), *đánh giá sau bài học* (sau mỗi chủ đề, học kì và đánh giá cuối năm học).

(1) Đánh giá thường xuyên (15 phút)

Đây là bài kiểm tra có thể tiến hành sau mỗi bài học. Đối với phần Tiếng Việt, nội dung kiểm tra nên tập trung nhiều hơn vào việc sử dụng ngôn ngữ của HS.

– Mục đích : Đánh giá việc nắm, hiểu kiến thức của HS ; phát hiện những “lỗ hổng” trong nhận thức của HS để kịp thời điều chỉnh ; tạo tiền đề cho bài học tiếp theo.

– Nội dung : Kiểm tra việc nhận biết và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ đã học.

– Tham khảo :

ĐỀ KIỂM TRA MÔN : NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài : 15 phút)

Dựa theo văn bản *Vượt thác*, hãy viết một đoạn văn (từ 3 đến 5 câu) tả dựng Hương Thuyền đưa thuyền vượt qua thác dữ ; trong đoạn văn có sử dụng cả hai kiểu so sánh : so sánh ngang bằng và so sánh không ngang bằng.

(2) Đánh giá định kì (40 phút)

– Mục đích, yêu cầu : Đánh giá các năng lực đã hình thành và phát triển cho HS qua chủ đề ; xác định mức độ đạt được của HS so với mục tiêu đã đề ra trước khi học chủ đề này ; phát hiện những hạn chế trong nhận thức, kĩ năng của HS để kịp thời điều chỉnh ; rút kinh nghiệm cho việc học các chủ đề tiếp theo.

– Nội dung : Kiểm tra việc nhận biết và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ đã học.

Lưu ý : Đề kiểm tra tiếng Việt ở cuối chủ đề cần tích hợp với kiểm tra đọc hiểu, sử dụng văn bản đọc hiểu để ra đề kiểm tra tiếng Việt. Các câu hỏi cần tập trung vào năng lực sử dụng ngôn ngữ của HS. Chẳng hạn, trong đề kiểm tra cuối chủ đề truyện trung đại đã có câu hỏi 6 là câu hỏi tích hợp kiểm tra kiến thức, kĩ năng tiếng Việt : “*Hãy tìm những động từ, cụm động từ, tính từ, cụm tính từ (nếu có) trong văn bản trên*”.

2. TẬP LÀM VĂN

2.1. Mục tiêu

a) *Nhận biết các kiểu văn bản được học ở lớp 6*

(1) *Văn bản tự sự (học kì I)*

– Hiểu được khái niệm tự sự và ý nghĩa của phương thức tự sự.

- Hiểu thế nào là chủ đề, sự việc, nhân vật và ngôi kể trong văn tự sự.
- Hiểu được bố cục, thứ tự kể, cách xây dựng đoạn trong bài văn tự sự.
- Vận dụng những hiểu biết về văn tự sự vào việc viết các đoạn văn, bài văn kể chuyện và trình bày miệng những câu chuyện được nghe hoặc chứng kiến.

(2) *Văn bản miêu tả* (học kì II)

- Hiểu được khái niệm văn miêu tả.
- Phân biệt được văn miêu tả và văn tự sự.
- Hiểu thế nào là thao tác quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét và vai trò của chúng trong việc viết văn miêu tả.
- Hiểu được bố cục, thứ tự miêu tả, cách xây dựng đoạn và lời văn trong bài văn miêu tả.
- Vận dụng những hiểu biết về văn miêu tả vào việc viết các đoạn văn, bài văn tả cảnh, tả người và trình bày miệng bài văn miêu tả trước tập thể.

(3) *Văn bản hành chính – công vụ* (học kì II)

- Hiểu được mục đích viết đơn.
- Hiểu được các đặc điểm của đơn.

b) *Viết / nói các bài văn thuộc các kiểu văn bản đã học*

(1) *Văn bản tự sự* (học kì I)

- Viết được đoạn văn có độ dài khoảng 8 – 10 dòng tóm tắt một truyện cổ dân gian hoặc kể chuyện theo chủ đề cho sẵn.
- Viết được bài văn có độ dài khoảng 30 – 40 dòng kể chuyện có thật đã được nghe hoặc chứng kiến.
- Viết được đoạn văn, bài văn kể chuyện tưởng tượng sáng tạo (thay đổi ngôi kể, cốt truyện, kết thúc,...).
- Trình bày miệng nội dung tóm lược (cốt truyện) của một truyện cổ dân gian.
- Trình bày miệng một câu chuyện có thật được nghe hoặc chứng kiến.

(2) *Văn bản miêu tả* (học kì II)

- Viết được đoạn văn miêu tả có độ dài khoảng 8 – 10 dòng theo các chủ đề cho trước.
- Viết được bài văn có độ dài khoảng 30 – 40 dòng : tả cảnh (tĩnh và động) ; tả đồ vật, loài vật, tả người (chân dung và sinh hoạt).
- Trình bày miệng một bài văn tả người, tả cảnh trước tập thể.

(3) *Văn bản hành chính – công vụ* (học kì II)

Viết được các loại đơn thường dùng trong thực tiễn đời sống.

c) Góp phần hình thành, phát triển một số năng lực liên quan

Cùng với việc hình thành và phát triển cho HS các năng lực đặc thù của phần Tập làm văn, cần chú ý góp phần xây dựng và nâng cao các năng lực có liên quan theo quan điểm tích hợp. Cụ thể :

(1) Năng lực đọc hiểu văn bản văn học nói chung và văn bản tự sự, miêu tả nói riêng : Những hiểu biết về văn tự sự, văn miêu tả không chỉ được sử dụng vào việc tạo lập các văn bản tương ứng mà còn được khai thác phục vụ cho việc hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học trong CT.

(2) Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Tạo lập văn bản tự sự và miêu tả, dù nói hay viết, đều đòi hỏi HS phải huy động vốn ngôn ngữ và sử dụng nó sao cho hiệu quả. GV cần chú ý kết hợp giữa việc rèn luyện năng lực tạo lập văn bản với việc củng cố, hoàn thiện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt cho HS.

(3) Các năng lực quan sát, tưởng tượng, tư duy, sáng tạo : Những năng lực này vừa là công cụ không thể thiếu trong việc hình thành và phát triển năng lực tạo lập văn bản tự sự, miêu tả vừa là những năng lực cần được phát huy, bồi dưỡng với tư cách là những năng lực chung mà bất cứ ai cũng cần trong cuộc sống.

d) Góp phần hình thành và phát triển một số đặc điểm về phẩm chất, tính cách HS

Việc tạo lập văn bản tự sự và miêu tả vừa đòi hỏi vừa góp phần phát triển ở HS các phẩm chất, tính cách sau :

- Sự kiên trì, lòng quyết tâm nâng cao khả năng giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ.
- Sự chuyên cần, chăm chỉ.

2.2. Nội dung chính

a) Kiến thức lí thuyết

Học kì	Kiểu văn bản	Nội dung kiến thức cơ bản
I	Tự sự	– Tự sự (kể chuyện) và ý nghĩa của tự sự
		– Sự việc, nhân vật trong văn tự sự
		– Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự
		– Đề văn và cách làm bài văn tự sự
		– Lời văn và đoạn văn tự sự
		– Ngôi kể trong văn tự sự
		– Thứ tự kể trong văn tự sự
		– Kể chuyện tưởng tượng

II	Miêu tả	– Khái niệm văn bản miêu tả
		– Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả
		– Phương pháp tả cảnh
		– Phương pháp tả người
	Hành chính – công vụ	– Ý nghĩa của việc viết đơn – Các loại đơn và những nội dung không thể thiếu trong đơn

b) *Kĩ năng thực hành*

Học kì	Kiểu văn bản	Nội dung kiến thức cơ bản
I	Tự sự	– Thực hành xác định các đặc điểm của văn bản tự sự qua một truyện dân gian đã học trong CT
		– Thực hành xác định và phân tích các sự việc, nhân vật trong một số văn bản tự sự đã học (truyện dân gian trong sách <i>Hướng dẫn học Ngữ văn 6</i>)
		– Thực hành xác định chủ đề và cấu trúc ba phần của bài văn tự sự qua một số truyện đã học
		– Tập viết phần mở bài cho bài văn tự sự
		– Thực hành tìm hiểu đề và lập dàn ý cho bài văn tự sự
		– Thực hành viết đoạn văn tự sự
		– Thực hành luyện nói kể chuyện
		– Thực hành lựa chọn và thay đổi ngôi kể, tập kể chuyện ở các ngôi kể khác nhau
		– Thực hành chọn thứ tự kể và tập kể theo những trình tự khác nhau
		– Thực hành xây dựng bài văn tự sự – kể chuyện đời thường
II	Miêu tả	– Thực hành nhận diện đoạn văn, bài văn miêu tả
		– Thực hành quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả
		– Thực hành lập dàn ý và viết bài văn tả cảnh
		– Thực hành lập dàn ý và viết bài văn tả người
		– Thực hành luyện nói về văn miêu tả
	Hành chính – công vụ	Thực hành viết đơn và sửa các lỗi thường mắc khi viết đơn

2.3. Một số lưu ý về tổ chức dạy học

a) Tích hợp dạy Tập làm văn với dạy Đọc hiểu và Tiếng Việt

Tích hợp tiếp tục là một trong những định hướng cơ bản của CT và sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*. Việc tích hợp vẫn được triển khai theo hai trục : trục ngang (trong từng đơn vị bài học) và trục dọc (giữa các bài học, các chủ đề).

Cũng giống như SGK *Ngữ văn 6* hiện hành, việc tích hợp giữa phần Tập làm văn với phần Đọc hiểu và Tiếng Việt vẫn xoay quanh một (một số) văn bản mẫu, tiêu biểu cho thể loại. Văn bản đó vừa là căn cứ để tổ chức hoạt động đọc hiểu từ đó phát triển năng lực đọc cho HS, vừa là ngữ liệu để rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt, đồng thời là các mẫu, các “vật liệu” để hình thành và nâng cao năng lực tạo lập văn bản nói / viết. Chẳng hạn, ở bài 7, văn bản truyện *Em bé thông minh* không chỉ là “vật liệu” để hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích mà còn cung cấp ngữ liệu để GV xây dựng các bài tập tiếng Việt (chữa lỗi dùng từ không đúng nghĩa) và văn bản ấy cũng chính là nội dung để HS luyện kể miệng một câu chuyện đời thường.

Tuy nhiên, so với SGK *Ngữ văn 6* hiện hành, yêu cầu tích hợp giữa phần Tập làm văn với Đọc hiểu và Tiếng Việt trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* theo mô hình Trường học mới cao hơn, gắn kết trong từng hoạt động, rõ nhất là các hoạt động hình thành kiến thức và hoạt động luyện tập. Mỗi hoạt động, về cơ bản, đều đảm bảo cả ba thành tố theo thứ tự lần lượt là : Đọc hiểu – Tiếng Việt – Tập làm văn. Thậm chí, trong Đọc hiểu đã có yếu tố của Tập làm văn được tích hợp. Chẳng hạn : ở bài 3, nội dung tìm hiểu sự việc, nhân vật trong văn tự sự (Tập làm văn) đã được tích hợp trong tiến trình tổ chức HS đọc hiểu văn bản truyện thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

Trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6*, việc tích hợp giữa phần Tập làm văn và phần Đọc hiểu được triển khai khá đồng bộ. Hầu hết các nội dung về tạo lập văn bản tự sự đều gắn với các văn bản truyện dân gian, lấy ngữ liệu từ các văn bản này, để rồi quay trở lại nâng cao chất lượng đọc hiểu của HS đối với các văn bản đó. Tương tự như vậy là việc dạy văn bản miêu tả. Phần lớn ngữ liệu được lấy từ các văn bản đọc hiểu. Những văn bản này không chỉ đặc sắc về nội dung và nghệ thuật mà còn là những mẫu mực về nghệ thuật tả người, tả cảnh. Cho nên, trong khi biên soạn sách, các tác giả đã tận dụng tối đa thế mạnh của những văn bản trên vào dạy học làm văn miêu tả.

Với phần Tiếng Việt, việc tích hợp diễn ra một cách tự nhiên. Tạo lập văn bản nói / viết, xét cho cùng là tạo ra các sản phẩm giao tiếp bằng tiếng Việt, cho nên trong *văn* (tập làm văn) đã có *tiếng* (tiếng Việt) và ngược lại. Mục đích cuối cùng của việc học tập ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ là để sử dụng chúng một cách hiệu quả vào các hoàn cảnh giao tiếp của HS. Tuy nhiên, cũng cần đặt ra những yêu cầu tích hợp cụ thể để nâng cao chất lượng học tập làm văn và tiếng Việt của HS, mà cũng là để nâng cao năng lực nói, viết tiếng Việt cho các em. Chẳng hạn : yêu cầu HS viết đoạn (bài) văn tả cảnh (tả người) trong đó có sử dụng phép tu từ ẩn dụ (hoán dụ, nhân hoá, so sánh) hay viết đoạn văn giới thiệu nhân vật Thạch Sanh trong đó có sử dụng ít nhất một từ được dùng với nghĩa chuyển hoặc khi trả bài tập làm văn, GV kết hợp với việc tổ chức cho HS phát hiện và chữa các lỗi dùng từ của chính các em và của bạn cùng lớp,...

Ngoài ra, dạy học Tập làm văn trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* còn tích hợp với nhiều kiến thức, kĩ năng khác trong đời sống. Điều này được thể hiện rõ nét trong *hoạt động vận dụng* khi HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống với sự tham gia của người thân, gia đình và cộng đồng.

b) Những đổi mới về hình thức tổ chức hoạt động cho HS

Cũng như hoạt động dạy học phần Đọc hiểu và Tiếng Việt, dạy học phần Tập làm văn trong sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* được tổ chức dưới nhiều hình thức.

– Đối với các bài học lí thuyết, việc tổ chức cho HS tiếp thu kiến thức được tiến hành bằng nhiều kiểu, mô hình bài tập khác nhau, khi độc lập, khi phối hợp với nhau như trả lời câu hỏi, trắc nghiệm, hoàn thành sơ đồ, điền vào *Phiếu học tập*,... Ví dụ bài 17, nội dung *Tìm hiểu chung về văn miêu tả* được thiết kế với 3 kiểu bài tập phối hợp : kết nối hình ảnh để tìm ý đúng ; trả lời câu hỏi trắc nghiệm ; viết tiếp vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn trong bảng cho sẵn. Qua việc thực hiện những bài tập này, HS sẽ tự mình tiếp nhận, rút ra những kiến thức lí thuyết chung về văn miêu tả. Nhìn chung, việc đa dạng hoá các dạng bài như thế có tác dụng kích thích tính tích cực học tập của HS, tránh được sự nhàm chán, đơn điệu.

– Với các bài thực hành rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản nói và viết, sách *Hướng dẫn học Ngữ văn 6* cũng hướng tới việc tổ chức HS vào các hoạt động cụ thể, phong phú : khi thực hành tại lớp, khi luyện tập ở nhà với người thân, bạn bè ; khi thực hành cặp đôi, khi cùng hoạt động trong nhóm, khi làm việc cá nhân, lúc lại cùng học tập với các bạn trong lớp dưới sự hỗ trợ của GV,... Tuy bài tập thực hành chỉ tập trung vào hai dạng nói và viết, nhưng cách thức thực hành nói, viết cũng phong phú, phù hợp với từng nội dung học tập, khả năng của HS và nhất là cố gắng khơi gợi sự hứng thú ở các em. Đây chính là ý tưởng thiết kế tài liệu dạy học này và cũng là mong muốn của những người biên soạn đối với các thầy (cô) giáo : hãy sáng tạo hơn nữa để có nhiều bài tập hay, bổ ích cho HS.

c) Những hình thức tổ chức làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập

– Học tập theo nhóm và có sự thi đua giữa các HS trong nhóm và giữa các nhóm. Ví dụ : Ở bài 10 có yêu cầu HS kể chuyện theo dàn bài đã lập. Từng HS trong nhóm kể theo dàn ý đã lập. Cả nhóm nhận xét và bầu ra bạn kể hay nhất. Sau đó, bạn này sẽ đại diện nhóm thi tài kể chuyện với các bạn đại diện của nhóm khác trong lớp.

– Học tập bằng các dạng bài tập trực quan. Ví dụ : bài tập luyện nói về miêu tả nhân vật (bài 19 – Hoạt động luyện tập).

– Học tập qua các trò chơi. Ví dụ : bài luyện nói về miêu tả những người xung quanh qua trò chơi “Đố biết ai” (bài 19 – Hoạt động luyện tập).

2.4. Kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung đánh giá

(1) Đánh giá năng lực tạo lập văn bản

Cũng như đánh giá năng lực đọc hiểu và sử dụng tiếng Việt, việc đánh giá năng lực tạo lập văn bản cần dựa trên một loạt các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể. Đây là căn cứ để GV xây dựng các

đề kiểm tra và tiến hành việc đánh giá kết quả học tập của HS. Những tiêu chí, tiêu chuẩn này đã được chi tiết hoá trong phần mục tiêu của chuyên đề này. GV cần cụ thể hoá hơn nữa khi gắn với từng bài học hoặc cụm bài học.

Ở đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm : năng lực nói chung và năng lực tạo lập văn bản nói riêng thể hiện rõ nhất, tập trung nhất ở kĩ năng thực hành. Vì thế, khi thiết kế các đề kiểm tra, GV cần chú ý xây dựng những bài tập có thể khiến HS bộc lộ được tối đa kĩ năng của mình.

Thêm nữa, cũng không nên bó hẹp trong các bài kiểm tra viết mà cần bổ sung các bài kiểm tra nói, trình bày, thuyết minh, quan sát, tưởng tượng,... để đánh giá kĩ năng tạo lập văn bản của HS một cách toàn diện, thiết thực, hiệu quả. Điều này cũng rất phù hợp với một nội dung tập làm văn trong CT, đó là các bài luyện kể miệng, luyện tả miệng những sự vật, hiện tượng, con người,... trong cuộc sống đời thường.

(2) Đánh giá các phẩm chất, năng lực liên quan

Những phẩm chất cần đánh giá đã được trình bày ở phần mục tiêu của chuyên đề. Cũng giống như phần trên, những tiêu chí đánh giá về phẩm chất cần được cụ thể hoá hơn khi gắn với các bài học, nhóm bài học.

b) Hình thức đánh giá

(1) Đánh giá thường xuyên (15 phút)

Đây là bài kiểm tra sau mỗi bài học.

– Mục đích, yêu cầu :

+ Đánh giá kết quả của việc nắm kiến thức lí thuyết của một bài học tập làm văn, khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng làm văn của HS so với mục tiêu đã đề ra ;

+ Phát hiện những sai sót, hạn chế, yếu kém của HS để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

– Nội dung :

+ Kiến thức lí thuyết (gắn liền với bài học cụ thể) về tập làm văn ;

+ Một phương diện của kĩ năng tạo lập văn bản.

– Cách thức tiến hành :

+ Xác định mục đích, yêu cầu kiểm tra ;

+ Xây dựng ma trận đề kiểm tra ;

+ Thiết kế đề kiểm tra ;

+ Tổ chức kiểm tra ;

+ Tổ chức cho HS tự đánh giá hoặc đánh giá chéo trên cơ sở đáp án do GV cung cấp ;

+ GV thu bài và đánh giá lần cuối (ở nhà).

(2) Đánh giá định kì (2 tiết hoặc làm ở nhà)

Đây là bài kiểm tra riêng cho phần tập làm văn, sau khi học xong các kiểu văn bản : tự sự (kì I), miêu tả (kì II) và các văn bản hành chính – công vụ.

– Mục đích, yêu cầu :

+ Đánh giá kết quả của việc nắm kiến thức lí thuyết, khả năng vận dụng và kĩ năng tạo lập các kiểu văn bản (tự sự, miêu tả, hành chính – công vụ) của HS so với mục tiêu đã đề ra.

+ Có cơ sở để điều chỉnh việc dạy tập làm văn, thậm chí là cả việc dạy đọc hiểu và tiếng Việt (nếu cần thiết) để nâng cao chất lượng học tập của HS.

– Nội dung :

+ Kiến thức lí thuyết về kiểu văn bản (tự sự, miêu tả, hành chính – công vụ).

+ Kĩ năng tạo lập các kiểu văn bản nêu trên.

– Cách thức tiến hành : về cơ bản, tiến trình giống như hình thức đánh giá thường xuyên, chỉ khác về mức độ, dung lượng, yêu cầu.

c) Đánh giá tổng hợp cuối học kì, cuối năm học (90 phút)

– Mục đích, yêu cầu : Đây là bài kiểm tra tổng hợp, tích hợp giữa phần Tập làm văn với phần Đọc hiểu và Tiếng Việt. Bài này hướng tới việc kiểm tra, đánh giá những năng lực ngữ văn then chốt, căn bản nhất của HS lớp 6.

– Mô hình chung của bài kiểm tra này là :

+ Phần 1 : Đọc hiểu

+ Phần 2 : Tự luận

Trong đó, phần 1 sẽ bao gồm các dạng bài tập :

• Chữa lỗi dùng từ (HS phát hiện và chữa các lỗi chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa,... trong một đoạn văn cho trước.)

• Đọc hiểu một văn bản (hoặc đoạn văn bản) truyện (hoặc thơ) không có trong CT nhưng tương ứng về thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung,... Việc đọc hiểu được tiến hành qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm (nhiều lựa chọn, điền khuyết, đúng / sai) ; câu hỏi mở đòi hỏi trả lời ngắn ; câu hỏi mở đòi hỏi trả lời dài.

Phần 2 sẽ là bài văn tự luận theo hướng vận dụng, tạo lập một văn bản mới từ những kiến thức và kĩ năng đã học.

Mô hình chung là thế nhưng trên thực tế, trong đọc hiểu đã tích hợp cả kiến thức về tiếng Việt, tập làm văn. Cụ thể, trong quá trình xây dựng câu hỏi cho bài đọc hiểu văn bản ngoài CT, GV đã thiết kế những câu hỏi về tiếng Việt liên quan đến việc đọc hiểu (chẳng hạn câu hỏi về nghĩa của từ, về các phép tu từ và tác dụng của chúng,...) hay những câu hỏi về tập làm văn có quan hệ với đọc hiểu (như câu hỏi về phương thức biểu đạt và ý nghĩa, giá trị của nó trong văn bản tự sự, văn bản miêu tả,...).

MỤC LỤC

	Trang
Phần thứ nhất : MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ	
MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM	3
Phần thứ hai : HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH	11
A. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC	11
I – HƯỚNG DẪN CHUNG.....	11
II – CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT	20
B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC	24
I – PHẦN ĐỌC HIỂU	24
1. Truyền thuyết.....	24
2. Truyện cổ tích	33
3. Truyện ngụ ngôn	49
4. Truyện cười.....	55
5. Truyện trung đại Việt Nam	58
6. Truyện, kí hiện đại	65
7. Thơ hiện đại Việt Nam.....	82
8. Văn bản nhật dụng	90
II – PHẦN TIẾNG VIỆT VÀ TẬP LÀM VĂN	96
1. Tiếng Việt	96
2. Tập làm văn	106